



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
XUẤT NHẬP KHẨU HOÀNG LONG PHÁT



BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

của cơ sở

**XƯỞNG CHẾ BIẾN VÀ XUẤT KHẨU HẠT ĐIỀU
CÔNG SUẤT 7.000 TẤN SẢN PHẨM/NĂM**

Địa điểm: Ấp Trung Sơn, xã Thanh An, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước



BÌNH PHƯỚC, NĂM 2024



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
XUẤT NHẬP KHẨU HOÀNG LONG PHÁT



BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

của cơ sở

**XUỞNG CHẾ BIẾN VÀ XUẤT KHẨU HẠT ĐIỀU
CÔNG SUẤT 7.000 TẤN SẢN PHẨM/NĂM**

Địa điểm: Ấp Trung Sơn, xã Thanh An, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước

CHỦ DỰ ÁN
CÔNG TY TNHH MTV XUẤT NHẬP
KHẨU HOÀNG LONG PHÁT



Lương Thị Mỹ Hạnh

ĐƠN VỊ TƯ VẤN
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ
XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG VITA



Trần Thị Thanh Thúy

MỤC LỤC

MỤC LỤC	1
DANH MỤC BẢNG	4
DANH MỤC HÌNH VẼ	5
MỞ ĐẦU	6
CHƯƠNG I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ	7
1.1. Tên chủ cơ sở:	7
1.2. Tên cơ sở:	7
1.3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở:	9
1.3.1. Công suất hoạt động của cơ sở	9
1.3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở	9
1.4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện nước của cơ sở	13
1.4.1. Nhu cầu sử dụng nguyên vật liệu	13
1.4.2. Nhu cầu về sử dụng nhiên liệu, hóa chất	14
1.4.3. Danh mục máy móc, thiết bị	15
1.4.4. Nhu cầu sử dụng nước	15
1.4.6. Nhu cầu sử dụng điện	17
1.5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở	18
1.5.1. Cơ cấu sử dụng đất của cơ sở	18
1.5.2. Các hạng mục công trình	18
CHƯƠNG II. SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG	19
2.1. Sự phù hợp của cơ sở đối với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường	19
2.2. Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường	19
CHƯƠNG III. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	20
3.1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải	20
3.2. Công trình, biện pháp xử bụi, khí thải	23
3.3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường	26

3.4.	Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại	27
3.5.	Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn.....	28
3.6.	Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình vận hành thử nghiệm và khi dự án đi vào vận hành.....	29
3.7.	Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác: không có	34
CHƯƠNG IV. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG.....		35
4.1.	Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải	35
4.2.	Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải:	35
	<i>Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải</i>	<i>35</i>
4.3.	Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung:.....	36
	<i>Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung:</i>	<i>36</i>
CHƯƠNG V. KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....		37
5.1.	Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với khí thải.....	37
5.2.	Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với chất lượng không khí khu vực sản xuất 37	
CHƯƠNG VI. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....		39
6.1.	Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải	39
	<i>6.1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm</i>	<i>39</i>
	<i>6.1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải:.....</i>	<i>39</i>
	<i>6.1.3. Tổ chức có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường dự kiến phối hợp để thực hiện.</i>	<i>40</i>
6.2.	Chương trình quan trắc chất thải định kỳ theo quy định của pháp luật	40
CHƯƠNG VII. KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ		42
CHƯƠNG IV. CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ.....		43

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

ĐTM	:	Đánh giá tác động môi trường
BOD ₅ ²⁰	:	Nhu cầu oxy sinh học ở nhiệt độ 20°C trong 5 ngày
COD	:	Nhu cầu oxy hoá học
CBCNV	:	Cán bộ công nhân viên
CTNH	:	Chất thải nguy hại
CTRSH	:	Chất thải rắn sinh hoạt
PCCC	:	Phòng cháy chữa cháy
QCKTQG	:	Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia
QLMT	:	Quản lý môi trường
TCVN	:	Tiêu chuẩn Việt Nam
QCVN	:	Quy chuẩn Việt Nam
UBND	:	Ủy Ban Nhân Dân
SS	:	Chất rắn lơ lửng
BNNPTNT	:	Bộ Nông nghiệp Phát triển nông thôn
TNHH	:	Trách nhiệm hữu hạn
XLNT	:	Xử lý nước thải

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1. 1: Tọa độ vị trí dự án.....	8
Bảng 1. 2: Công suất sản xuất trong năm hoạt động ổn định.....	9
Bảng 1. 3: Nhu cầu nguyên, vật liệu phục vụ cho cơ sở.....	13
Bảng 1. 4. Nhu cầu nhiên liệu, hóa chất.....	14
Bảng 1. 5: Cân bằng vật chất trong hoạt động sản xuất của dự án	14
Bảng 1. 6: Danh mục máy móc thiết bị phục vụ hoạt động của cơ sở.....	15
Bảng 1.7: Bảng nhu cầu sử dụng nước của cơ sở	17
Bảng 1. 8: Nhu cầu sử dụng điện của cơ sở	17
Bảng 1. 9: Cơ cấu sử dụng đất của cơ sở	18
Bảng 1. 10: Các hạng mục công trình của cơ sở.....	18
Bảng 3. 1: Thông số kỹ thuật công trình xử lý bụi, khí thải lò hơi.	25
Bảng 3. 2: Chất thải rắn thông thường tại cơ sở.....	26
Bảng 3.3: Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh của cơ sở.....	27
Bảng 4. 1: Bảng giới hạn chất lượng khí thải sau hệ thống xử lý nước thải.....	35
Bảng 5. 1: Kết quả quan trắc khí thải tại cơ sở	37
Bảng 5. 2: Kết quả quan trắc chất lượng không khí khu vực sản xuất tại cơ sở.....	38
Bảng 6. 1: Thời gian dự kiến thực hiện vận hành thử nghiệm.....	39
Bảng 6. 2: Kế hoạch quan trắc khí thải	39

DANH MỤC HÌNH VẼ

Hình 1.1: Sơ đồ vị trí cơ sở.	8
Hình 1. 2: Quy trình chế biến hạt điều	10
Hình 3. 1: Sơ đồ thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt.	22
Hình 3. 2: Quy trình công nghệ hệ thống xử lý khí thải lò hơi	24

MỞ ĐẦU

Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Hoàng Long Phát được Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3800630038 đăng ký lần đầu ngày 25/11/2009, thay đổi lần thứ 8 ngày 11/9/2024.

Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Hoàng Long Phát là chủ đầu tư dự án Xưởng chế biến và xuất khẩu hạt điều - công suất 7.000 tấn sản phẩm/năm. Dự án đã được phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo Quyết định số 138/QĐ-UBND ngày 16/1/2020 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Phước về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Xưởng chế biến và xuất khẩu hạt điều - công suất 7.000 tấn sản phẩm/năm” tại ấp Trung Sơn, xã Thanh An, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước do Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Hoàng Long Phát làm chủ đầu tư.

Nhằm hoàn thành các thủ tục môi trường theo quy định của Pháp luật, Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Hoàng Long Phát tiến hành lập báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường cho Xưởng chế biến và xuất khẩu hạt điều - công suất 7.000 tấn sản phẩm/năm trình Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước – Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh phê duyệt và cấp phép.

CHƯƠNG I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1.1. Tên chủ cơ sở:

- Tên chủ cơ sở: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XUẤT NHẬP KHẨU HOÀNG LONG PHÁT.

- Địa chỉ văn phòng: Tổ 2, thôn Tân Lực, xã Bù Nho, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước.
- Người đại diện theo pháp luật của chủ dự án đầu tư: Bà Lương Thị Mỹ Hạnh.
- Chức vụ: Giám đốc
- Điện thoại: 0972.405.424 Email:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Một thành viên: 3800630038 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp lần đầu ngày 25/11/2009, thay đổi lần thứ 8 ngày 11/9/2024.

- Quyết định chủ trương đầu tư số 2582/QĐ-UBND ngày 28/11/2019 về việc chấp thuận chủ trương cho Công ty TNHH Một thành viên Xuất Nhập Khẩu Hoàng Long Phát đầu tư dự án Xây dựng xưởng chế biến và xuất khẩu hạt điều – công suất 7.000 tấn sản phẩm/năm.

- Quyết định số 138/QĐ-UBND ngày 16/1/2020 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Phước về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Xưởng chế biến và xuất khẩu hạt điều - công suất 7.000 tấn sản phẩm/năm” tại ấp Trung Sơn, xã Thanh An, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước do Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Hoàng Long Phát làm chủ đầu tư.

1.2. Tên cơ sở:

XUỞNG CHẾ BIẾN VÀ XUẤT KHẨU HẠT ĐIỀU - CÔNG SUẤT 7.000 TẤN SẢN PHẨM/NĂM

- Cơ sở có tổng diện tích 9.746,4m² được xây dựng tại ấp Trung Sơn, xã Thanh An, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước. Ranh giới tiếp giáp của cơ sở với các khu vực xung quanh như sau:

- + Phía Bắc: giáp với đường nhựa ĐT757
- + Phía Nam: giáp vườn cao su.
- + Phía Đông: giáp đất cao su.
- + Phía Tây: giáp đường đất.

Với tọa độ vị trí được thể hiện như sau:

Bảng 1. 1: Tọa độ vị trí dự án.

Điểm	Tọa độ hệ VN 2000	
	X (m)	Y(m)
1	1297381,69	554993,92
2	1297459,51	555035,99
3	1297424,15	555121,98
4	1297325,03	555084,29
5	1297355,32	555028,17

(Nguồn: Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Hoàng Long Phát).



Hình 1.1: Sơ đồ vị trí cơ sở.

- Cơ quan thẩm định thiết kế xây dựng, cấp các loại giấy phép có liên quan đến môi trường của cơ sở:

+ Quyết định số 138/QĐ-UBND ngày 16/1/2020 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Phước về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Xưởng chế biến và xuất khẩu hạt điều - công suất 7.000 tấn sản phẩm/năm” tại ấp Trung Sơn, xã Thanh An, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước do Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Hoàng Long Phát làm chủ đầu tư.

- Quy mô Cơ sở:

+ Theo Quyết định chủ trương đầu tư ngày 06/2/2017 do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước cấp và Dự án đầu tư Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Hoàng Long Phát hoạt động với ngành nghề chính là chế biến gỗ với tổng mức đầu tư là 10.000.000.000 đồng (Mười tỷ đồng). Xét theo tiêu chí về đầu tư công tại Luật đầu tư công năm 2019 và Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/04/2020 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đầu tư công, dự án thuộc loại hình được quy định cụ thể tại Điểm d, Khoản 4, Điều 8 của Luật đầu tư công và mục số 4, Phần IV, Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 40/2020/NĐ-CP. Dự án có tổng mức đầu tư dưới 60 tỷ đồng, do đó dự án thuộc nhóm C.

+ Phân loại tiêu chí quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường: Dự án thuộc danh mục dự án đầu tư nhóm III (dự án ít có nguy cơ tác động xấu đến môi trường) quy định tại điểm b khoản 5 Điều 28 Luật Bảo vệ môi trường và thuộc mục số 02 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 08/2020/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính Phủ.

+ Dự án đã được UBND tỉnh Bình Phước phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án theo Quyết định số 138/QĐ-UBND ngày 16/1/2020. Căn cứ Khoản 1,2 Điều 39 và khoản 4 Điều 41 của Luật BVMT ngày 17/11/2020 thì cơ sở thuộc thẩm quyền cấp Giấy phép môi trường của UBND tỉnh Bình Phước.

1.3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở:

1.3.1. Công suất hoạt động của cơ sở

Sản phẩm của cơ sở trong năm hoạt động ổn định được trình bày trong bảng sau:

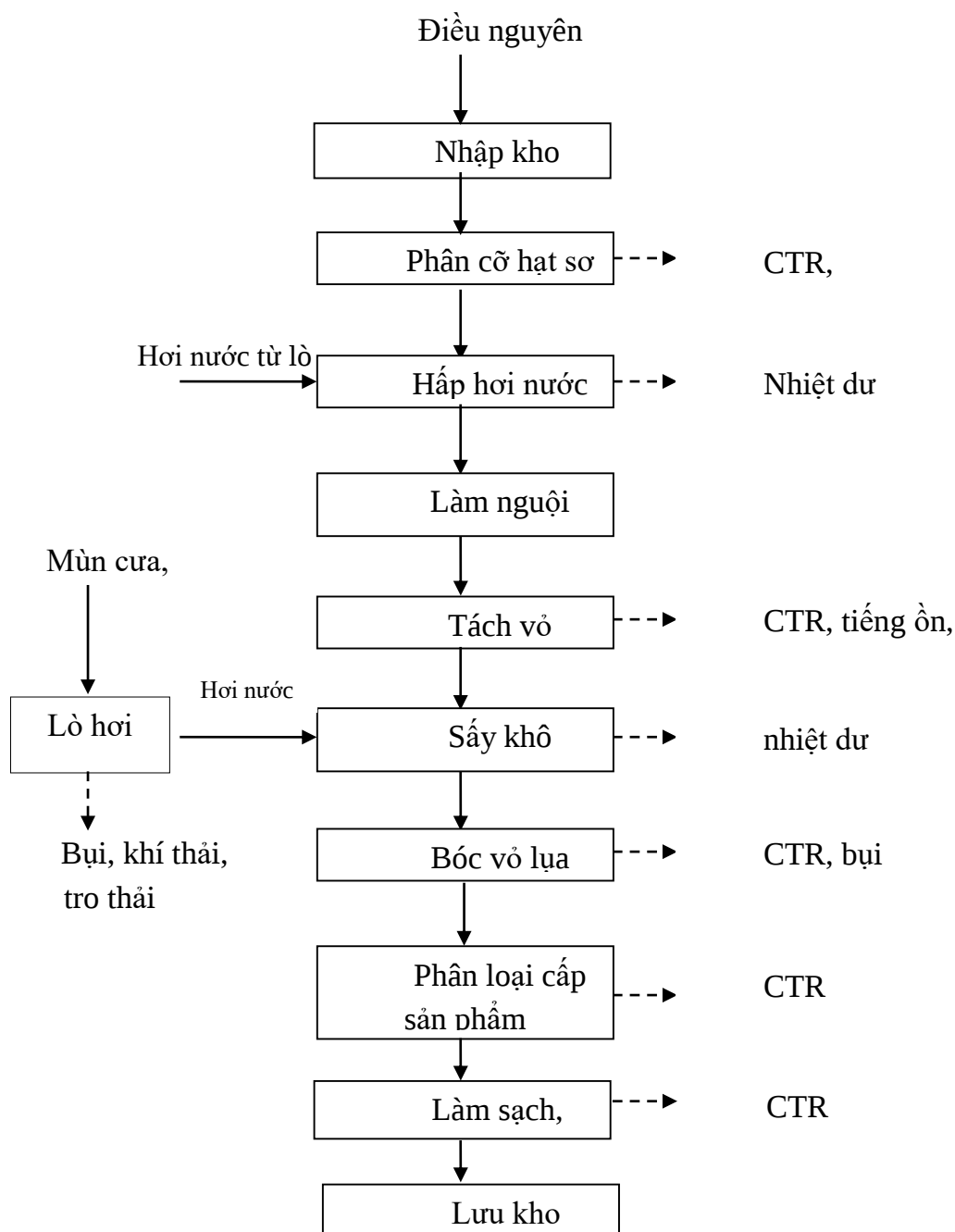
Bảng 1. 2: Công suất sản xuất trong năm hoạt động ổn định

Tên sản phẩm	Khối lượng
Sản phẩm hạt điều	7.000 tấn/năm

(Nguồn: Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Hoàng Long Phát).

1.3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở

Nhà máy áp dụng dây chuyền công nghệ chế biến hạt điều hiện đại, việc lựa chọn quy trình công nghệ tiên tiến phù hợp nhằm tạo ra sản phẩm đạt tiêu chuẩn chất lượng, đáp ứng nhu cầu thị trường trong nước và ngoài nước, đạt tiêu chuẩn xuất khẩu. Cơ sở chỉ sản xuất sản phẩm nhân điều từ hạt điều nguyên liệu khô (không sản xuất dầu điều). Sơ đồ quy trình công nghệ được mô tả như hình sau:



Hình 1. 2: Quy trình chế biến hạt điều

*** Mô tả quy trình sản xuất**

1. Nhập kho (công đoạn hỏ):

Điều nguyên liệu được công ty thu mua từ các đại lý thu mua điều trên địa bàn tỉnh Bình Phước. Điều nguyên liệu công ty nhập về đã được phơi khô, điều nguyên liệu có độ ẩm khoảng 8% - 10%. Điều nguyên liệu được cho vào kho chứa, có mái che để phục vụ cho các công đoạn sản xuất tiếp theo.

2. Phân cỡ sơ bộ (công đoạn hờ)

Hạt điều thô được lấy từ trong kho sẽ được phân cỡ hạt sơ bộ bằng máy phân loại hạt thành 4 loại:

- Loại A: kích cỡ hạt từ 24 – 26 mm tương ứng với số hạt bình quân/kg là 148.
- Loại B: kích cỡ hạt từ 22 – 24 mm tương ứng với số hạt bình quân/kg là 172.
- Loại C: kích cỡ hạt từ 20 – 22 mm tương ứng với số hạt bình quân/kg là 192.
- Loại D: kích cỡ hạt từ 18 – 20 mm tương ứng với số hạt bình quân/kg là 235.

Trong quá trình phân loại các bụi bẩn và tạp chất sẽ được đưa xuống sàng và loại ra ngoài. Hạt điều phân loại xong sẽ được mang đi hấp. Tại công đoạn này sẽ phát sinh bụi và chất thải rắn với tỷ lệ bụi bẩn, hỗn tạp (Hỗn tạp: Gồm các hạt teo, lép, sâu, cùi, cuống và các tạp chất khác như đất, đá hoặc những thành khác bám vào hạt điều trong quá trình phơi điều của các cơ sở thu mua) chiếm khoảng 0,5% khối lượng nguyên liệu nhập về.

3. Hấp hơi nước (công đoạn kín)

Hạt điều sẽ được vận chuyển lên cao đổ vào bồn chứa nguyên liệu, sau đó mở bồn hấp cho nguyên liệu từ bồn chứa nguyên liệu vào, mở motor cho bồn quay liên tục, mở hơi nước quá nhiệt cấp từ lò hơi vào bồn hấp. Hấp với nhiệt độ 100°C (áp suất > 8 kg/cm²) làm cho vỏ hạt điều phồng lên tạo ra một khoảng hở giữa vỏ và nhân để công đoạn cắt bóc vỏ lấy nhân được dễ dàng. Thời gian hấp tùy thuộc độ ẩm và kích cỡ của hạt, thường kéo dài từ 30 – 45 phút. Sau hấp từ 5 – 10 phút sẽ tháo hạt đã hấp ra. Ở công đoạn này sử dụng nhiệt từ lò hơi để hấp hơi nước, do đó sẽ phát sinh bụi khí thải từ lò hơi cũng như nhiệt, tro thải. Mục đích của việc hấp hạt là làm cho vỏ cứng của hạt điều khô lại, giòn, ít mỡ và tách biệt khỏi nhân bên trong. Vì thế khi đem chúng đi tách nhân sẽ giảm được tỉ lệ gãy của nhân hạt điều, quá trình hấp thực hiện ở nhiệt độ 100°C, nhiệt độ không làm bay hơi các hợp chất hữu cơ có trong vỏ hạt điều.

4. Làm nguội (công đoạn hờ)

Hạt sau hấp sẽ được tải mỏng để nguội khoảng 24 giờ sau đó sẽ được đưa đi cắt tách vỏ.

5. Tách vỏ (công đoạn hờ)

Hệ thống máy cắt tách hạt điều tự động này gồm 6 máy cắt riêng lẻ, đều dùng nhiên liệu là khí nén để vận hành. Hành trình cắt được lập trình cụ thể và hoàn toàn tự động. Hạt điều được đổ vào phễu mỗi máy, hạt tự động rơi xuống sàn có đục lỗ, từng hạt tuần tự rơi xuống 4 rãnh của máy cùng một lúc, sau đó được đẩy đến vị trí dao cắt. Cùng lúc dao cắt hoạt động, hạt lập tức được cắt bẻ đôi, rơi xuống băng tải. Hành trình cắt mỗi lần chỉ trong vòng 3 giây đồng hồ. Hạt cắt xong cùng vỏ, nhân, tất cả đều đưa vào băng tải dẫn đến hệ thống máy lựa, tách nhân đổ riêng vào một cửa, vỏ ra cửa khác, nhân vỡ ra một cửa khác nữa.

Nhà máy sử dụng máy cắt tách tự động để cắt 100% nguyên liệu, không sử dụng phương pháp cắt tách bằng dao thủ công truyền thống.

Sau khi tách vỏ, nhân điều được đưa vào bồn nạp liệu để phân loại nhân sống bằng hệ thống gàu tải, công đoạn này nhằm tách những nhân sống còn dính. Nhân sạch vỏ được nạp vào bồn chứa sàng chuyển vào lò sấy, nhân còn dính vỏ được đưa trở lại máy chế để tách vỏ. Tại công đoạn này sẽ phát sinh chất thải rắn là bụi và vỏ ngoài của hạt điều chiếm khoảng 64% khối lượng nguyên liệu đưa vào công đoạn tách vỏ. Vỏ ngoài của hạt điều được công ty bán cho các cơ sở sản xuất dầu điều, vỏ ngoài được thu gom và xe chở đi hàng ngày (không lưu chứa tại nhà xưởng).

6. Sấy khô (công đoạn kín)

Nhân hạt điều được cho vào các mâm sấy được xếp trên các xe đẩy vào phòng sấy, mở hơi nước quá nhiệt cấp vào dàn trao đổi nhiệt được lắp trong phòng sấy, nhiệt độ sấy có thể điều chỉnh theo yêu cầu bằng cách tăng giảm áp suất hơi quá nhiệt cấp vào. Ngừng sấy khi nhân đạt độ ẩm yêu cầu khoảng 4%, thời gian sấy: 16 giờ ở nhiệt độ 70-80°C, với nhiệt độ sấy này sẽ không làm bay hơi các hợp chất hữu cơ có trong nhân điều, quá trình sấy khô sẽ phát sinh nhiệt và hơi nước. Việc sử dụng lò hơi cấp nhiệt sấy cũng sẽ phát sinh bụi và khí thải từ hoạt động của lò hơi cũng như tro thải từ quá trình đốt mùn cưa, dăm bào.

7. Bóc vỏ lụa (công đoạn hở)

Nhân còn vỏ lụa đã sấy đạt yêu cầu kỹ thuật được lột vỏ lụa để lấy nhân bằng máy bóc vỏ lụa sau đó được công nhân kiểm tra và sử dụng các dao nhỏ cạo loại bỏ vỏ lụa bên ngoài còn sót lại sau khi qua máy bóc vỏ lụa. Lột vỏ lụa đảm bảo không còn sót vỏ lụa trên nhân, không được làm bể vỡ và cạo gọt nhân (quá mức quy định được phép). Tại công đoạn này sẽ phát sinh vỏ lụa, phần vỏ lụa này được công ty thu gom và bán cho các đơn vị có nhu cầu.

8. Phân loại cấp sản phẩm (công đoạn hở)

Nhân điều sau khi đã lột sạch vỏ lụa, đủ khô (độ ẩm khoảng 4%) không bị côn trùng phá hoại, không bị nấm mốc, không sót vỏ lụa và không lẫn các tạp chất từ bên ngoài vào, sẽ được đưa vào máy định cỡ hạt để phân ra các cấp hạng sau:

- Loại 1: số nhân 265-395/kg hoặc 120-180 /LB
- Loại 2: số nhân 440-465/kg hoặc 200-210/LB
- Loại 3: số nhân 485-530/kg hoặc 220-240/LB
- Loại 4: số nhân 575-620/kg hoặc 260-280/LB

Hoặc được phân loại theo màu sắc, tùy thuộc vào nhu cầu của khách hàng. Khối lượng từng cỡ hạt tùy thuộc vào nguyên liệu nhập và yêu cầu của đơn hàng, tuy nhiên tổng số lượng sản phẩm khi dự án hoạt động ổn định tối đa là 7.000 tấn sản phẩm/năm.

9. Làm sạch, đóng gói (công đoạn hở)

Nhân điều sau phân loại sẽ được đưa vào khu vực đóng gói.

- Nhân điều được đổ vào phễu chứa, băng tải sẽ tải nhân điều rải đều trên sàng (0,4-0,8 mm) để loại bỏ bụi, cám và tạp chất nhỏ. Kim loại và các tạp chất nhẹ sẽ được hút ra ngoài khi nhân điều đi qua dàn quạt hút và thanh nam châm. Những hạt lỗi và tạp chất còn sót lại sẽ được loại bỏ bằng tay bởi 6 công nhân kiểm tra trên băng tải. mảnh nhựa, thủy tinh, tóc,... sẽ được loại bỏ lần cuối khi đi qua máy X-Ray, sau đó nhân điều sẽ được nạp vào bao PE và hút chân không.
- Khối điều sau hút chân không sẽ cho qua máy dò kim loại rồi chuyển ra khỏi phòng đóng gói qua cửa nhỏ có phủ rèm nhựa. khối điều sẽ được đóng vào thùng carton và dán nhãn rồi xếp lên pallet lưu ở kho thành phẩm.

10. Lưu kho

Các sản phẩm đã được đóng gói sẽ được lưu vào kho và bảo quản ở nhiệt độ phòng. Sau đó xuất ra thị trường tiêu thụ. Thời gian lưu sản phẩm tại kho không quá một năm.

Cơ sở nhập điều đã phơi khô (có độ ẩm từ 8 – 10%) để tiến hành sản xuất sản phẩm nhân điều. Các phụ phẩm như vỏ ngoài, vỏ lụa được công ty thu gom và bán hàng ngày cho các đơn vị có nhu cầu, công ty không sản xuất dầu điều hay các phụ phẩm liên quan đến hạt điều.

1.4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện nước của cơ sở.

1.4.1. Nhu cầu sử dụng nguyên vật liệu

Bảng 1. 3: Nhu cầu nguyên, vật liệu phục vụ cho cơ sở.

Nguyên liệu	Đơn vị	Số lượng
Điều nguyên liệu	Tấn/năm	21.212

(Nguồn: Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Hoàng Long Phát).

Nguồn nguyên liệu chủ yếu cần cho hoạt động nhà máy chính là hạt điều, nguồn nguyên liệu này khá dồi dào ở tỉnh Bình Phước. Dự kiến nhà máy chế biến 7.000 tấn sản phẩm/năm cần khoảng 21.212 tấn điều nguyên liệu.

Nguồn nguyên liệu này sẽ được nhà máy thu mua từ các thương lái trên địa bàn huyện Hớn Quản và từ các khu vực lân cận. Điều nguyên liệu của nhà máy nhập về là điều thô, khô; Hạt điều thô khô có độ ẩm không quá 11%, thành phần hỗn tạp không lớn hơn 1% theo khối lượng và tỷ lệ thu hồi nhân không nhỏ hơn 30% theo khối lượng. Điều nguyên liệu nhập về là điều khô, do đó nhà máy sẽ nhập kho và thực hiện các công đoạn tiếp theo để tạo thành sản phẩm.

1.4.2. Nhu cầu về sử dụng nhiên liệu, hóa chất

Cơ sở sử dụng 01 lò hơi với công suất 2 tấn/h, sử dụng dăm bào, mùn cưa làm nguyên liệu đốt, nhu cầu sử dụng cụ thể như sau: Để tạo ra 1 tấn hơi hóa nhiệt trong 1 giờ cần 835.197 kcal, như vậy để tạo 2 tấn hơi hóa nhiệt trong 1 giờ cần 1.670.394 kcal. Vậy cần lượng nguyên liệu đốt là $1.670.394/3.472,4 = 481,05$ kg/giờ. Như vậy lượng nguyên liệu đốt cần cung cấp cho lò hơi 2 tấn/ h: trong 1 năm là 1.154,4 tấn/năm (thời gian hoạt động 8h/ngày và 300 ngày/năm).

Nhu cầu sử dụng điện, nhiên liệu và hóa chất của dự án dự kiến như sau:

Bảng 1. 4. Nhu cầu nhiên liệu, hóa chất

Stt	Tên nhiên liệu	Đơn vị	Số lượng
1	Dăm bào, mùn cưa dùng cho lò hơi	Tấn/năm	1.154,4
2	Chlorine (sử dụng trong xử lý nước thải)	Kg/năm	10,7

(Nguồn: Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Hoàng Long Phát)

Bảng 1. 5: Cân bằng vật chất trong hoạt động sản xuất của dự án

Đầu vào		Đầu ra		Phương án sử dụng/xử lý
Điều nguyên liệu (điều thô, khô)	21.212 tấn/năm	Tạp chất từ công đoạn phân loại sơ bộ cỡ hạt	106,06 tấn/năm	Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom
		Vỏ ngoài phát sinh từ công đoạn tách vỏ	13.507,802 tấn/năm	Bán cho đơn vị có nhu cầu
		Hơi nước bay hơi từ quá trình sấy	474,884 tấn/năm	Bay hơi
		Vỏ lụa từ quá trình bóc vỏ lụa	102,191 tấn/năm	Bán cho đơn vị có nhu cầu
		Tạp chất từ công đoạn làm sạch, đóng gói	21,063 tấn/năm	Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom
		Điều sản phẩm	7.000 tấn/năm	Cung cấp cho thị trường trong nước và xuất khẩu
Mùn cưa, dăm bào làm nguyên liệu đốt	1.154,52 tấn/năm	Tro thải	11,5452 tấn/năm	Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom
		Bụi thu từ HTXL khí thải	2,826 tấn/năm	
		Cặn từ hệ thống xử lý khí thải	1,211 tấn/năm	
		Nhiệt, khí thải từ quá trình đốt	-	Phát tán ra môi trường

(Nguồn: Công ty TNHH Tư vấn và Xây dựng môi trường Vi Ta tổng hợp)

1.4.3. Danh mục máy móc, thiết bị

Danh mục máy móc, thiết bị sử dụng trong quá trình hoạt động của cơ sở được trình bày cụ thể dưới đây:

Bảng 1. 6: Danh mục máy móc thiết bị phục vụ hoạt động của cơ sở.

Stt	Tên hạng mục	ĐVT	SL	Công suất điện/công suất sản xuất	Xuất xứ	Hiện trạng
1	Máy phân loại hạt điều thô	cái	1	15Kw/h, 10 tấn/giờ	Việt Nam	Mới 100%
2	Máy hấp thùng quay	Bộ	6	1 tấn/giờ	Việt Nam	Mới 100%
3	Lò hơi	cái	1	2 tấn hơi/giờ	Việt Nam	Mới 100%
4	Lò sấy	cái	3	3 Tấn/mẻ	Việt Nam	Mới 100%
5	Máy cắt hạt điều	cái	9	12Kw/h, 2 tấn/giờ	Việt Nam	Mới 100%
6	Máy phân loại điều nhân sống	Bộ	1	5 Kw/h, 2 tấn/giờ	Việt Nam	Mới 100%
7	Máy bóc tách vỏ lụa	Bộ	4	4 Kw/h, 0,8 tấn/giờ	Việt Nam	Mới 100%
8	Máy phân loại nhân điều	Bộ	1	6Kw/h, 2 tấn/giờ	Việt Nam	Mới 100%
9	Dây chuyền đóng gói	Bộ	1	5 Kw/h, 2 Tấn/giờ	Việt Nam	Mới 100%
10	Máy dò kim loại	Bộ	1	1 Kw/h, 2 tấn/giờ	Việt Nam	Mới 100%
11	Máy dò tạp chất X -Ray	Bộ	1	1 Kw/h, 2 tấn/giờ	Việt Nam	Mới 100%
12	Bao PE (đóng gói sản phẩm)	Tấn	10	-	Việt Nam	Mới 100%
13	Xe nâng	Chiếc	2		Trung Quốc	Mới 100%
14	Máy đo độ ẩm nhân điều	cái	3	-	Trung Quốc	Mới 100%
15	Bàn ghế	-	-	-	Việt Nam	Mới 100%
16	Thiết bị, dụng cụ văn phòng	-	-	-	Việt Nam	Mới 100%
17	Hệ thống xử lý khí thải	Hệ	1	-	Việt Nam	Mới 100%
18	Thùng rác	Cái	8	Vật liệu nhựa, 60L	Việt Nam	Mới 100%

(Nguồn: Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Hoàng Long Phát).

1.4.4. Nhu cầu sử dụng nước

❖ Nguồn cấp nước

Nguồn nước cấp cho quá trình sinh hoạt và sản xuất tại cơ sở được lấy từ giếng khoan trong khu vực.

❖ **Nhu cầu dùng nước**

✓ **Nước sinh hoạt:**

Nước cấp phục vụ cho hoạt động sinh hoạt cho toàn bộ cán bộ công nhân viên sẽ được lấy từ nước ngầm tại dự án. Nước sinh hoạt: Theo QCVN 01:2021/BXD – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng. Hướng tới mục tiêu sử dụng nước an toàn, tiết kiệm và hiệu quả, nhu cầu nước sinh hoạt (bao gồm nước tắm giặt, vệ sinh,...) trong giai đoạn hoạt động có khoảng 35 người làm việc tại cơ sở, được tính toán là 80 lít/người/ngày đêm.

$$35 \text{ người} \times 80 \text{ lít/người/ngày.đêm} = 2,8\text{m}^3/\text{ngày.đêm};$$

✓ **Nước dùng cho hoạt động sản xuất**

Ước tính lượng nước cấp (lượng nước cấp này sẽ được cấp trực tiếp không có hệ thống xử lý làm mềm nước) cho 01 lò hơi công suất 2 tấn/h như sau:

- Cấp ban đầu: 4 m³ (hoạt động trong vòng 8h - lượng hơi nước sẽ được ngưng tụ và cấp trở lại lò hơi).
- Cấp bổ sung: Trong quá trình hoạt động một lượng nước sẽ thất thoát do bay hơi do đó sẽ cung cấp một lượng nước bổ sung là khoảng 1,6 m³/ngày (chiếm khoảng 40 % lượng nước cấp ban đầu).

Nước sử dụng cho hệ thống xử lý khí thải lò hơi (bể lọc ướt):

– Cấp ban đầu: 4 m³ cho hệ thống xử lý, công ty lắp đặt 01 hệ thống xử lý khí thải lò hơi để xử lý khí thải từ 01 lò hơi.

– Cấp bổ sung: Trong quá trình xử lý một lượng nước sẽ thất thoát do bay hơi do đó sẽ cung cấp một lượng nước bổ sung là khoảng 0,5 m³/ngày.

– Dự án không xịt rửa thiết bị, đối với máy móc thiết bị được vệ sinh bằng dầu dừa, công ty sử dụng giẻ lau thấm dầu dừa để làm sạch máy móc thiết bị.

- Nước PCCC: Tính toán lượng nước dự trữ cần thiết dự phòng cho công tác chữa cháy (hoặc diễn tập PCCC) cần thiết: theo TCVN 2262:1995 phòng cháy chữa cháy nhà và công trình - yêu cầu kỹ thuật, định mức nước chữa cháy bằng 20lít/s/đám cháy; lượng nước cần dự trữ chữa cháy trong 1 giờ liên tục

$$Q_{cc} = 1 \text{ đám cháy} \times 20 \text{ lít/s} \times 1 \text{ giờ} = 72\text{m}^3$$

Như vậy, khi cần thiết/hoặc diễn tập PCCC trong 01 giờ với lượng nước chữa cháy cần dùng 72m³. dự án có bể chứa nước đáp ứng nhu cầu dự trữ nước cho công tác PCCC chữa cháy. Hệ thống PCCC sẽ được thiết kế và thẩm duyệt theo đúng các quy định hiện hành.

- Tổng nhu cầu sử dụng nước của cơ sở được trình bày chi tiết ở bảng sau:

Bảng 1.7: Bảng nhu cầu sử dụng nước của cơ sở

Stt	Nhu cầu cấp nước	Cấp mới ban đầu (m ³ /ngày)	Sử dụng hàng ngày (m ³ /ngày)	Nhu cầu xả thải (m ³ /ngày)	Ghi chú
1	Sản xuất	8	2,1	-	Nước được sử dụng tuần hoàn
1.1	Nước cấp cho lò hơi	4	1,6	-	
1.2	Cấp nước cho hệ thống xử lý khí thải lò hơi	4	0,5	-	
2	Sinh hoạt		2,8	2,8	Xử lý bằng bể tự hoại 5 ngăn
Tổng		8	4,9	2,8	Hợp đồng với đơn vị thu gom xử lý

(Nguồn: Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Hoàng Long Phát)

Theo điều 8 nghị định 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 và điểm b khoản 5 điều 52 Luật Tài nguyên nước ngày 08/1/2024 thì dự án khai thác nước dưới đất quy mô nhỏ để sử dụng cho các mục đích ngoài mục đích quy định tại điểm a khoản 3 và khoản 4 Điều này phải đăng ký khai thác, sử dụng tài nguyên nước. Tổng lượng nước cấp cho sinh hoạt và hoạt động sản xuất tại Nhà máy là 4,9m³/ngày, do đó Cơ sở không thuộc đối tượng phải làm giấy phép khai thác sử dụng nước dưới đất theo quy định.

1.4.6. Nhu cầu sử dụng điện

❖ Nguồn cung cấp điện

Nguồn điện mà công ty sử dụng được cấp từ mạng lưới điện quốc gia do Công ty Điện lực Bình Phước cung cấp.

❖ Nhu cầu sử dụng điện

Nhu cầu sử dụng điện cho hoạt động của cơ sở trung bình khoảng 172.992,3 kW/tháng (ước tính theo hóa đơn sử dụng điện các tháng 7,8,9 năm 2024). Điện năng sử dụng chủ yếu cho hoạt động của máy móc, thiết bị phục sản xuất, hoạt động khu vực văn phòng và chiếu sáng trong khuôn viên cơ sở.

Nhu cầu sử dụng điện ước tính trung bình như sau:

Bảng 1. 8: Nhu cầu sử dụng điện của cơ sở

STT	Tháng	Nhu cầu sử dụng (kW/tháng)
1	Tháng 07/2024	164.110
2	Tháng 08/2024	177.865
3	Tháng 09/2024	177.002
	Trung bình	172.992,3

(Nguồn: Nhu cầu sử dụng điện hiện tại tính trung bình theo hóa đơn điện từ tháng 7,8,9 năm 2024 - Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Hoàng Long Phát được đính kèm hóa đơn tiền điện tại Phụ lục báo cáo).

1.5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở

1.5.1. Cơ cấu sử dụng đất của cơ sở

Tổng diện tích của cơ sở là 9.746,3 m² với cơ cấu sử dụng đất như sau:

Bảng 1. 9: Cơ cấu sử dụng đất của cơ sở

STT	Mô tả	Diện tích (m ²)
1	Đất xây dựng	3.764
2	Đất cây xanh	1.949,26
3	Sân, đường nội bộ	3.567,24
4	Hành lang bảo vệ đường bộ	465,8
Tổng		9.746,3

(Nguồn: Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Hoàng Long Phát)

1.5.2. Các hạng mục công trình

Chi tiết diện tích các hạng mục công trình xây dựng của dự án được trình bày trong bảng dưới đây:

Bảng 1. 10: Các hạng mục công trình của cơ sở

STT	Hạng mục công trình	Dài (m)	Rộng (m)	Diện tích (m ²)
I	Tổng diện tích xây dựng			3.764
1	Nhà bảo vệ	4	4	16
2	Nhà xe	12	5	60
3	Nhà ăn, ở công nhân	20	5	100
4	Nhà văn phòng	-	-	108,20
5	Nhà kho	48	10,4	499,20
6	Nhà xưởng 1	-	-	2.116,60
7	Nhà xưởng 2	48	18	864
8	Nhà chứa CTNH	4	2	8
II	Cây xanh			1.949,26
III	Sân, đường nội bộ			3.567,24
IV	Hành lang bảo vệ đường bộ			465,8
Tổng diện tích nhà máy				9.746,3

(Nguồn: Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Hoàng Long Phát)

CHƯƠNG II. SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

2.1. Sự phù hợp của cơ sở đối với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

Cơ sở “Xưởng chế biến và xuất khẩu hạt điều - công suất 7.000 tấn sản phẩm/năm” được đầu tư xây dựng tại ấp Trung Sơn, xã Thanh An, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước với diện tích 9.746,4 m².

Cơ sở đã được phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường tại quyết định số 138/QĐ-UBND ngày 16/1/2020 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Phước về việc phê duyệt của dự án “Xưởng chế biến và xuất khẩu hạt điều - công suất 7.000 tấn sản phẩm/năm” tại ấp Trung Sơn, xã Thanh An, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước do Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Hoàng Long Phát làm chủ đầu tư.

Cơ sở phù hợp với Nghị quyết số 41-NQ/TW của Bộ Chính trị khóa IX về “Bảo vệ môi trường trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước”; phù hợp với các quy định của Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/1/2022 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của luật bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Như vậy, có thể thấy việc đầu tư thực hiện cơ sở là hoàn toàn phù hợp với quy hoạch bảo vệ môi trường cũng như quy hoạch sử đất, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

2.2. Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường

Sự phù hợp của cơ sở Xưởng chế biến và xuất khẩu hạt điều - công suất 7.000 tấn sản phẩm/năm tại ấp Trung Sơn, xã Thanh An, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước của Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Hoàng Long Phát đối với khả năng chịu tải của môi trường đã được đánh giá trong quá trình trong quá trình thực hiện báo cáo đánh giá tác động môi trường và không thay đổi.

CHƯƠNG III. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

3.1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

3.1.1. Thu gom, thoát nước mưa

Nước mưa tại khu vực cơ sở một phần sẽ tự thấm, một phần được thu gom bằng hệ thống mương bê tông, trên tuyến mương bố trí các hố ga thu gom và lắng cặn tại các hố ga, sau đó thoát theo địa hình tự nhiên. Mương thu gom nước mưa của dự án là mương bê tông, rộng 0,3m sâu 0,3m đến 0,5m, tổng chiều dài tuyến mương thu gom nước mưa là 262m.

3.1.2. Thu gom, thoát nước thải

❖ Nước thải sinh hoạt:

Nước thải sinh hoạt phát sinh từ quá trình sinh hoạt của công nhân được thu gom bằng đường ống nhựa uPVC Ø168mm và xử lý bằng bể tự hoại 5 ngăn.

❖ Nước thải sản xuất:

Cơ sở chỉ sử dụng nước cho hệ thống xử lý khí thải lò hơi, lượng nước này được tuần hoàn tái sử dụng và bổ sung thêm nước do bay hơi, phần cặn được công ty hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý, không xả nước thải ra môi trường.

Cơ sở không phát sinh nước thải do vệ sinh nhà xưởng, vệ sinh máy móc, thiết bị; máy móc, thiết bị, nhà xưởng sẽ được vệ sinh, lau chùi, quét dọn không sử dụng nước xịt rửa.

3.1.3. Công trình xử lý nước thải

❖ Nước thải sinh hoạt

Nước thải sinh hoạt của cơ sở được thu gom, xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 05 ngăn. Thể tích bể tự hoại được tính toán như sau:

– Tính toán thể tích bể tự hoại cần thiết:

$$W_{bth} = W_n + W_c$$

Trong đó:

W_n : Thể tích nước của bể

W_c : Thể tích cặn của bể

Thể tích nước: $W_n = K \times Q$

Q : Lưu lượng nước trung bình vào bể tự hoại, $Q = 2,8 \text{ m}^3/\text{ngày}$

$K = 1,2$: Hệ số lưu lượng (thời gian lưu nước tại bể tự hoại (ngày))

$$W_n = 2,8 \times 1,2 = 3,36 \text{ m}^3$$

Thể tích cặn:

$$W_c = [a.T(100 - W_1).b.c]N/[(100 - W_2).1000]$$

a = Tiêu chuẩn cặn lắng cho một người, a = 0,4 – 0,5 lít/ngày.đêm, chọn a = 0,45 lít/ngày.đêm.

T = 180 ngày: Thời gian giữa hai lần lấy cặn.

b = 0,7: Hệ số kể đến việc giảm thể tích cặn khi lên men (giảm 30%).

c = 1,2: Hệ số kể đến việc để lại một phần (20%) cặn đã lên men khi hút cặn để giữ lại vi sinh vật, giúp quá trình lên men cặn được nhanh chóng.

N = 35: Số người mà bể phục vụ

W1: Độ ẩm cặn tươi vào bể là 95%

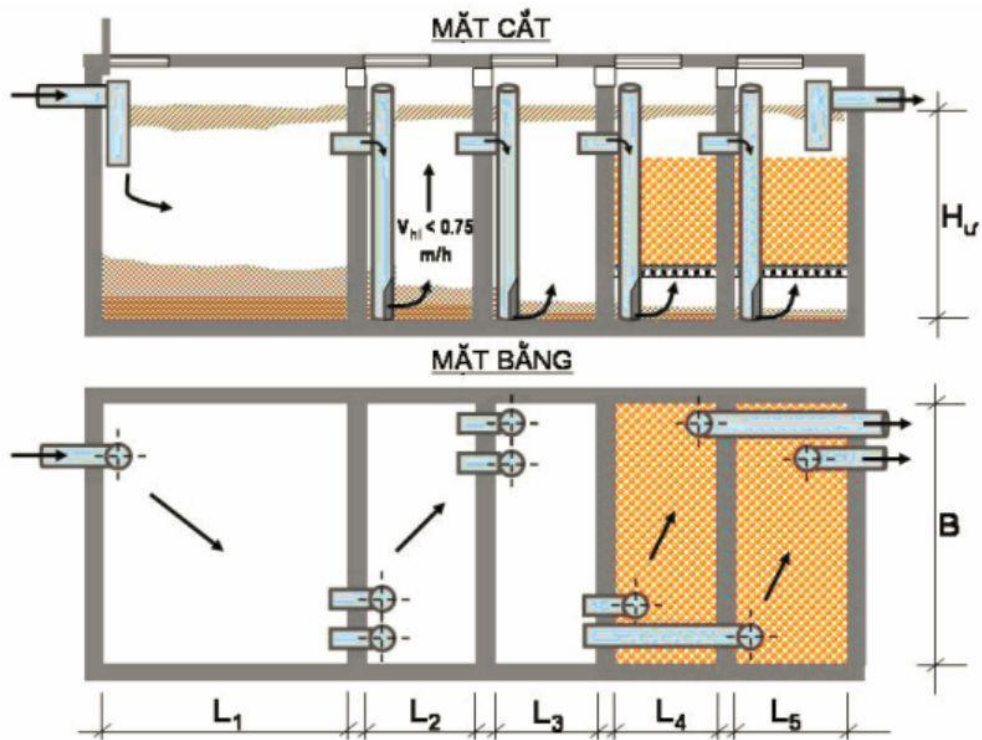
W2: Độ ẩm của cặn khi lên men là 90%

$$W_c = [0,45 \times 180 \times (100 - 95) \times 0,7 \times 1,2] \times 35 / [(100 - 90) \times 1000] = 1,19 \text{ m}^3$$

$$\text{Suy ra dung tích bể tự hoại là: } W_{bth} = 3,36 + 1,19 = 4,55 \text{ m}^3$$

Công ty đầu tư xây dựng 02 bể tự hoại để xử lý nước thải sinh hoạt với kích thước: Dài×rộng×sâu = 3,1×1,8×1,9 = 10,6 m³, như vậy tổng thể tích 02 bể tự hoại là 21,2m³ > 4,55m³.

Quy trình xử lý như sau:



Hình 3. 1: Sơ đồ thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt.

*** Thuyết minh quy trình xử lý:**

Nguyên lý làm việc: Nước thải được đưa vào ngăn thứ nhất của bể, có vai trò làm ngăn lắng – lên men kỵ khí, đồng thời điều hòa lưu lượng và nồng độ chất bẩn trong dòng thải. Nhờ các vách ngăn hướng dòng, ở những ngăn tiếp theo, nước thải chuyển động theo chiều từ dưới lên trên, tiếp xúc với các vi sinh vật kỵ khí trong lớp bùn hình thành ở đáy bể trong điều kiện động, các chất bẩn hữu cơ được các vi sinh vật hấp thụ và chuyển hóa, đồng thời cho phép tách riêng 2 pha (lên men axit và lên men kiềm). BASTAF cho phép tăng thời gian lưu bùn, nhờ vậy hiệu suất xử lý tăng trong khi lượng bùn cần xử lý lại giảm. Ngăn cuối cùng là ngăn lọc kỵ khí có tác dụng làm sạch bổ sung nước thải nhờ các vi sinh vật kỵ khí gắn bám trên bề mặt các hạt vật liệu lọc, và ngăn cản lơ lửng trôi ra theo nước. Vật liệu lọc sử dụng ở đây là đá dăm (cỡ hạt 20–40mm) và sỏi (cỡ hạt 10mm). Sử dụng bể BASTAF để xử lý nước thải sinh hoạt cho phép đạt hiệu suất tốt và ổn định. Theo các nghiên cứu thực nghiệm thì hiệu quả xử lý của bể BASTAF với thời gian lưu nước là 48h là COD = 75-90%, BOD5 = 70-85% và TSS = 75-95%.

Bể tự hoại 5 ngăn sẽ thực hiện đồng thời 2 chức năng: lắng cặn và xử lý sinh học chất hữu cơ. Trong khoảng thời gian chứa từ 6 – 8 tháng, cặn tươi sẽ bị phân hủy sinh học trong điều kiện kỵ khí sinh gas và các chất vô cơ hòa tan. Hiệu quả xử lý đạt khoảng 80%.

❖ **Nước thải sản xuất**

Nước thải từ 01 hệ thống xử lý khí thải lò hơi: Lượng nước trong lò hơi bổ sung liên tục không thải liên tục không thải ra ngoài, chỉ phát sinh khi xả cặn lò hơi với tần xuất xả cặn 01 năm/lần, cặn sẽ được thu gom xử lý như chất thải rắn.

3.2. Công trình, biện pháp xử bụi, khí thải

➤ ***Giảm thiểu bụi, khí thải từ phương tiện giao thông***

Bụi phát sinh từ quá trình vận chuyển và bốc dỡ nguyên liệu, sản phẩm có tính chất là phân tán, tác động không liên tục và nồng độ không cao. Để khống chế nguồn ô nhiễm này, một số biện pháp không chế hiệu quả mà xí nghiệp đã áp dụng:

- Xây dựng kế hoạch vận chuyển hàng và chế độ bốc dỡ hàng hợp lý. Xe khi vào đến khu vực xí nghiệp phải chạy chậm với tốc độ cho phép, trong thời gian bốc dỡ nguyên liệu và sản phẩm không nổ máy.
- Bê tông hóa và thường xuyên quét dọn vệ sinh khu vực tập kết nguyên liệu, khu vực kho để hạn chế tối đa bụi phát tán từ mặt đất.
- Trang bị bảo hộ lao động như khẩu trang, găng tay...cho công nhân bốc xếp hàng hoá.
- Trồng cây xanh trong các khu vực nhà máy, trên các tuyến đường nội bộ và khu bãi nhận nguyên liệu vì cây xanh có tác dụng điều hoà vi khí hậu và khống chế bụi rất hiệu quả.
- Vệ sinh sân bãi và đường bộ hằng ngày.
- Các phương tiện giao thông phải được bảo trì và thay thế nếu không còn đảm bảo kỹ thuật. Bên cạnh đó cần sử dụng nhiên liệu có hàm lượng lưu huỳnh thấp.

➤ ***Biện pháp giảm thiểu bụi từ quá trình sản xuất***

Bụi trong quá trình chế biến hạt điều chủ yếu phát sinh từ các khâu phân cỡ hạt sơ bộ, tách vỏ, bóc vỏ lụa, phân loại cấp sản phẩm và đóng gói. Lượng bụi này nếu bị phát tán sẽ gây ảnh hưởng đến sức khỏe công nhân và người dân sống gần khu vực dự án vì vậy để hạn chế tối đa mức độ ảnh hưởng của nó, chủ dự án sẽ thực hiện các giải pháp sau:

- Thường xuyên quét dọn, vệ sinh nhà xưởng và tại các vị trí phát sinh bụi.
- Bố trí mặt bằng nhà xưởng thông thoáng.
- Đường nội bộ và sân bãi sẽ được thường xuyên quét dọn;
- Các công nhân làm việc tại xưởng phải được trang bị đầy đủ các dụng cụ bảo hộ lao như: khẩu trang, kính chống bụi...

➤ ***Giảm thiểu mùi, hơi dầu điều***

Để giảm thiểu tác động từ mùi và hơi dầu điều, công ty sẽ áp dụng các biện pháp sau:

– Thu gom vỏ hạt điều hàng ngày, vào 15h mỗi ngày tiến hành thu gom, vận chuyển vỏ hạt điều ra khỏi nhà máy (bán cho đơn vị có nhu cầu), công ty cam kết sẽ thu gom trong ngày.

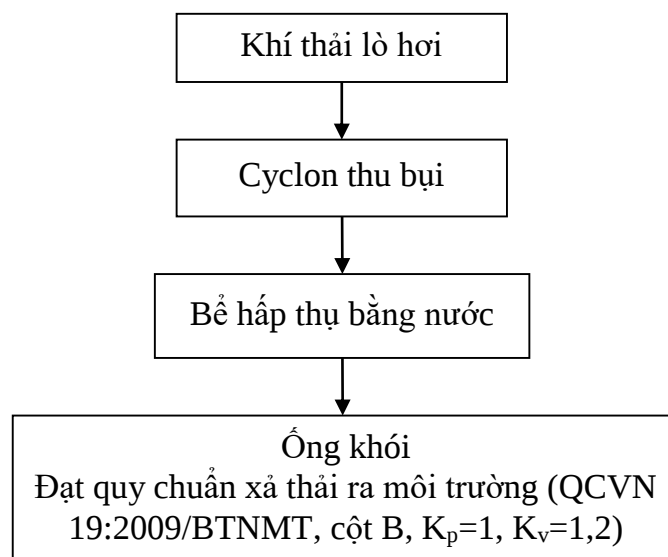
– Thiết kế, bố trí nhà xưởng thông thoáng.

– Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân; Định kỳ khám sức khỏe cho công nhân;

– Trồng cây xanh trong khu vực dự án để hạn chế ảnh hưởng, phát tán bụi, khí thải, hơi dầu điều do phương tiện vận chuyển và hoạt động sản xuất gây ra. Diện tích trồng cây xanh chiếm 20% tổng diện tích thực hiện dự án. Cây xanh sẽ được bố trí bao quanh nhà xưởng với mật độ trồng phù hợp đảm bảo khi các tán cây phát triển sẽ chiếm đủ diện tích cây xanh đã cam kết (20%).

➤ **Biện pháp giảm thiểu khí thải từ quá trình vận hành lò hơi**

Để phục vụ cho các công đoạn trong quá trình sản xuất, cơ sở đã trang bị 01 lò hơi với công suất là 2 tấn hơi/giờ sử dụng nhiên liệu là biomass. Quy trình xử lý khí thải phát sinh từ lò hơi như sau:



Hình 3. 2: Quy trình công nghệ hệ thống xử lý khí thải lò hơi

*** Thuyết minh quy trình công nghệ:**

Khí thải sau khi ra khỏi lò chứa nhiều các hạt bụi có các kích cỡ khác nhau. Khí thải được dẫn vào cyclone thu bụi. Tại đây, dòng khí sẽ được phân phối đều vào trong cyclone. Các hạt bụi chuyển động xoáy bên trong thân cyclone. Dưới tác dụng của lực hướng tâm các hạt bụi bị mất động lực và vào thành và rơi xuống đáy cyclone.

Cấu tạo Cyclon: Cyclon là thiết bị hình trụ tròn có miệng dẫn khí vào ở phía trên. Không khí vào cyclon sẽ chảy xoáy theo đường xoắn ốc dọc bề mặt trong của vỏ hình trụ. Xuống tới

phần phễu, dòng khí sẽ chuyển động ngược lên trên theo đường xoắn ốc và qua ống tâm thoát ra ngoài.

Nguyên lý hoạt động: Hạt bụi trong dòng không khí chảy xoáy sẽ bị cuốn theo dòng khí vào chuyển động xoáy. Lực ly tâm gây tác động làm hạt bụi sẽ rời xa tâm quay và tiến về vỏ ngoài cyclon. Đồng thời, hạt bụi sẽ chịu tác động của sức cản không khí theo chiều ngược với hướng chuyển động, kết quả là hạt bụi dịch chuyển dần về vỏ ngoài của cyclon, va chạm với nó, sẽ mất động năng và rơi xuống phễu thu. Ở đó, hạt bụi đi qua thiết bị xả đi ra ngoài.

Dòng khí tiếp tục đi qua bể hấp thụ bằng nước. Tại đây khí tiếp xúc với nước, bụi được lắng xuống đáy bể. Trong quá trình tiếp xúc giữa nước và khí, bụi và các khí ô nhiễm trong khí thải được hấp thụ vào trong nước. Với lưu lượng nước là 4m^3 cho cả hệ thống xử lý, do đó kích thước của bể cần là $2,2\text{m} \times 1,5\text{m} \times 1,3\text{m} = 4,29\text{ m}^3/\text{bể}$. Nước cấp bổ sung $0,5\text{m}^3/\text{ngày}$. Lượng nước được tái sử dụng, và phần cặn được thu gom định kỳ.

Sau đó khí thải được thoát ra ngoài qua ống khói đạt quy chuẩn xả thải ra môi trường tiếp nhận (QCVN 19:2009/BTNMT, cột B).

Nước tại bể hấp thụ sẽ châm thêm liên tục khi xử lý, không thải bỏ nước thải ra ngoài; các thành phần lơ lửng và cặn, sau khi được lắng cặn sẽ được thu gom định kỳ xử lý như chất thải rắn. Lượng bụi từ cyclon được hợp đồng thu gom và xử lý như chất thải rắn (lượng bụi tính toán là $9,42\text{ kg/ngày} \sim 2,826\text{ tấn/năm}$).

Bảng 3. 1: Thông số kỹ thuật công trình xử lý bụi, khí thải lò hơi.

STT	Thiết bị, hạng mục	Tính chất, công suất	Đơn vị	Tổng số lượng
1	Cyclone	Kích thước: D800; Cao 2,3 (m) Vật liệu: Thép	Cái	01
3	Bể hấp thụ bằng nước	Kích thước: L x B x H = 2,2m x 1,5m x 1,3m Vật liệu: BTCT	Cái	01
4	Quạt hút	Lưu lượng: $6.000\text{ m}^3/\text{giờ}$	Cái	01
5	Ống thoát	Kích thước: D450mm Chiều cao: 8,50m Vật liệu: Thép dày 6mm	Cái	01

(Nguồn: Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Hoàng Long Phát).

Lò hơi có công suất 2 tấn/h sử dụng nhiên liệu là gỗ thừa từ công đoạn cưa xẻ. Theo kết quả quan trắc chất lượng khí thải của nhà máy đợt 1, đợt 2 năm 2023 và năm 2024 (đính kèm phụ lục), các thông số ô nhiễm như CO, NO_x, SO₂ đều nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 19:2009/BTNMT, cột B – Quy chuẩn về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

3.3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

➤ **Chất thải rắn sinh hoạt**

- Khối lượng phát sinh: Số lượng lao động tại cơ sở là 35 người. Lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tối đa là 0,8 kg rác thải/người-ngày (Theo QCVN 01:2021/BXD, áp dụng đối với đô thị loại V). Như vậy, tổng lượng rác thải sinh hoạt phát sinh là 28kg/ngày. Thành phần chất thải rắn sinh hoạt bao gồm các loại chất khác nhau như rau, vỏ hoa quả, xương, giấy, vỏ đồ hộp...Chất thải sinh hoạt có chứa 60 – 70% chất hữu cơ và 30 – 40% các chất khác.

- Biện pháp xử lý: Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trong quá trình sinh hoạt của công nhân viên, để giảm thiểu tác động do chất thải rắn sinh hoạt, chủ đầu tư áp dụng các biện pháp sau: Thu gom chất thải rắn sinh hoạt vào các thùng chứa thích hợp. Các thùng chứa 60 lít được bố trí tại xưởng sản xuất, nhà bảo vệ, nhà văn phòng... sau đó hợp đồng với đơn vị chức năng đến thu gom và xử lý. Công ty ký hợp đồng với Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Phạm Thịnh để thu gom và xử lý.

➤ **Chất thải rắn thông thường**

Khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh tại cơ sở cụ thể như sau:

Bảng 3. 2: Chất thải rắn thông thường tại cơ sở

TT	Chủng loại	Chi tiết	Công đoạn phát sinh	Khối lượng (tấn/năm)
1	Vỏ hạt điều	Vỏ ngoài của hạt điều	Tách vỏ	13.507,802
2	Vỏ lụa	Vỏ lụa và một phần nhân điều được cạo theo vỏ lụa	Bóc vỏ lụa	102,191
3	Tạp chất	Gồm các hạt teo, lép, sâu, cùi, cuống và các tạp chất khác như đất, đá, bụi, kim loại, mảnh kính, tóc hoặc những thành phần gây hại khác bám vào hạt điều.	Tạp chất từ công đoạn phân loại cỡ hạt và làm sạch đóng gói	127,123
4	Tro thải	Tro từ quá trình đốt dăm bào, mùn cưa	Đốt nhiên liệu tại lò hơi cấp nhiệt cho hấp và sấy điều	11,5452
5	Giẻ lau	Giẻ lau dính dầu dừa	Phát sinh từ quá trình vệ sinh máy móc cuối ngày sản xuất	0,3
6	Cặn thải, bụi	Bụi và cặn từ hệ thống xử lý khí thải của quá trình đốt mùn cưa, dăm bào	Bụi và cặn thu gom từ hệ thống xử lý khí thải	4,037
Tổng				13.650,8072

(Nguồn: Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Hoàng Long Phát).

*** Biện pháp xử lý:**

Bố trí công nhân quét dọn, thu gom CTR sản xuất phát sinh hằng ngày, vệ sinh nhà xưởng sau ca làm việc. Hàng ngày cuối mỗi ca sản xuất (sau 15h mỗi ngày) sẽ có xe vào thu gom vỏ hạt điều và vỏ lụa, chất thải được thu gom mỗi ngày chứ không lưu chứa tại Cơ sở. Công ty bố trí khu vực chứa chất thải rắn tại khu vực nhà xưởng 1 trong trường hợp xe chưa kịp vào vận chuyển chất thải rắn của cơ sở, khu vực chứa chất thải rắn có diện tích 52 m² (5m x10,4m). Công ty hợp đồng với Công ty TNHH Sản xuất dầu điều Cường Thịnh để thu gom và xử lý theo quy định.

Tro từ quá trình đốt được thu gom và ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom xử lý.

3.4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

Lượng chất thải nguy hại phát sinh của nhà máy chủ yếu là giẻ lau dính thành phần nguy hại, dầu nhớt thải, bóng đèn huỳnh quang thải,

+ Chất thải nguy hại chứa các chất hoặc hợp chất có các đặc tính gây nguy hại trực tiếp (dễ cháy, dễ nổ, làm ngộ độc, dễ ăn mòn, dễ lây nhiễm, ...) và có thể tương tác với các chất khác gây nguy hại tới môi trường và sức khỏe con người.

+ Chất thải nguy hại thường có đặc tính là tồn tại lâu trong môi trường và khó phân hủy, có khả năng tích lũy sinh học trong các nguồn nước, mô mỡ của động vật gây ra hàng loạt các bệnh nguy hiểm đối với con người, phổ biến nhất là bệnh ung thư.

Dựa vào tình hình phát sinh chất thải của cơ sở, thành phần và khối lượng chất thải nguy hại phát sinh từ quá trình sản xuất của cơ sở được trình bày cụ thể ở bảng sau:

Bảng 3.3: Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh của cơ sở.

STT	Loại chất thải	Mã CTNH	Đơn vị	Khối lượng
1	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	kg/tháng	2
2	Bóng đèn huỳnh quang thải và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	kg/tháng	0,3
3	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất thải khi thải ra là CTNH) thải	18 01 03	kg/tháng	5
4	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	kg/tháng	2
5	Ắc quy chì thải	19 06 01	kg/tháng	0,2
Tổng			kg/tháng	9,5

(Nguồn: Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Hoàng Long Phát).

Trong khu vực kho thành phẩm, Cơ sở bố trí kho chứa chất thải nguy hại với diện tích 8m². Chất thải nguy hại được thu gom, phân loại, lưu giữ trong các thùng chứa riêng biệt có dán nhãn cảnh báo và đặt trong kho chứa chất thải nguy hại riêng biệt xây dựng bằng gạch,

lợp tole, được xây kiên cố, và lát nền xi măng chống rò rỉ, nhiễm lẫn xuống đất. Công ty hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý theo đúng quy định hiện hành.

3.5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn

➤ Tiếng ồn từ phương tiện giao thông

Để giảm thiểu tác động của tiếng ồn trong quá trình sản xuất, Công ty áp dụng các biện pháp như sau:

- Bố trí các máy móc hợp lý nhằm tránh tập trung các thiết bị có khả năng gây ồn trong khu vực.
- Bố trí máy móc gây ồn trong một khu vực chung và cách ly với các khu vực khác, giảm rung cho tất cả các thiết bị.
- Tiến hành bảo dưỡng, bảo trì, hiệu chỉnh máy móc thiết bị định kỳ.
- Quy định tốc độ xe máy, xe tải chở nguyên liệu và hàng hóa ra vào xí nghiệp không vượt quá 20 km/h.
- Các phương tiện vận chuyển thường xuyên được bảo dưỡng, kiểm tra độ mòn chi tiết thường kỳ, cho dầu bôi trơn hoặc thay những chi tiết hư hỏng để giảm thiểu tiếng ồn.
- Trang bị bảo hộ lao động (nút tai chống ồn, bịt tai) cho công nhân làm việc tại các khu vực có độ ồn cao.
- Có kế hoạch kiểm tra thường xuyên và theo dõi chặt chẽ việc sử dụng các phương tiện bảo hộ lao động của công nhân.
- Giới hạn tốc độ di chuyển trong khu vực để hạn chế tiếng ồn.
- Phân phối lượng xe ra vào xí nghiệp hợp lý tránh tình trạng tập trung dẫn tới tiếng ồn tập trung trong một khu vực.

➤ Giảm thiểu tiếng ồn, độ rung trong hoạt động sản xuất

Để giảm thiểu tác động của tiếng ồn, độ rung trong quá trình sản xuất, Công ty áp dụng các biện pháp như sau:

- Bọc lót các bề mặt thiết bị chịu rung dao động bằng các vật liệu hút hoặc giảm rung động có ma sát lớn.
- Sử dụng bộ giảm chấn bằng lò xo hoặc cao su để cách ly rung động.
- Sử dụng các thiết bị phòng hộ cá nhân như giày chống rung có đế bằng cao su hay găng tay đặc biệt có lớp lót dày bằng cao su tại lòng bàn tay khi làm việc với máy móc có độ rung lớn.
- Định kỳ bảo dưỡng máy, thiết bị, dụng cụ và phương tiện làm việc để giảm độ rung.
- Tách riêng khu vực văn phòng và khu vực sản xuất.

3.6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình vận hành thử nghiệm và khi dự án đi vào vận hành

❖ Sự cố cháy nổ

❖ Phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ:

Xây dựng phân xưởng sản xuất phải thông thoáng, có nhiều lối đi và thoát hiểm, đảm bảo phù hợp với yêu cầu của quy phạm thiết kế phòng cháy chữa cháy trong xây dựng,

Đường nội bộ trong nhà máy và giữa các khu sản xuất đảm bảo thông suốt cho các phương tiện chữa cháy thao tác, đảm bảo cho các tia nước từ xe cứu hỏa có thể không chế được nguồn lửa phát sinh ở bất kỳ vị trí nào trong nhà máy,

Đặt các biển cảnh báo tại vị trí dễ cháy, yêu cầu công nhân tuân thủ các quy định về PCCC như không được hút thuốc, không mang bật lửa, các dụng cụ phát ra lửa vào khu vực dễ cháy như tại sân chứa củi bìa, xưởng chế biến, kho thành phẩm.

Thường xuyên quét dọn xưởng hàng ngày.

Xây dựng nội quy phòng cháy chữa cháy và thường xuyên kiểm tra việc thực hiện các quy định về phòng chống cháy nổ,

Nghiêm cấm công nhân hút thuốc hoặc mang bật lửa và các dụng cụ phát ra lửa vào khu vực sản xuất, nhà kho, sân chứa nguyên liệu,

Thành lập đội ứng cứu tại chỗ, sẵn sàng tham gia ứng cứu, nhất là vào mùa hè,

Định kỳ tổ chức tập huấn cho CBCNV trong công tác phòng chống và ứng cứu sự cố cháy nổ.

Khi có sự cố cháy nổ xảy ra, nhanh chóng di tản người ra khỏi đám cháy và tiến hành ngay công tác chữa cháy, ứng cứu người bị nạn.

❖ Phòng ngừa, ứng phó sự cố chập điện

Trang bị các thiết bị điện có chất lượng tốt, đúng tiêu chuẩn và sử dụng theo quy định về công suất thiết bị, Lắp đặt các aptomat tại những vị trí thích hợp để phòng trường hợp quá tải,

Thường xuyên kiểm tra hệ thống cấp điện và các thiết bị điện, kịp thời phát hiện và khắc phục các sự cố rò điện dẫn đến chập điện,

Lắp đặt hệ thống chống sét, thu tĩnh điện tích tụ theo quy phạm chống sét cho các công trình xây dựng,

Xây dựng nội quy về an toàn sử dụng điện, phổ biến một số hiểu biết cơ bản về an toàn điện cho CNV.

❖ Phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ lò hơi

Ngoài các biện pháp công nghệ, các biện pháp quản lý cũng đem lại hiệu quả rất lớn trong việc ngăn ngừa ô nhiễm khi sử dụng lò hơi, Ở quy mô tiểu thủ công nghiệp có thể áp dụng các biện pháp sau :

Không nhóm lò trong những giờ cao điểm có nhiều người tập trung; mỗi lò bằng những nhiên liệu sạch dễ cháy như dầu lửa, dầu D,O, không dùng cao su, nhựa...

Bố trí cửa mái hoặc hệ thống gương phản chiếu để người vận hành lò có thể nhìn thấy đỉnh ống khói,

Đưa chỉ tiêu vận hành lò không có khói đen vào tiêu chuẩn khen thưởng,

Giảm việc tái nhóm lò nhiều lần bằng cách xả hơi dư thay vì tắt lò,

Không sơn ống khói bằng những màu gây kích thích thị giác như màu đen, đỏ,

Hạn chế sử dụng các loại nhiên liệu xấu làm phát sinh nhiều bụi và hơi khí thải như các loại gỗ có vỏ lụa.

Thiết bị phải được chế tạo và lắp đặt đúng tiêu chuẩn kỹ thuật an toàn, trước khi đưa vào sử dụng phải được kiểm định kỹ thuật an toàn, đăng ký sử dụng theo quy định, Công ty giao trách nhiệm quản lý thiết bị cho cán bộ quản lý thiết bị bằng văn bản,

Trên lò hơi lắp đặt đủ các thiết bị an toàn theo yêu cầu nhà sản xuất sau:

+ Van an toàn: lắp đúng theo thiết kế,

+ Áp kế: mỗi thiết bị được lắp đặt 01 áp kế tại vị trí dễ quan sát, được bảo vệ tránh sự va chạm và được kiểm định hàng năm,

+ Bộ ống thủy: bao gồm ống thủy tối, ống thủy sáng và các van khóa dùng để kiểm tra mức nước trong lò hơi, Ống thủy sáng được che chắn bảo vệ chống va chạm, trên thân ống thủy sáng kẻ mức nước cao nhất và mức nước thấp nhất theo quy định của nhà sản xuất, Có chế độ kiểm tra định kỳ các điện cực báo mức nước được lắp bên trong ống thủy tối đảm bảo hoạt động tốt,

+ Bơm cấp nước: đủ công suất và áp lực và lưu lượng phù hợp để cấp nước cho lò hơi trong quá trình làm việc để tránh tình trạng thiếu nước dẫn đến lò hơi bị đốt nóng quá mức gây biến dạng (nguy cơ gây nổ rất cao), Hệ thống điện của máy bơm nước được bảo vệ chống rò điện,

+ Role áp suất: dùng để không chế áp suất làm việc của lò hơi trong phạm vi cho phép, Role áp suất được lắp đặt tại vị trí phù hợp, chống bị biến dạng và được kiểm tra định kỳ,

+ Van xả đáy: để xả nước và các chất cặn bên trong khoan chứa nước nhằm bảo vệ lâu dài cho lò hơi, Việc xả nước và cặn qua van xả đáy lò hơi được thực hiện khi lò hơi đang hoạt động ở áp suất làm việc, (Khi xả đáy lò hơi chú ý quan sát mức nước, tránh làm

cạn nước dẫn đến sự cố),

+ Van xả hơi: được lắp đặt trên đường ống thông với khoan hơi của lò hơi, dùng để xả hơi trong quá trình đốt lò và xử lý sự cố, Đường ống xả hơi được đưa ra khu vực an toàn bên ngoài nhà xưởng,

Nhà lò hơi được thông thoáng và thoát nước tốt, có đủ không gian cho công nhân làm việc, kiểm tra vận hành và vệ sinh thiết bị,

Trước khi vận hành lò hơi, công nhân kiểm tra đầy đủ các cơ cấu an toàn, hệ thống điện, đồng hồ chỉ áp suất và tình trạng các van khóa lắp đặt trên lò hơi,

Hàng ngày lau chùi mặt kính đồng hồ áp lực, mặt kính ống thủy để dễ dàng theo dõi mực nước và áp suất của lò,

Đồng hồ áp lực, ống thủy phải có vạch quy định mức nước, áp suất hơi cho phép,

Người trực tiếp vận hành lò hơi luôn có mặt khi thiết bị hoạt động, thường xuyên kiểm tra tình trạng hoạt động của lò hơi, các van xả, sự hoạt động của các dụng cụ kiểm tra đo lường: áp kế, van an toàn, Vận hành lò hơi theo đúng quy trình vận hành của đơn vị, Ghi chép ngày kiểm tra vào sổ nhật ký vận hành lò hơi,

Công nhân vận hành lò hơi không được phép làm việc riêng, hoặc làm những công việc không có liên quan đến chức trách của mình hoặc tự ý bỏ đi nơi khác trong lúc điều khiển lò hơi,

Trong lúc làm việc, thường xuyên kiểm tra mức nước, áp lực hơi trong ống, Nếu thấy không an toàn phải báo cho cán bộ kỹ thuật đơn vị biết để xử lý,

Những vật liệu dễ cháy nổ (gỗ thừa, mùn cưa, dầu) để xa lò hơi ít nhất 10m, Cấm bơm nước vào lò hơi khi đang đốt,

Hết ca làm việc ghi nhật ký, bàn giao tình trạng an toàn của lò hơi cho ca sau,

Không được phép đưa vào vận hành các lò hơi chưa được đăng kiểm,

Không hàn, sửa chữa lò hơi và các bộ phận chịu áp lực của thiết bị khi còn áp suất,

Cho lò hơi vào hoạt động khi van an toàn chưa được cân chỉnh và niêm chì đúng quy định; áp kế hoạt không chính xác, mặt kính bị vỡ, mất kim.

Phải lập tức đình chỉ sử dụng lò hơi đốt củi trong các trường hợp sau:

+ Khi áp suất trong lò hơi tăng quá mức cho phép mặc dù các yêu cầu khác quy định trong quy trình vận hành thiết bị đều bảo đảm,

+ Khi các cơ cấu an toàn không hoàn hảo,

+ Khi phát hiện thấy các bộ phận chịu áp lực chính của lò hơi có vết nứt, phòng, gỉ mòn đáng kể, xì hơi, nước ở các mối nối, mối hàn, các miếng đệm bị xé,...

+ Khi áp kế hư hỏng và không có khả năng xác định áp suất trong lò hơi bằng một dụng cụ khác. Những trường hợp khác theo quy định trong quy trình vận hành của đơn vị.

Bảo quản thực hiện các chế độ bảo dưỡng, vận hành, tu sửa và khám nghiệm theo đúng quy trình kỹ thuật.

❖ **Sự cố tai nạn lao động**

• **Đối với hoạt động sản xuất:**

Đầu tư máy móc, trang thiết bị mới, hiện đại và bố trí lắp đặt hợp lý có khoa học,

Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng máy móc, thiết bị để đảm bảo thiết bị luôn hoạt động tốt, tránh xảy ra các sự cố tai nạn do hư hỏng,

Xây dựng nội quy an toàn lao động cho từng công đoạn của quá trình sản xuất, các quy định về việc sử dụng các loại máy móc, thiết bị và nghiêm chỉnh chấp hành các qui định an toàn sử dụng điện,

Vận hành máy móc, thiết bị theo đúng quy trình kỹ thuật và an toàn hiện hành, việc vận hành máy móc, thiết bị sản xuất sẽ do các công nhân có chuyên môn phụ trách,

Đào tạo, hướng dẫn công nhân nắm rõ quy trình vận hành máy móc và phòng ngừa sự cố.

• **Đối với công nhân lao động:**

Trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động cho công nhân như: quần áo, găng tay, khẩu trang,... cho công nhân,

Thường xuyên kiểm tra, nhắc nhở công nhân sử dụng trang thiết bị bảo hộ lao động đúng cách,

Xây dựng nội quy về an toàn và vệ sinh lao động, Phối hợp với các cơ quan chuyên môn tổ chức các khóa học định kỳ về an toàn lao động cho toàn thể CNV trong nhà máy,

Đảm bảo các yếu tố vi khí hậu và môi trường lao động đạt Tiêu chuẩn vệ sinh lao động do Bộ Y tế ban hành theo Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế để đảm bảo sức khỏe cho người lao động,

Thực hiện đầy đủ các quy định về sử dụng lao động, về chế độ tiền lương và bảo hiểm cho CNV,

Đặc biệt đối với công nhân vận hành lò hơi cần tuân thủ các nguyên tắc sau:

+ Công nhân vận hành thiết bị có đủ sức khỏe, đã được huấn luyện và sát hạch đạt yêu cầu về kiến thức chuyên môn, quy trình kỹ thuật an toàn vận hành thiết bị chịu áp lực,

+ Việc quản lý lò hơi cố định hoặc di động phải giao cho những người có trình độ chuyên môn và có kinh nghiệm thực tế đã được Hội đồng Kỹ thuật của đơn vị thông qua bằng văn bản quyết định,

Dụng cụ làm xong phải để gọn gàng vào nơi quy định, Khu vực xung quanh lò hơi phải gọn gàng không gây trở ngại cho công nhân vận hành trong quá trình thao tác,

Vệ sinh sửa chữa lò hơi phải ngừng chờ lò hơi nguội hẳn, sau đó mở hết cửa thông hơi mới cho người vào làm việc,

- **Phòng ngừa và giảm thiểu tai nạn lao động:**

- Tập huấn an toàn lao động cho công nhân xây dựng làm việc tại xưởng bao gồm các mối nguy hiểm về tai nạn lao động, các biện pháp phòng tránh để không xảy ra tai nạn lao động cũng như biện pháp sơ cấp cứu khi có tai nạn lao động xảy ra.

- Trang bị đầy đủ các phục trang bảo hộ lao động cần thiết để hạn chế những tác hại cho công nhân.

- Kiểm tra, giám sát công nhân tuân thủ thao tác an toàn lao động và trang bị bảo hộ lao động.

- Toàn bộ công nhân lao động trong xưởng đều được công ty hỗ trợ mua bảo hiểm tai nạn.

- Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho công nhân viên làm việc tại xưởng.

- **Ứng phó sự cố tai nạn lao động:**

- Trang bị các dụng cụ và thiết bị cần thiết cho việc sơ cấp cứu người bị tai nạn lao động.

- Ghi rõ các địa chỉ liên hệ cần thiết như người liên hệ trong trường hợp khẩn cấp, trạm xá, bệnh viện,...tại vị trí dễ thấy để liên hệ.

- Tiến hành sơ cấp cứu cho người bị tai nạn hoặc chuyển người bị nạn đến trạm xá, bệnh viện gần nhất hoặc gọi cấp cứu để kịp thời cứu chữa người bị nạn.

- ❖ **Sự cố do hệ thống xử lý khí thải**

- Việc phòng ngừa và ứng cứu sự cố sẽ được quan tâm ngay từ quá trình thiết kế hệ thống xử lý khí thải đảm bảo các thiết bị có tuổi thọ tốt và đáp ứng yêu cầu xử lý khí thải;

- Các thiết bị hư hỏng sẽ được sửa chữa ngay và lắp đặt vào hệ thống xử lý khí thải để tiếp tục hoạt động;

- Kiểm tra thiết bị và bảo trì, bảo dưỡng thường xuyên, đặc biệt đảm bảo nước hấp thụ sau khi lắng có hàm lượng rắn lơ lửng thấp đảm bảo hệ thống phun nước hoạt động tốt.

- ❖ **Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất**

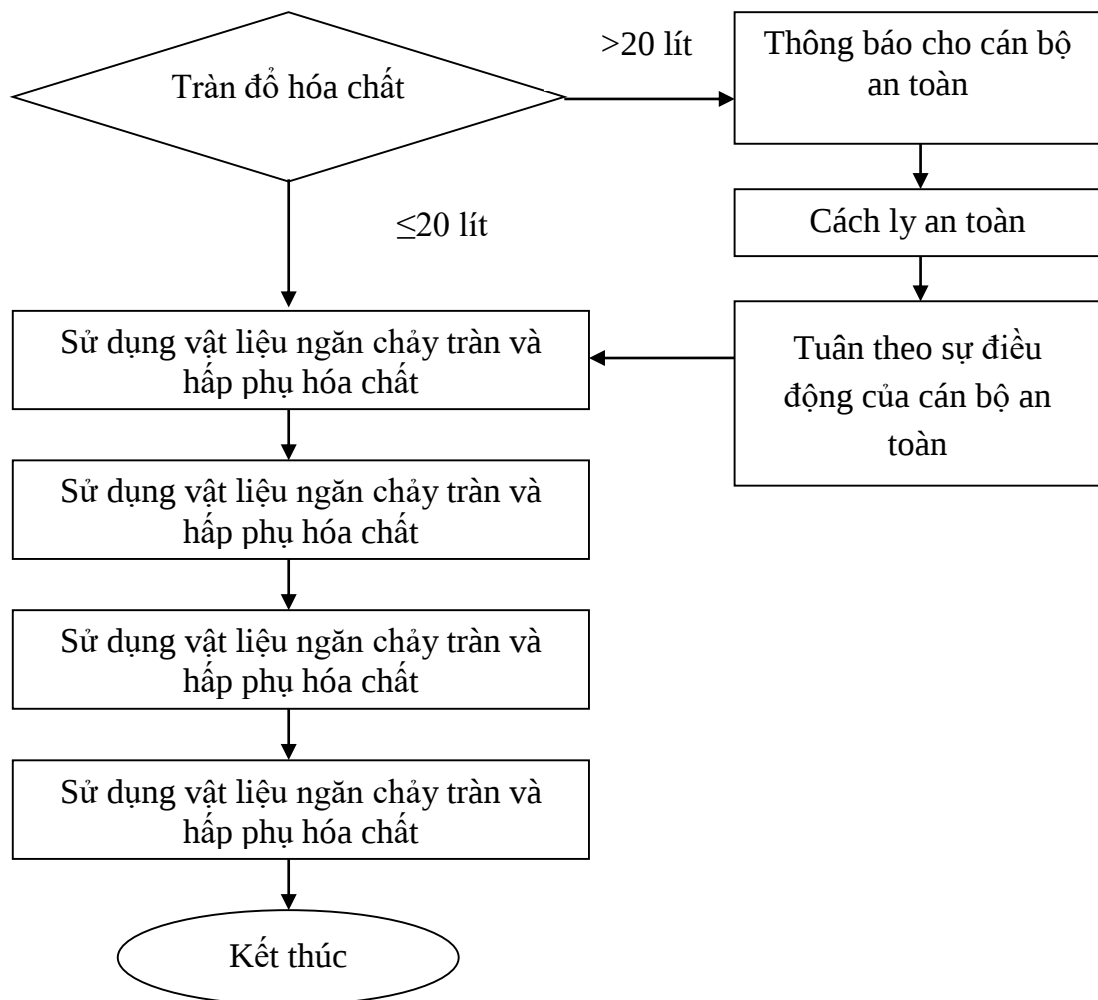
- Việc lưu trữ và sử dụng hóa chất phải thực hiện tuân thủ theo TCVN 5507:2002, tiêu chuẩn Việt Nam về hóa chất nguy hiểm, quy phạm an toàn trong sản xuất, kinh doanh, sử dụng, bảo quản và vận chuyển.

- Hóa chất tồn trữ trong kho được chứa đựng trong các bao bì theo quy định của nhà sản xuất, đảm bảo kín, chắc chắn;

- Hóa chất được đặt trong kho theo nhóm, mỗi nhóm sẽ để một vị trí khác nhau để đảm bảo an toàn hóa chất và có biểu tượng cảnh báo đặc trưng của nhóm;

- Hóa chất dạng lỏng chứa trong can nhựa chuyên dụng;

- Các lô hàng không xếp sát trần kho và cao không quá 2 mét;
- Đảm bảo lối đi chính trong kho rộng tối thiểu 1,5 mét;
- Công nhân thao tác được phổ biến kiến thức về từng loại hóa chất, cách sử dụng cũng như tính chất nguy hiểm, cách ứng phó với sự cố tràn đổ, rò rỉ hóa chất hay hóa chất dính vào cơ thể.
- Hóa chất có dán nhãn tên hóa chất và hướng dẫn sử dụng.
- Ngoài ra Chủ đầu tư sẽ tiến hành công tác đánh giá thiệt hại, xác định những hư hại và phân cần sửa chữa để có kế hoạch cụ thể khắc phục, báo cáo cơ quan chức năng nếu gây hậu quả nghiêm trọng.
- Không dùng lại các loại bao bì hóa chất đã sử dụng. Những bao bì sau khi dùng hết sẽ được bảo quản riêng và gửi lại cho nhà sản xuất. Còn những bao bì bị rách hoặc hư hỏng sẽ được bảo quản riêng trong kho chất thải nguy hại và chuyển cho các công ty chuyên xử lý chất thải.
- Quy trình ứng phó sự cố tràn đổ hóa chất như sau:



Hình 3. 3: Quy trình ứng phó khi có sự cố rò rỉ, tràn đổ hóa chất.

3.7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác: không có

CHƯƠNG IV. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

4.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

Nước thải sinh hoạt phát sinh tại cơ sở được xử lý bằng bể tự hoại 5 ngăn. Sau đó hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom xử lý.

Nước sản xuất: từ 01 hệ thống xử lý khí thải lò hơi, lượng nước trong lò hơi bổ sung liên tục không thải liên tục không thải ra ngoài, chỉ phát sinh khi xả cặn lò hơi với tần suất xả cặn 01 năm/lần, cặn sẽ được thu gom xử lý như chất thải rắn. Do đó, Cơ sở không thuộc đối tượng cấp phép đối với nước thải.

4.2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải:

Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải

❖ Nguồn phát sinh khí thải:

- Nguồn 01: Bụi và khí thải từ hệ thống xử lý khí thải lò hơi.

❖ Dòng khí thải, vị trí xả thải:

- Cơ sở có 01 dòng khí thải sau xử lý ra môi trường: tại ống xả có tọa độ X = 1297333; Y = 555075.

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 106°15', múi chiều 3°).

❖ Lưu lượng xả khí thải tối đa

- Lưu lượng xả khí thải tối đa: 6.000 m³/giờ.

❖ Phương thức xả thải:

- Khí thải được xả ra môi trường qua ống thải, xả liên tục khi hoạt động.

❖ Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải:

Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2009/BTNMT, cột B – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, cụ thể như sau:

Bảng 4. 1: Bảng giới hạn chất lượng khí thải sau hệ thống xử lý nước thải

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Quan trắc tự động, liên tục (nếu có)
1	Lưu lượng	mg/Nm ³	-	- Tần suất quan trắc định kỳ: 06 tháng/lần - Không thuộc đối tượng phải quan trắc bụi, khí thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.
2	Bụi	mg/Nm ³	200	
3	CO	mg/Nm ³	1.000	
4	SO ₂	mg/Nm ³	500	
5	NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	850	

4.3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung:

Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung:

❖ **Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn số 01: Khu vực tại xưởng 01
- Nguồn số 02: Khu vực tại xưởng 02

❖ **Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn số 01: Tọa độ X = 1297390; Y = 555078
- Nguồn số 02: Tọa độ X = 1297402; Y = 555016.

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến $106^{\circ}15'$, múi chiều 3°).

❖ **Giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung:**

Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

+ Tiếng ồn

STT	Từ 6–21 giờ (dBA)	Từ 21 – 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

+ Độ rung

STT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 – 21 giờ	Từ 21 – 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

CHƯƠNG V.KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

5.1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với khí thải

❖ Khí thải sau hệ thống xử lý khí thải lò hơi

- Tần suất quan trắc: 06 tháng/lần.
- Vị trí giám sát: 01 điểm sau hệ thống xử lý khí thải lò hơi.
- Năm 2023, năm 2024, cơ sở thực hiện lấy mẫu quan trắc sau hệ thống xử lý khí thải lò hơi vào đợt 1 và đợt 2
- Thời gian thực hiện quan trắc gồm:
 - + Năm 2023: Đợt 1 ngày 16/6/2023, đợt 2 ngày 11/12/2023.
 - + Năm 2024: Đợt 1 ngày 29/7/2024, đợt 2 ngày 15/11/2024.

Bảng 5. 1: Kết quả quan trắc khí thải tại cơ sở

ĐỢT QUAN TRẮC	Lưu lượng	Bụi (PM)	CO	SO ₂	NO ₂	VOC
Năm 2023						
Đợt 1 ngày 16/6/2023	5.213	86	206	78	196	-
Đợt 2 ngày 1/12/2023	5.426	73	219	65	176	-
Năm 2024						
Đợt 1 ngày 29/7/2024	4.258	35	470	11	318	KPH
Đợt 2 ngày 5/11/2024	1.211	31	332	-	10	KPH
QCVN 19:2009/BTNMT, Cột B	-	240	1.200	600	1.020	-
Đánh giá	-	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt

(Nguồn: Công ty TNHH Khoa học Công nghệ và phân tích môi trường Phương Nam)

Nhận xét: Dựa vào kết quả phân tích các chỉ tiêu phân tích khí thải năm 2023,2024 của nhà máy đều nằm trong giới hạn cho phép QCVN 19:2009/BTNMT, cột B - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ. Từ đó cho thấy hệ thống xử lý khí thải của cơ sở hoạt động hiệu quả, ổn định.

5.2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với chất lượng không khí khu vực sản xuất

- Tần suất quan trắc: 06 tháng/lần.

- Vị trí giám sát: 01 điểm tại khu vực tại xưởng 01 (KK01), 01 điểm tại khu vực tại xưởng 02 (KK02).

- Năm 2023, năm 2024, cơ sở thực hiện lấy mẫu quan trắc sau hệ thống xử lý khí thải lò hơi vào đợt 1 và đợt 2.

- Thời gian thực hiện quan trắc gồm:

+ Năm 2023: Đợt 1 ngày 16/6/2023, đợt 2 ngày 11/12/2023.

+ Năm 2024: Đợt 1 ngày 29/7/2024, đợt 2 ngày 15/11/2024.

Bảng 5. 2: Kết quả quan trắc chất lượng không khí khu vực sản xuất tại cơ sở

Ký hiệu mẫu	Độ ồn (dBA)	Bụi (mg/m ³)
Đợt I ngày 16/3/20223		
KK01	65,1	0,268
KK02	67,2	0,239
Đợt II ngày 11/12/2023		
KK01	62,4	0,242
KK02	65,9	0,225
Đợt I ngày 29/7/2024		
KK01	81,4	0,482
KK02	80,7	0,419
Đợt II ngày 15/11/2024		
KK01	79,2	0,439
KK02	78,5	0,425
QCVN 02:2019/BYT	-	8
QCVN 24:2019/BYT	≤85	-

(Nguồn: Công ty Cổ phần Xây dựng & Môi trường Đại Phú, 2022)

Ghi chú:

- KK01: Khu vực tại xưởng 01
- KK02: Khu vực tại xưởng 02
- QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc.
- QCVN 24:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – Mức cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc.

Nhận xét:

- **Tiếng ồn:** Qua kết quả quan trắc cho thấy tiếng ồn đo được trong năm 2023, 2024 đều nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 24:2016/BYT: Quy định quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc

- **Nồng độ bụi:** Qua kết quả quan trắc cho thấy nồng độ bụi trong đợt quan trắc đều nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép 5 yếu tố hóa học tại nơi làm việc.

**CHƯƠNG VI. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG
CỦA CƠ SỞ**

6.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải

6.1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm

Chi tiết kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải đã hoàn thành của dự án được thể hiện trong bảng dưới đây.

Bảng 6. 1: Thời gian dự kiến thực hiện vận hành thử nghiệm

TT	Tên hạng mục	Thời gian bắt đầu	Thời gian kết thúc	Công suất tại thời điểm vận hành thử nghiệm	Công suất dự kiến đạt được khi kết thúc giai đoạn vận hành thử nghiệm
1	Hệ thống xử lý khí thải lò hơi	T06/2025	T8/2025	80% công suất so với công suất hoạt động chính thức.	100% công suất hoạt động chính thức.

6.1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải:

Căn cứ Khoản 5, Điều 21, Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường, Công ty thuộc đối tượng thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý khí thải ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định hệ thống xử lý khí thải.

Kế hoạch chi tiết về thời gian dự kiến lấy các loại mẫu khí thải trước khi thải ra môi trường được trình bày như sau:

Bảng 6. 2: Kế hoạch quan trắc khí thải

STT	Vị trí giám sát	Thông số giám sát	Số mẫu	Loại mẫu	Quy chuẩn so sánh
1	Hệ thống xử lý khí thải lò hơi	Lưu lượng, Bụi, CO, NO ₂ , SO ₂ .	03 mẫu đầu ra sau xử lý trong 3 ngày liên tục.	ít nhất 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành thử nghiệm	QCVN 19:2009/BTNMT, cột B

(Nguồn: Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Hoàng Long Phát).

6.1.3. Tổ chức có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường dự kiến phối hợp để thực hiện.

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Nhà máy sẽ thuê đơn vị quan trắc có chức năng tiến hành lấy mẫu, phân tích. Nhà máy dự kiến 02 đơn vị sau (Tùy vào tình hình thực tế đơn vị quan trắc có thể thay đổi):

a. Tên đơn vị: Nhà máy CP DV TV Môi trường Hải Âu:

– Địa chỉ: số 3 Tân Thới Nhất 20, Khu Phố 4, Phường Tân Thới Nhất, Quận 12, Tp HCM.

– Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động quan trắc môi trường số hiệu VIMCERTS 117 theo Quyết định số 468/QĐ-BTNMT ngày 11/03/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường.

– Chứng chỉ công nhận phòng thí nghiệm mã số VLAT-1.0444 theo Quyết định số 203/QĐ-ASOC ngày 20/12/2021 của Văn phòng công nhận năng lực đánh giá sự phù hợp về tiêu chuẩn chất lượng.

b. Tên đơn vị: Nhà máy TNHH Khoa học Công nghệ và phân tích môi trường Phương Nam:

– Địa chỉ: 1358/21/5G Quang Trung, P.14, Quận Gò Vấp, Tp. Hồ Chí Minh.

– Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động quan trắc môi trường số hiệu VIMCERTS 039 theo Giấy chứng nhận số 07/GCN-BTNMT ngày 15/2/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường.

– Chứng chỉ công nhận phòng thí nghiệm mã số VILAS 682 theo Quyết định số 93.2020/QĐ-VPCNCL ngày 13/02/2020 của Văn phòng công nhận chất lượng phòng thí nghiệm của Nhà máy TNHH Khoa học Công nghệ và phân tích môi trường Phương Nam.

6.2. Chương trình quan trắc chất thải định kỳ theo quy định của pháp luật

a. Giám sát không khí môi trường lao động

- Vị trí giám sát: 01 điểm tại khu vực xưởng 01, 01 điểm tại khu vực xưởng 02.
- Chỉ tiêu giám sát: Tiếng ồn, bụi.
- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần.
- Tiêu chuẩn, quy chuẩn so sánh: QCVN 24:2016/BYT, QCVN 02:2019/BYT.

b. Giám sát chất lượng khí thải

- Vị trí giám sát: 01 mẫu tại ống khói sau hệ thống xử lý khí thải lò hơi.

- Chỉ tiêu giám sát: Lưu lượng, bụi, CO, NO₂, SO₂.
- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần.
- Tiêu chuẩn, quy chuẩn so sánh: QCVN 19:2009/BTNMT, cột B.

c. Giám sát chất lượng nước ngầm.

- Vị trí giám sát: 01 mẫu tại giếng khoan trong khu vực dự án.
- Chỉ tiêu giám sát: pH, TDS, Độ cứng, Amoni, Nitrit, Nitrat, Clorua, Sắt, Coliform.
- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần.
- Tiêu chuẩn, quy chuẩn so sánh: QCVN 09:2023/BTNMT.

d. Giám sát chất thải rắn

- Thường xuyên theo dõi, giám sát tổng lượng thải rắn phát sinh; giám sát lượng CTRNH tại nơi lưu giữ tạm thời.
- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần.
- Quy định áp dụng: Luật số 72/2020/QH14, nghị định số 08/2022/NĐ-CP, thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm.

Kinh phí để thực hiện chương trình giám sát môi trường của Cơ sở trong mỗi đợt khoảng 30.000.000 VNĐ.

CHƯƠNG VII. KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ

Trong thời gian 2 năm 2023, 2024, cơ sở có 01 đợt thanh kiểm tra về môi trường của Sở Tài nguyên và Môi trường, cụ thể như sau:

Về việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường: Công ty đã lập báo cáo đánh giá tác động môi trường được UBND tỉnh Bình Phước phê duyệt tại Quyết định số 138/QĐ-UBND ngày 16/1/2020.

Công ty đã thực hiện lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường năm 2023.

Biên bản kiểm tra năm 2024 được đính kèm trong phần phụ lục báo cáo.

CHƯƠNG IV. CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

Chúng tôi xin cam kết về tính chính xác, trung thực của các thông tin, số liệu, tài liệu trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường. Nếu có gì sai phạm, chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Chúng tôi cam kết thực hiện đầy đủ chương trình quản lý môi trường bao gồm các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật môi trường mà cơ sở bắt buộc phải áp dụng; Tuân thủ các quy định chung về bảo vệ môi trường, cam kết cụ thể như sau:

- Cam kết chất lượng khí thải đạt cột B, QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và một số chất vô cơ.
- Chất thải rắn thông thường, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại phải được quản lý theo đúng quy định tại Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định của pháp luật hiện hành.
- Thu gom, xử lý chất thải rắn:
 - + Đối với chất thải rắn thông thường phát sinh trong quá trình sản xuất được thu gom, phân loại và tái sử dụng và hợp đồng thu mua với đơn vị chức năng.
 - + Đối với chất thải rắn sinh hoạt: đảm bảo thu gom, phân loại toàn bộ CTR sinh hoạt phát sinh và tập kết về đúng vị trí, ký hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom và xử lý CTR sinh hoạt phát sinh từ cơ sở.
 - + Đối với chất thải nguy hại: Quản lý chất thải nguy hại theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Đồng thời ký hợp đồng với đơn vị thu gom chất thải có chức năng và đủ thẩm quyền. Đảm bảo thu gom, phân loại toàn bộ CTNH phát sinh tại cơ sở và lưu trữ về kho chứa CTNH, bố trí các thùng chứa phân loại theo đúng quy định, đảm bảo kết cấu kho chứa theo quy định và đảm bảo an toàn về PCCC, đổ tràn chất thải trong quá trình lưu trữ.
- Đảm bảo an toàn lao động, phòng chống cháy nổ và các sự cố, rủi ro môi trường;
- Thực hiện đầy đủ những quy định của pháp luật về sử dụng hợp lý, tiết kiệm tài nguyên và bảo vệ môi trường;
- Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương trong việc kiểm tra, giám sát môi trường theo các quy định hiện hành.
- Cam kết thực hiện chương trình quản lý, giám sát chất thải đảm bảo đúng quy định pháp luật môi trường.
- Cam kết khắc phục ô nhiễm môi trường trong trường hợp xảy ra các sự cố, rủi ro môi trường do hoạt động của cơ sở.

PHỤ LỤC BÁO CÁO

1. HỒ SƠ PHÁP LÝ CỦA DỰ ÁN

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
TỈNH BÌNH PHƯỚC
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

Mã số doanh nghiệp: 3800630038

Đăng ký lần đầu: ngày 25 tháng 11 năm 2009

Đăng ký thay đổi lần thứ: 8, ngày 11 tháng 09 năm 2024

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XUẤT NHẬP KHẨU HOÀNG LONG PHÁT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HOANG LONG PHAT IMPORT EXPORT ONE MEMBER COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: HOANG LONG PHAT COMPANY LIMITED

2. Địa chỉ trụ sở chính

Tổ 2, Thôn Tân Lực, Xã Bù Nho, Huyện Phú Riềng, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam

Điện thoại: 0972.405.424

Email:

Fax:

Website:

3. Vốn điều lệ : 35.000.000.000 đồng.

Bằng chữ: Ba mươi lăm tỷ đồng

4. Thông tin về chủ sở hữu

Họ và tên: LƯƠNG THỊ MỸ HẠNH

Giới tính: Nữ

Sinh ngày: 01/01/1982

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 070182010581

Ngày cấp: 12/01/2022

Nơi cấp: Cục Cảnh Sát Quản Lý Hành Chính Về Trật Tự Xã Hội

Địa chỉ thường trú: Tổ 2, Thôn Tân Lực, Xã Bù Nho, Huyện Phú Riềng, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Tổ 2, Thôn Tân Lực, Xã Bù Nho, Huyện Phú Riềng, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* **Họ và tên:** LƯƠNG THỊ MỸ HẠNH

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 01/01/1982

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 070182010581

Ngày cấp: 12/01/2022

Nơi cấp: Cục Cảnh Sát Quản Lý Hành Chính Về Trật Tự Xã Hội

Địa chỉ thường trú: Tổ 2, Thôn Tân Lực, Xã Bù Nho, Huyện Phú Riềng, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Tổ 2, Thôn Tân Lực, Xã Bù Nho, Huyện Phú Riềng, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam



TRƯỞNG PHÒNG

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG
Trịnh Ngọc Linh



II. Thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thửa đất:

- a) Thửa đất số: 163, tờ bản đồ số: 40,
- b) Địa chỉ: ấp Trung Sơn, xã Thanh An, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước,
- c) Diện tích: 9.746,4 m²,
(Bằng chữ: chín nghìn bảy trăm bốn mươi sáu phẩy bốn mét vuông),
- d) Hình thức sử dụng: sử dụng riêng,
- đ) Mục đích sử dụng: đất trồng cây lâu năm,
- e) Thời hạn sử dụng: đến ngày 28/5/2046,
- g) Nguồn gốc sử dụng: nhận chuyển nhượng đất được công nhận quyền sử dụng đất như giao đất không thu tiền sử dụng đất.

2. Nhà ở: -/-

3. Công trình xây dựng khác: -/-

4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-

5. Cây lâu năm: -/-

6. Ghi chú:

Thửa đất có 465,8 m² đất nằm trong hành lang bảo vệ đường bộ.

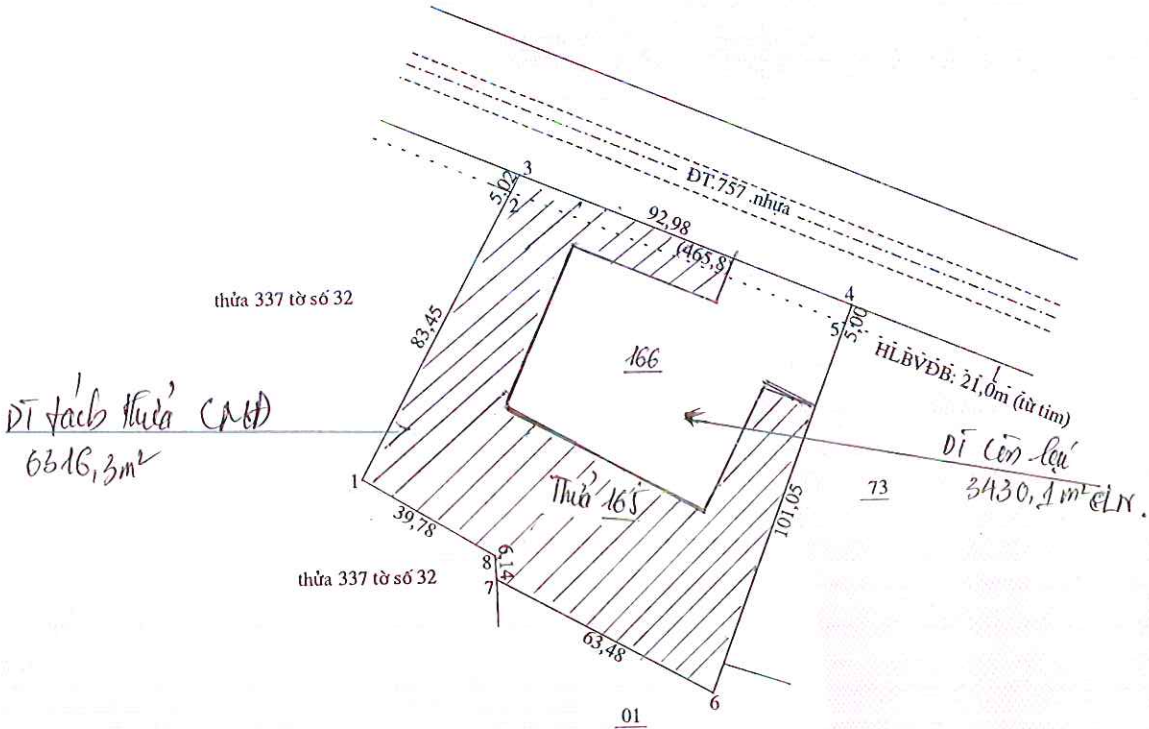
Bình Phước, ngày 15... tháng 04... năm 2020
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÌNH PHƯỚC
GIÁM ĐỐC



Lê Hoàng Lâm

Số vào sổ cấp GCN: CT...2137.5...

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất



Tỷ lệ 1/2.000

IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận	
Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
Thu hồi diện tích 6.316,3 m ² đất trồng cây lâu năm (trong đó có 316,8 m ² đất thuộc hành lang bảo vệ đường bộ) theo Quyết định số 1960/QĐ-UBND ngày 19/8/2020 của UBND tỉnh Bình Phước. Diện tích còn lại là 3.430,1 m ² (ba nghìn bốn trăm ba mươi phẩy một mét vuông) đất trồng cây lâu năm, thuộc thửa 166./.	PHÓ GIÁM ĐỐC VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI Lê Văn Ngọc

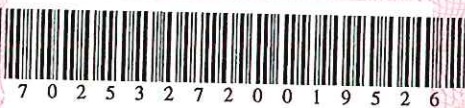
Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý

Xác nhận của cơ quan
có thẩm quyền

Kèm theo Trang bổ sung số: 3.148

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.



7 0 2 5 3 2 7 2 0 0 1 9 5 2 6

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

Công ty TNHH Một thành viên Xuất nhập khẩu Hoàng Long Phát

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3800630038 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp đổi lần thứ 4 ngày 15/3/2016.
- Địa chỉ trụ sở chính: tổ 2, thôn Tân Lực, xã Bù Nho, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước.

CT 766481

hầu đầu số: 163
phát hành GCN:

Số phát hành GCN:

40

CT 766481

CT 21373

[illegible]

314.8

(Mặt sau trang bổ sung)

[illegible]

II. Thừa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thừa đất:

- a) Thừa đất số: 165, tờ bản đồ số: 40,
- b) Địa chỉ thừa đất: ấp Trung Sơn, xã Thanh An, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước,
- c) Diện tích: 6.316,3 m²,
(Bằng chữ: sáu nghìn ba trăm mười sáu phẩy ba mét vuông),
- d) Hình thức sử dụng: sử dụng riêng,
- đ) Mục đích sử dụng đất: đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp (5.999,5 m²); đất trồng
trồng cây lâu năm (316,8 m²),
- e) Thời hạn sử dụng đất: 5.999,5 m² đến ngày 28/11/2069; 316,8 m² đến ngày 28/5/2046,
- g) Nguồn gốc sử dụng đất: Nhà nước cho thuê đất trả tiền một lần (5.999,5 m²); Nhận chuyển
nhượng đất được Công nhận QSDĐ như giao đất không thu tiền sử dụng đất (316,8 m²).

2. Nhà ở: -/-

3. Công trình xây dựng khác:

- a) Địa chỉ: xã Thanh An, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước,
- b) Loại công trình: Xưởng chế biến và xuất khẩu hạt điều,
- c) Thông tin chi tiết về hạng mục công trình:

Hạng mục công trình	Diện tích xây dựng (m ²)	Diện tích sàn (m ²) hoặc công suất	Hình thức sở hữu	Cấp công trình	Thời hạn sở hữu
01. Nhà bảo vệ (01 nhà)	15,2	15,2	Sở hữu riêng	IV	-/-
02. Nhà ăn, nhà ở công nhân (01 nhà)	100,0	100,0	Sở hữu riêng	IV	-/-
03. Nhà văn phòng (01 nhà)	131,0	131,0	Sở hữu riêng	III	-/-
04. Nhà kho (01 nhà)	499,2	499,2	Sở hữu riêng	III	-/-
05. Nhà xưởng 1 (01 nhà)	2.100,0	2.100,0	Sở hữu riêng	III	-/-
06. Nhà xưởng 2 (01 nhà)	864,0	864,0	Sở hữu riêng	III	-/-

4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-

5. Cây lâu năm: -/-

6. Ghi chú: Thừa đất có 316,8 m² đất trồng cây lâu năm thuộc hành lang bảo vệ đường bộ.

Được miễn tiền thuê đất với số tiền 159.257.826 đồng (bằng chữ: một trăm năm mươi chín triệu,
hai trăm năm mươi bảy nghìn, tám trăm hai mươi sáu đồng) từ ngày 19/8/2020 đến ngày 18/8/2027
theo Quyết định số 1891/QĐ-CT ngày 10/11/2020 của Cục thuế Bình Phước./.

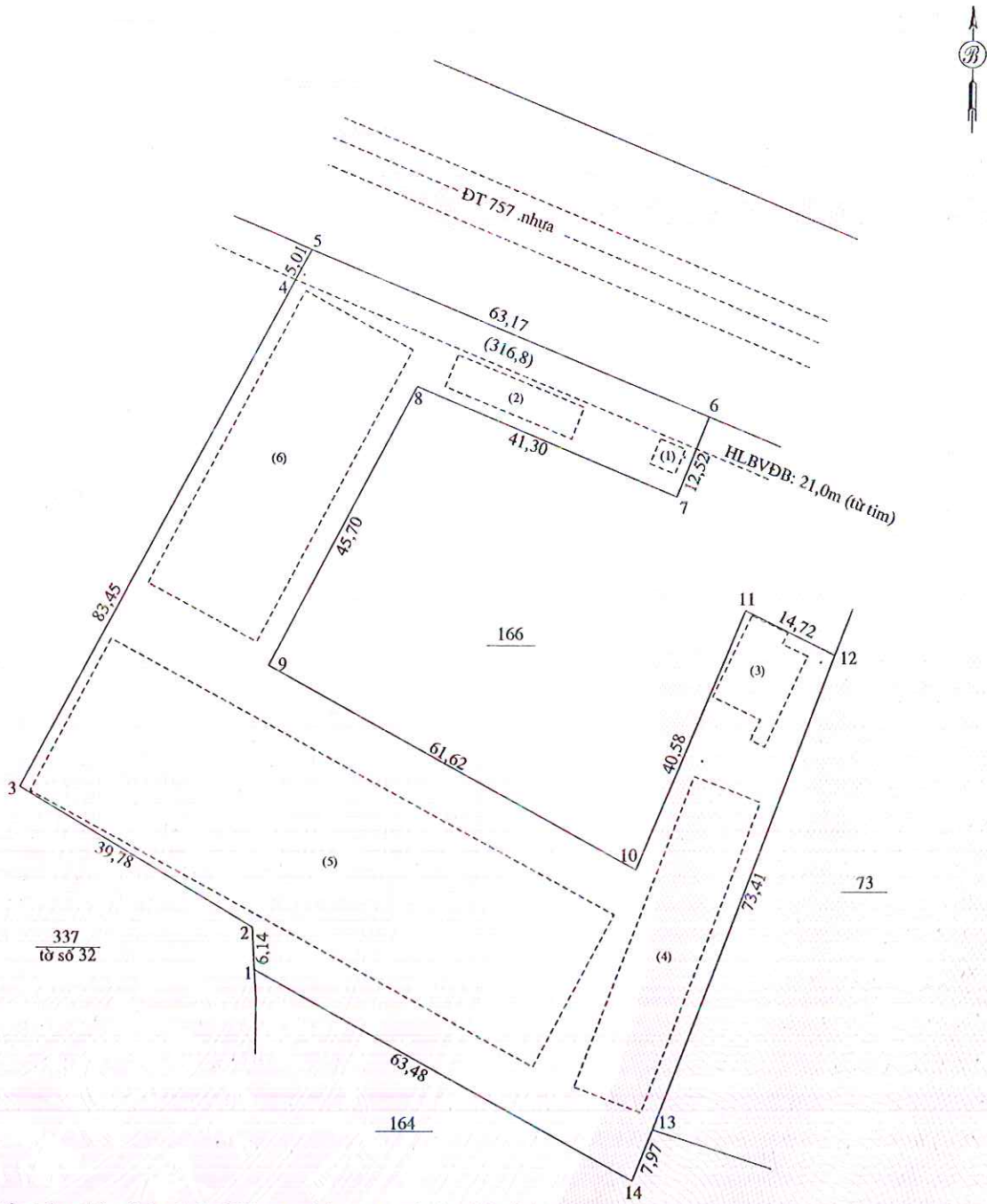
Bình Phước, ngày 11 tháng 01 năm 2021
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC
TUQ. CHỦ TỊCH
GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG



Số vào sổ cấp GCN:CT.30423

Đương Hoàng Anh Tuấn

III. Sơ đồ thừa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất



Sơ đồ thừa đất tỷ lệ 1:1.000; sơ đồ công trình phi tỷ lệ.

IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận	
Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

- I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất**
- Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Hoàng Long Phát**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3800630038 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp đổi lần thứ 4 ngày 15/3/2016.
 - Địa chỉ trụ sở chính: tổ 2, thôn Tân Lục, xã Bù Nho, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước.

CY 233883

QUYẾT ĐỊNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 26/11/2014;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thuế Thu nhập doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01/09/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu;

Căn cứ Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư và báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam;

Căn cứ Nghị quyết số 31/2017/NQ-HĐND ngày 19/7/2017 và Nghị quyết số 14/2018/NQ-HĐND ngày 14/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chính sách khuyến khích và ưu đãi đầu tư trên địa bàn tỉnh;

Theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Báo cáo thẩm định số 1987/BC-SKHĐT-ĐKKD ngày 19/11/2019 về quyết định chủ trương đầu tư dự án xây dựng nhà xưởng chế biến và xuất khẩu hạt điều do Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Hoàng Long Phát làm chủ đầu tư; theo văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư và hồ sơ kèm theo ngày 17/10/2019 của Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Hoàng Long Phát.

QUYẾT ĐỊNH:

Chấp thuận nhà đầu tư:

Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Hoàng Long Phát - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3800630038, do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp lần đầu ngày 25/11/2009, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 15/3/2016; địa chỉ trụ sở chính: tổ 2, thôn Tân Lục, xã Bù Nho, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước, Việt Nam.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Lương Thị Mỹ Hạnh; sinh năm: 1982; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; chứng minh nhân dân số: 285011889, do Công an tỉnh Bình Phước cấp ngày 23/10/2012; địa chỉ thường trú: tổ 2, thôn Tân



Lực, xã Bù Nho, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước; chỗ ở hiện tại: tổ 2, thôn Tân Lực, xã Bù Nho, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước. Chức danh: Giám đốc.

Thực hiện dự án đầu tư với các nội dung sau:

Điều 1. Nội dung dự án đầu tư

1. **Tên dự án đầu tư:** Xây dựng xưởng chế biến và xuất khẩu hạt điều.

2. **Mục tiêu:** Chế biến và xuất khẩu những sản phẩm từ hạt điều..

3. **Quy mô đầu tư:** Công suất thiết kế khoảng 7.000 tấn sản phẩm/năm.

4. **Địa điểm thực hiện dự án:** ấp Trung Sơn, xã Thanh An, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước.

5. Diện tích, nguồn gốc đất sử dụng:

- Diện tích khu đất: Khoảng 9.746,4 m² trong tổng diện tích 85.047,6m².

- Nguồn gốc đất: Thuộc quyền sử dụng của hộ bà Lương Thị Mỹ Hạnh (chủ sở hữu Công ty), được Sở Tài nguyên và Môi trường cấp GCNQSD đất số vào sổ CS 04963, cấp ngày 05/9/2019. Công ty sẽ nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất để thực hiện dự án.

6. **Tổng vốn đầu tư của dự án:** 10.000.000.000 VNĐ (Mười tỷ đồng).

Trong đó:

- Vốn góp: 2.000.000.000 đồng.

- Vốn vay: 8.000.000.000 đồng.

7. **Thời hạn hoạt động của dự án:** 50 (năm mươi) năm, kể từ ngày được cấp Quyết định chủ trương đầu tư.

8. Tiến độ thực hiện dự án:

- Từ tháng 10/2019 đến tháng 01/2020: Thực hiện thủ tục chủ trương đầu tư.

- Từ tháng 02/2020 đến tháng 12/2020: Tiến hành xây dựng công trình.

- Từ tháng 01/2021 trở đi: Hoàn thành và đi vào hoạt động.

Điều 2. Các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư

1. Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp:

Được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định tại Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành.

2. Ưu đãi về thuế nhập khẩu:

Được miễn, giảm thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu theo quy định tại Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu năm 2016 và các văn bản pháp luật hướng dẫn thi hành.

3. Ưu đãi về miễn, giảm tiền thuê đất, giao đất và các ưu đãi khác:

Được miễn, giảm tiền thuê đất, tiền sử dụng đất và được hưởng các ưu đãi đầu tư khác theo quy định của Chính phủ và tỉnh Bình Phước.



Điều 3. Các điều kiện đối với nhà đầu tư thực hiện dự án

1. Việc điều chỉnh dự án đầu tư thực hiện theo quy định tại Điều 40 Luật Đầu tư và quy định pháp luật có liên quan.
2. Việc chuyển nhượng dự án đầu tư, chuyển đổi chủ đầu tư thực hiện theo quy định tại Điều 45 Luật Đầu tư và quy định pháp luật có liên quan.
3. Việc giãn tiến độ đầu tư; tạm ngừng, ngừng hoạt động dự án thực hiện theo Điều 46, 47 Luật Đầu tư và quy định pháp luật có liên quan.
4. Dự án sẽ chấm dứt hoạt động trước thời hạn, bị thu hồi Quyết định chủ trương đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư theo quy định tại Điều 48 Luật Đầu tư và quy định pháp luật có liên quan.

Điều 4. Trách nhiệm của các đơn vị liên quan

1. UBND huyện Hớn Quản bổ sung khu đất thực hiện dự án vào Kế hoạch sử dụng đất năm 2019 của huyện.
2. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng, Sở Công Thương, UBND huyện Hớn Quản theo chức năng nhiệm vụ hướng dẫn Nhà đầu tư thực hiện các thủ tục tiếp theo đúng quy định.
3. Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Hoàng Long Phát là chủ đầu tư có trách nhiệm:
 - Thực hiện ký quỹ bảo đảm thực hiện dự án đầu tư theo Quy định tại Công văn số 1006/UBND-TH ngày 18/4/2019 của UBND tỉnh và quy định của Luật Đầu tư.
 - Hoàn tất các thủ tục về đất đai, môi trường, xây dựng trước khi đưa dự án đi vào hoạt động.
 - Thực hiện các báo cáo định kỳ hằng tháng, quý, năm và gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư theo quy định tại Điều 53, Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ. Biểu mẫu báo cáo thực hiện theo quy định tại Phụ lục III, Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và được lập thành 03 (Ba) bản. Nhà đầu tư được cấp một bản. Một bản gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư và một bản được lưu tại UBND tỉnh./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4. 5;
- Chủ tịch, PCT;
- LĐVP, TTPVHCC, Phòng: TH, KT;
- Lưu: VT. (29M.Anh)

KÍ CHỮ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH


Huỳnh Thị Hằng

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3708 /UBND-TH

Bình Phước, ngày 10 tháng 12 năm 2019

V/v đính chính tên nhà đầu tư thực hiện dự án xây dựng nhà xưởng chế biến và xuất khẩu hạt điều.

Kính gửi:

- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Sở Công Thương;
- Sở Xây dựng;
- UBND huyện Hớn Quản;
- Công ty TNHH MTV XNK Hoàng Long Phát;

Theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Báo cáo số 1987/BC-SKHĐT ngày 19/11/2019; ngày 28/11/2019, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 2582/QĐ-UBND về việc chấp thuận cho Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Hoàng Long Phát thực hiện dự án xây dựng nhà xưởng chế biến và xuất khẩu hạt điều tại ấp Trung Sơn, xã Thanh An, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước.

Tuy nhiên, do sơ sót trong khâu soạn thảo, nay UBND tỉnh đính chính tên nhà đầu tư thực hiện dự án tại Quyết định số 2582/QĐ-UBND ngày 28/11/2019, cụ thể như sau:

- Từ: “Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Hoàng Long Phát”.
- Điều chỉnh thành: “Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Hoàng Long Phát”.

Những nội dung khác không thay đổi vẫn thực hiện theo Quyết định số 2582/UBND ngày 28/11/2019 của UBND tỉnh./

Nơi nhận:

- CT; P.CT UBND tỉnh;
- Như trên;
- LĐVP, P.TH, KT;
- Lưu: VT. 4

**TL. CHỦ TỊCH
CHÁNH VĂN PHÒNG**



Phạm Thị Anh Hoa

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Xây dựng
xưởng chế biến và xuất khẩu hạt điều - công suất 7.000 tấn sản phẩm/năm tại
ấp Trung Sơn, xã Thanh An, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước do Công ty
TNHH MTV Xuất nhập khẩu Hoàng Long Phát làm chủ đầu tư**

CHỦ TỊCH UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 ngày 23/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29/5/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Xây dựng xưởng chế biến và xuất khẩu hạt điều – công suất 7.000 tấn sản phẩm/năm tại ấp Trung Sơn, xã Thanh An, huyện Hớn Quản tỉnh Bình Phước họp ngày 24/12/2019 tại Hội trường Sở Tài nguyên và Môi trường;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Xây dựng xưởng chế biến và xuất khẩu hạt điều - công suất 7.000 tấn sản phẩm/năm tại ấp Trung Sơn, xã Thanh An, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước do Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Hoàng Long Phát làm chủ đầu tư đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Công văn số 601/HLP-GTĐTM ngày 06/01/2020;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 22/TTr-STNMT ngày 13/01/2020,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Xây dựng xưởng chế biến và xuất khẩu hạt điều - công suất 7.000 tấn sản phẩm/năm (sau đây gọi là Dự án) của Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Hoàng Long Phát (sau đây gọi là Chủ Dự án) thực hiện tại ấp Trung Sơn, xã Thanh An, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ Dự án có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định pháp luật.
2. Thực hiện nghiêm túc nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của Dự án.

Điều 4. Ủy nhiệm Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện việc kiểm tra các nội dung bảo vệ môi trường trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định này.

Điều 5. Các ông (bà): Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ môi trường, Chủ tịch UBND huyện Hớn Quản, Chủ tịch UBND xã Thanh An, Người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Hoàng Long Phát và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch;
- Như Điều 5;
- LĐVP, Phòng Kinh tế;
- Lưu: VT_(BH-4-QĐPD-TNMT).

K. CHỦ TỊCH
Đ. CHỦ TỊCH



Nguyễn Anh Minh

PHỤ LỤC

Các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường của Dự án Xây dựng xưởng chế biến và xuất khẩu hạt điều – công suất 7.000 tấn sản phẩm/năm tại ấp Trung Sơn, xã Thanh An, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước do Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Hoàng Long Phát làm chủ đầu tư (Kèm theo Quyết định số ...138...../QĐ-UBND ngày 16/01/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Phước)

1. Thông tin về Dự án:

1.1. Tên Dự án: Dự án Xây dựng xưởng chế biến và xuất khẩu hạt điều - công suất 7.000 tấn sản phẩm/năm.

1.2. Chủ Dự án: Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Hoàng Long Phát.

Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Hoàng Long Phát được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên số 3800630038 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp lần đầu ngày 25/11/2009; đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 15/3/2016 (được chuyển đổi ngày 13/10/2015 từ DNTN Hoàng Long Phát).

Trụ sở chính: Tổ 2, thôn Tân Lục, xã Bù Nho, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Lương Thị Mỹ Hạnh, Chức vụ: Giám đốc.

1.3. Địa điểm thực hiện Dự án: Tổ 7, ấp Trung Sơn, xã Thanh An, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước.

1.4. Phạm vi, quy mô: Dự án thực hiện trên khu đất có diện tích khoảng 9.746,4 m² với quy mô 7.000 tấn sản phẩm/năm.

1.5. Công nghệ của Dự án: Chế biến và xuất khẩu hạt điều theo quy trình công nghệ bán tự động trong đó có một số công đoạn thực hiện thủ công.

1.6. Các hạng mục công trình chính của Dự án: Nhà xưởng sản xuất; nhà văn phòng, kho; nhà ở công nhân và khu vực xử lý chất thải của các công trình bảo vệ môi trường.

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ Dự án:

2.1. Các tác động môi trường chính của Dự án:

- *Tác động trong giai đoạn triển khai xây dựng Dự án:* Bụi từ quá trình giải phóng mặt bằng, san nền, đào móng; bụi, khí thải từ các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu cho quá trình triển khai xây dựng; nước thải từ hoạt động sinh hoạt của công nhân và nước thải xây dựng; chất thải rắn từ sinh hoạt của công nhân, chất thải rắn xây dựng và chất thải nguy hại.

- *Tác động trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:* Bụi, khí thải từ các phương tiện vận tải ra vào khu vực Dự án; bụi, khí thải từ lò hơi; bụi, mùi hôi và

hơi dầu điều phát sinh từ vỏ hạt điều trong quá trình sản xuất; nước thải từ quá trình sản xuất (từ lò hơi và hệ thống xử lý khí thải lò hơi), nước thải sinh hoạt của công nhân viên; chất thải rắn sinh hoạt của công nhân viên, chất thải rắn công nghiệp không nguy hại và chất thải nguy hại.

2.2. Quy mô, tính chất của nước thải:

2.2.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng Dự án:

- *Nước thải xây dựng*: Lưu lượng phát sinh khoảng 02 - 03 m³/ngày, thành phần chủ yếu là hàm lượng chất rắn lơ lửng.

- *Nước thải sinh hoạt*: Lưu lượng phát sinh khoảng 03 m³/ngày, thành phần gồm: pH, BOD₅ (20⁰C), tổng chất rắn lơ lửng (TSS), tổng chất rắn hòa tan, sunfua (tính theo H₂S), amoni (tính theo N), nitrat (NO₃⁻) (tính theo N), dầu mỡ động, thực vật, tổng các chất hoạt động bề mặt, photphat (PO₄³⁻) (tính theo P), tổng coliform.

2.2.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- *Nước thải sản xuất (phát sinh từ lò hơi và hệ thống xử lý khí thải lò hơi)*: Lưu lượng nước thải khoảng 04 m³ cung cấp cho hệ thống xử lý khí thải tại bể xử lý bụi ướt của hệ thống xử lý khí thải lò hơi. Nước thải chủ yếu chứa hàm lượng cặn rắn lơ lửng (TSS), pH, BOD₅ (20⁰C), COD.

- *Nước thải sinh hoạt*: Lưu lượng nước thải: khoảng 05 m³/ngày, thành phần gồm: pH, BOD₅ (20⁰C), tổng chất rắn lơ lửng (TSS), amoni (tính theo N), tổng nitơ, tổng photpho, tổng coliform.

2.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

2.3.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng Dự án:

- *Bụi từ quá trình giải phóng mặt bằng, từ quá trình san nền, đào móng*: Lượng bụi phát sinh trong hoạt động này có nồng độ khoảng 0,462 mg/m³, chủ yếu phát sinh từ hoạt động đào đất, san nền; tác động trực tiếp đến công nhân xây dựng trong thời gian thi công xây dựng.

- *Bụi, khí thải từ các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu cho quá trình triển khai xây dựng*: Chứa nhiều bụi, CO, SO₂, NO_x và VOC.

2.3.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- *Bụi, khí thải từ các phương tiện vận tải ra vào khu vực Dự án*: Thường chứa các thành phần ô nhiễm như: Bụi, NO_x, SO₂, CO, VOC.

- *Bụi, khí thải từ lò hơi*: Dự án sử dụng nhiên liệu đốt là biomass (mùn cưa, dăm bào) cấp nhiệt cho lò hơi nên thành phần các chất ô nhiễm chủ yếu gồm: Bụi, NO_x, SO₂, CO.

- *Bụi, mùi hôi và hơi dầu điều phát sinh từ vỏ hạt điều trong quá trình sản xuất*: Bụi trong quá trình chế biến hạt điều chủ yếu phát sinh từ các khâu phân cỡ

hạt sơ bộ, tách vỏ, bóc vỏ lụa, phân loại cấp sản phẩm và đóng gói. Mùi hôi và hơi dầu điều phát sinh từ vỏ hạt điều sau khi đã tách lấy nhân, chủ yếu là các hợp chất hữu cơ bay hơi từ quá trình sấy.

2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn sinh hoạt thông thường:

2.4.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng Dự án:

- *Chất thải rắn xây dựng*: Phát sinh khoảng 50 kg/ngày, chủ yếu là xi măng rơi vãi, sắt thép vụn, bao bì đựng vật liệu...

- *Chất thải rắn sinh hoạt*: Phát sinh khoảng 12,6 kg/ngày, thành phần gồm rau, vỏ hoa quả, xương, giấy, vỏ đồ hộp... Chất thải rắn sinh hoạt có chứa 60% - 70% chất hữu cơ và 30% - 40% các chất khác.

2.4.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- *Chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp không nguy hại*: Phát sinh khoảng 21 kg/ngày. Thành phần chất thải rắn sinh hoạt bao gồm các loại chất khác nhau như rau, vỏ hoa quả, xương, giấy, vỏ đồ hộp... Chất thải rắn sinh hoạt có chứa 60% - 70% chất hữu cơ và 30% - 40% các chất khác. Chất thải rắn công nghiệp không nguy hại bao gồm bao nilon, nút xốp, bao chống xóc, thùng carton... ước tính khoảng 100 kg; sắt thép vụn (phát sinh trong giai đoạn lắp đặt máy móc và giai đoạn hoạt động của Dự án) ước tính khoảng 120 kg.

2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

2.5.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng Dự án: Chất thải nguy hại phát sinh chủ yếu là dầu nhớt thải; giẻ lau, bao tay dính dầu nhớt; sơn thải (tổng khối lượng khoảng 8,5 kg/tháng).

2.5.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành: Tổng khối lượng chất thải nguy hại phát sinh khoảng 10 kg/tháng, gồm giẻ lau, bao tay dính dầu mỡ, hóa chất; thùng, bao bì cứng thải bằng nhựa; bao bì mềm thải (bao gồm bao bì thuốc thú y); bóng đèn huỳnh quang thải; dầu nhớt thải; pin, ắc quy chì thải.

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án:

3.1. Về thu gom và xử lý nước thải:

3.1.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng Dự án:

- *Biện pháp giảm thiểu nước thải xây dựng*: Được thu gom vào các hố lắng tạm, kết cấu bê tông cốt thép với kích thước: 3,5 m x 1,5 m x 1,5 m. Bụi, cát, đá... có trong nước thải sẽ lắng xuống và phần nước trong sẽ được tái sử dụng cho việc trộn bê tông, rửa xe.

- *Biện pháp giảm thiểu nước thải sinh hoạt*: Thuê 02 nhà vệ sinh di động (vật liệu composite, kích thước 2,05 m x 1,45 m x 2,85 m; bồn chứa nước dung tích 500 lít, bồn chứa phân dung tích 1.600 lít) sử dụng cho Dự án, định kỳ nước thải và phân từ nhà vệ sinh di động được hợp đồng chuyển giao cho đơn vị chức năng xử lý.

3.1.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- *Biện pháp giảm thiểu nước thải sản xuất (phát sinh từ lò hơi và hệ thống xử lý khí thải lò hơi):* Nước thải tại bể hấp thụ ướt sẽ được châm liên tục khi có hao hụt, không thải bỏ ra ngoài môi trường; định kỳ lượng cặn rắn sẽ được thu gom xử lý cùng với chất thải công nghiệp thông thường phát sinh tại Dự án.

- *Biện pháp giảm thiểu nước thải sinh hoạt:* Xây dựng 02 bể tự hoại 05 ngăn với tổng thể tích $15,75 \text{ m}^3$ (kích thước từng bể $3,5 \text{ m} \times 1,5 \text{ m} \times 1,5 \text{ m} = 7,875 \text{ m}^3$), nước thải từ nhà vệ sinh sau khi qua bể tự hoại 05 ngăn được thu gom về Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất $06 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ để xử lý với quy trình:

Nước thải từ nhà vệ sinh → Bể tự hoại → Hồ thu gom → Bể Aerotank → Bể lắng → Bể khử trùng → Nước thải sau xử lý đạt cột A, QCVN 14:2008/BTNMT và cột B1, QCVN 08-MT:2015/BTNMT được tái sử dụng để tưới cây xanh trong khu vực Dự án.

Kích thước các hạng mục công trình của Hệ thống xử lý nước thải như sau:

Công trình	Kích thước (m) (dài x rộng x sâu)	Số lượng	Thể tích (m^3)	Vật liệu xây dựng
Bể tự hoại 05 ngăn	3,5 x 1,5 x 1,5	02	15,75	Bê tông cốt thép, trát chống thấm
Hồ thu gom	1,2 x 1,0 x 2,0	01	2,4	
Bể Aerotank	2,5 x 2,0 x 2,0	01	10	
Bể lắng	1,15 x 1,15 x 2,0	01	2,645	
Bể khử trùng	1,15 x 1,15 x 2,0	01	2,645	
Bể chứa bùn	1,3 x 12 x 2,0	01	31,2	

3.2. Về xử lý bụi, khí thải:

3.2.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng Dự án:

- *Giảm thiểu bụi từ quá trình thi công san nền, đào móng:* Tưới nước trong các ngày nắng ở các khu vực có khả năng phát sinh bụi trong khu vực Dự án; trang bị bảo hộ lao động cho công nhân...

- *Giảm thiểu bụi từ các phương tiện vận chuyển:* Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng động cơ của các phương tiện, sử dụng nhiên liệu có hàm lượng lưu huỳnh thấp; các xe vận chuyển phải chở đúng tải trọng và phủ bạt kín nhằm giảm thiểu bụi phát sinh từ quá trình vận chuyển, bốc dỡ...

3.2.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- *Giảm thiểu bụi, khí thải từ phương tiện vận chuyển:* Bê tông hóa đường giao thông nội bộ, các phương tiện vận chuyển phải được phủ kín, trồng cây xanh xung quanh nhà xưởng...

- *Giảm thiểu bụi từ quá trình sản xuất:* Thường xuyên quét dọn và vệ sinh nhà xưởng, trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân, bố trí mặt bằng nhà xưởng thông thoáng...

- *Giảm thiểu mùi, hơi dầu điều:* Bố trí nhà xưởng thông thoáng, trang bị bảo hộ lao động cho công nhân, thu gom vỏ hạt điều hàng ngày...

- *Giảm thiểu khí thải từ quá trình vận hành lò hơi:* Khí thải phát sinh từ lò hơi được thu gom và xử lý theo quy trình: Khí thải → Cyclon thu bụi → Bể xử lý bụi ướt → Ống khói.

Kích thước các hạng mục công trình hệ thống xử lý khí thải lò hơi như sau:

STT	Hạng mục	Kích thước (mm)	Vật liệu
1	Cyclon	D x H = 760 x 2.900	Thép tấm CT3, dày 03 mm
2	Bể xử lý bụi ướt	D x R x C = 2.000 x 2.000 x 1.000	Thép tấm CT3, dày 05 mm hoặc bê xây gạch, có chống thấm
3	Ống khói	D x H = 450 x 8.500	Thép tấm CT3, dày 03 mm

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu trữ, quản lý, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:

3.3.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng Dự án:

- *Chất thải rắn xây dựng:* Các loại chất thải rắn như: đất, cát, đá được thu gom liên tục trong quá trình xây dựng và tận dụng để san lấp mặt bằng; các loại cốt pha, sắt, thép được tái sử dụng cho quá trình xây dựng; các loại bao bì chứa vật liệu xây dựng được thu gom, một phần tái sử dụng, một phần hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý theo quy định.

- *Chất thải rắn sinh hoạt:* Thu gom và lưu trữ trong các thùng chứa thích hợp và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

3.3.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- *Chất thải rắn sinh hoạt:* Bố trí 03 thùng rác 60 lít bằng nhựa tại khu vực nhà công nhân và nhà văn phòng. Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý theo quy định.

- *Chất thải rắn sản xuất của Dự án:* Khu vực chứa chất thải rắn có diện tích 52 m², kết cấu: tường bao, mái che... Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

3.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu trữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

3.4.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng Dự án: Thu gom, phân loại và lưu chứa chất thải nguy hại trong 02 thùng chứa bằng nhựa HDPE, dung tích 60 lít,

đặt tại khu vực thích hợp trong giai đoạn xây dựng. Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý theo đúng quy định.

3.4.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành: Thu gom, phân loại và lưu chứa chất thải nguy hại trong các thùng chứa có thể tích 60 lít, bằng nhựa HPDE, có nắp đậy kín, dán nhãn, đặt trong khu vực nhà chứa chất thải nguy hại diện tích 08 m², kết cấu: nền bê tông, cột bê tông cốt thép, tường xây tô 02 mặt quét sơn nước, mái lợp tole... theo đúng quy định về quản lý chất thải nguy hại. Hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, xử lý chất thải nguy hại phát sinh.

3.5. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác:

3.5.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng Dự án:

Biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn: Sử dụng các loại xe chuyên dụng ít gây tiếng ồn; thường xuyên bảo dưỡng, kiểm tra các phương tiện giao thông vận chuyển, đảm bảo đạt tiêu chuẩn môi trường theo quy định...

3.5.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn:* Thường xuyên theo dõi, bảo trì máy móc, thiết bị; trồng cây xanh xung quanh khu vực nhà xưởng đảm bảo đạt tối thiểu 20% tổng diện tích Dự án...

- *Biện pháp quản lý, khai thác nước ngầm:* Đăng ký giấy phép khai thác nước ngầm theo quy định; thiết lập các vùng phòng hộ vệ sinh của vùng khai thác; lập phương án quan trắc, giám sát hoạt động khai thác nước dưới đất khi Dự án đã đi vào hoạt động...

3.6. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- *Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ lò hơi:*

Nhà lò hơi bố trí thông thoáng, có đủ không gian cho công nhân làm việc, kiểm tra vận hành và vệ sinh thiết bị; trước khi vận hành lò hơi, công nhân phải kiểm tra đầy đủ các cơ cấu an toàn, hệ thống điện, đồng hồ chỉ áp suất...

Quy trình ứng phó sự cố cháy nổ lò hơi: Cháy nổ → Báo động an toàn cho toàn nhà máy → Thông báo cho lãnh đạo Công ty. Trường hợp sự cố nghiêm trọng phải cắt điện, báo cho lực lượng phòng cháy chữa cháy; thoát hiểm và kết hợp với lực lượng phòng cháy chữa cháy để dập lửa, sau đó thu dọn hiện trường, điều tra và viết báo cáo sự cố. Trường hợp sự cố cháy nổ không nghiêm trọng, Chủ đầu tư tiến hành dập lửa, thu dọn hiện trường, sau đó điều tra và viết báo cáo sự cố...

- *Biện pháp giảm thiểu sự cố đối với hệ thống xử lý khí thải:* Các thiết bị hư hỏng phải được sửa chữa ngay; kiểm tra thiết bị và bảo trì, bảo dưỡng thường xuyên...

- *Biện pháp giảm thiểu sự cố hóa chất*: Việc lưu trữ và sử dụng hóa chất phải thực hiện tuân thủ theo quy định tại Thông tư số 20/2013/TT-BCT ngày 05/8/2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương và TCVN 5507:2002 - Tiêu chuẩn Việt Nam về hóa chất nguy hiểm, quy phạm an toàn trong sản xuất, kinh doanh, sử dụng, bảo quản và vận chuyển.

4. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ Dự án:

4.1. Chương trình giám sát giai đoạn xây dựng:

4.1.1. Không khí khu vực xây dựng:

- Vị trí giám sát: 01 điểm tại khu vực thi công.
- Thông số giám sát: Tiếng ồn, Bụi, khí SO₂, NO₂, CO.
- Tần suất giám sát: 01 lần/giai đoạn xây dựng.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 24:2016/BYT, QCVN 26:2016/BYT, Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ Y tế.

4.2. Chương trình giám sát giai đoạn hoạt động:

4.2.1. Giám sát môi trường không khí khu vực sản xuất:

- Vị trí giám sát: 01 điểm tại nhà xưởng 01 và 01 điểm tại nhà xưởng 02.
- Thông số giám sát: Tiếng ồn, bụi.
- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần.
- Quy chuẩn so sánh: Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ Y tế, QCVN 24:2016/BYT.

4.2.2. Giám sát khí thải:

- Vị trí giám sát: 01 vị trí tại ống thoát khí hệ thống xử lý khí thải lò hơi.
- Thông số giám sát: Lưu lượng, bụi tổng, NO₂, CO, SO_x, VOC.
- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 19:2009/BTNMT, cột B với k_p = 1, k_v = 1,2.

4.2.3. Giám sát môi trường nước thải:

- Vị trí giám sát: 01 mẫu bể khử trùng.
- Thông số giám sát: pH, BOD₅, TSS, amoni, tổng nitơ, tổng photpho, coliform.
- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.
- Quy chuẩn so sánh: Cột A, QCVN 14:2008/BTNMT và cột B1, QCVN 08-MT:2015/BTNMT.

4.2.4. Giám sát môi trường nước ngầm:

- Vị trí giám sát: 01 điểm tại giếng khoan trong khu vực Dự án.
- Thông số giám sát: pH, độ cứng, TDS, Fe, nitrat, nitrit, Cl⁻, amoni, coliform.

- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 09-MT:2015/BTNMT.

4.2.5. Giám sát môi trường đất:

- Vị trí giám sát: 01 điểm tại khu vực tưới cây xanh.
- Thông số giám sát: As, Pb, Cu, Zn, Cd, Cr.
- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 03-MT:2015/BTNMT.

4.2.6. Giám sát chất thải rắn, chất thải nguy hại:

- Thường xuyên theo dõi, giám sát tổng lượng thải rắn phát sinh; giám sát lượng chất thải nguy hại tại nơi lưu giữ.
- Vị trí giám sát: Tại kho lưu trữ chất thải rắn và kho lưu trữ chất thải nguy hại.
- Tần suất giám sát: Thường xuyên, liên tục.

- Quy định áp dụng: Nghị định số 59/2007/NĐ-CP ngày 09/4/2007 của Chính phủ về quản lý chất thải rắn, Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/04/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu, Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/06/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại và theo các quy định hiện hành.

5. Các điều kiện có liên quan đến môi trường khác

5.1. Thực hiện đúng, đầy đủ các nội dung bảo vệ môi trường nêu trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

5.2. Thực hiện trồng cây xanh trong khu vực Dự án đảm bảo đạt tỷ lệ 20% tổng diện tích Dự án.

5.3. Trong quá trình hoạt động, Chủ Dự án phải nghiêm chỉnh vận hành các hệ thống xử lý chất thải như trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã nêu. Nếu để xảy ra sự cố gây ảnh hưởng xấu đến chất lượng môi trường và sức khỏe cộng đồng phải dừng ngay các hoạt động của Dự án gây ra sự cố; tổ chức ứng cứu khắc phục sự cố; thông báo ngay cho Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan có liên quan nơi có Dự án để chỉ đạo và phối hợp xử lý kịp thời.

5.4. Thực hiện các yêu cầu của địa phương tại Công văn số 274/UBND ngày 17/12/2019 của UBND xã Thanh An về việc ý kiến tham vấn báo cáo ĐTM về Dự án xây dựng xưởng chế biến và xuất khẩu hạt điều, công suất 7.000 tấn sản phẩm/năm và Biên bản họp tham vấn cộng đồng dân cư chịu tác động trực tiếp của Dự án ngày 17/12/2019 tại xã Thanh An, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước. Phối hợp chặt chẽ

với chính quyền địa phương trong quá trình thực hiện Dự án để đảm bảo an ninh trật tự và ưu tiên tuyển dụng lao động tại địa phương.

5.5. Trong quá trình thực hiện nếu Dự án có những thay đổi so với Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt, Chủ Dự án phải có văn bản báo cáo và chỉ được thực hiện những thay đổi sau khi có văn bản chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền./.

BIÊN BẢN KIỂM TRA

Hôm nay, lúc 8 giờ 00 phút, ngày 18 tháng 7 năm 2024 tại: Xưởng chế biến và xuất khẩu hạt điều, công suất 7.000 tấn sản phẩm/năm - Công ty TNHH MTV XNK Hoàng Long Phát.

Địa chỉ: ấp Trung Sơn, xã Thanh An, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước.

Chúng tôi gồm có:

1. Đại diện Sở Tài nguyên và Môi trường:

- Ông: Nguyễn Anh Tuấn, Chức vụ: Phó Chi cục Trưởng CCBVMT
- Ông: Lương Hồng Duẩn, Chức vụ: Phó Chánh Thanh tra;
- Ông: Lê Thế Thành, Chức vụ: Chuyên viên CCBVMT
- Ông: Trịnh Trung Kiên, Chức vụ: Chuyên viên.

2. Đại diện Phòng TN&MT huyện Hớn Quản:

- Ông: Trần Nguyễn Thái Hưng, Chức vụ: Chuyên viên

3. Đại diện Công ty TNHH MTV XNK Hoàng Long Phát.:

- Ông: Bùi Minh Toàn, Chức vụ: Phó giám đốc
- Bà: Phan Thị Tường Vy, Chức vụ: Trợ lý Giám đốc

NỘI DUNG KIỂM TRA:

Thực hiện Luật Bảo vệ môi trường 2020. Nay, Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp cùng phòng TN&MT huyện Hớn Quản tiến hành kiểm tra thực tế việc thực hiện các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường của Xưởng chế biến và xuất khẩu hạt điều, công suất 7.000 tấn sản phẩm/năm - Công ty TNHH MTV XNK Hoàng Long Phát. tại xã Thanh An, huyện Hớn Quản, được kết quả như sau:

1. Về hồ sơ, thủ tục pháp lý:

- Công ty TNHH MTV XNK Hoàng Long Phát được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên số 3800630038 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp lần đầu ngày 25/11/2009; đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 09/3/2022.

- Công ty đã được UBND tỉnh phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án xây dựng xưởng chế biến và xuất khẩu hạt điều, công suất 7.000 tấn sản phẩm/năm tại ấp Trung Sơn, xã Thanh An, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước tại Quyết định số 138/QĐ-UBND ngày 16/01/2020.

- Công ty đã thực hiện Báo cáo công tác bảo vệ môi trường 2023; chưa lập Hồ sơ đề xuất cấp Giấy phép môi trường; chưa cung cấp được hợp đồng thu gom, xử lý chất thải rắn công nghiệp và chất thải nguy hại; Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường.

2. Kết quả kiểm tra thực tế:



Tại thời điểm kiểm tra, Công ty đang hoạt động chế biến, xuất khẩu hạt điều với quy mô 30 tấn nguyên liệu/ngày.

Tổng công nhân viên của Công ty là 35 người.

Các công trình bảo vệ môi trường đã xây dựng, lắp đặt bao gồm:

- Nước thải sinh hoạt: phát sinh từ quá trình sinh hoạt của công nhân viên trong quá trình làm việc tại Nhà máy. Công ty đã xây dựng 03 Bể tự hoại để thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt. Công ty chưa xây dựng Hệ thống xử lý nước thải tập trung cho Nhà máy theo nội dung Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

- Công ty đã lắp đặt 01 Lò hơi công suất 02 tấn hơi/giờ để cung cấp nhiệt cho quá trình sản xuất; lò hơi sử dụng nhiên liệu đốt là củi. Công ty đã lắp đặt Hệ thống xử lý khí thải lò hơi với quy trình: Khí thải → Cyclon thu bụi → Bể hấp thụ ướt → Ống khói.

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ quá trình sinh hoạt của công nhân viên tại Xưởng chế biến được thu gom vào thùng chứa và chuyển giao cho đội thu gom rác sinh hoạt của xã thu gom, xử lý.

- Chất thải rắn sản xuất thông thường không chứa thành phần nguy hại: chủ yếu là bã vỏ hạt điều, vỏ lụa được thu gom, bán cho đơn vị có nhu cầu thu mua làm nguyên liệu sản xuất (ép dầu điều, thức ăn gia súc).

- Chất thải nguy hại: Công ty đã bố trí kho lưu giữ tạm thời chất thải nguy hại, chưa cung cấp được hợp đồng với đơn vị chức năng để vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại.

3. Ý kiến của đại diện Công ty:

Thông nhất với các nội dung của Biên bản kiểm tra. Do khó khăn của thị trường chế biến điều nên hiện nay Công ty hoạt động với công suất nhỏ, hiện đang trong quá trình hoàn thiện các công trình bảo vệ môi trường theo quy định. Tuy nhiên, do lượng nước thải phát sinh ít, chủ yếu là nước thải sinh hoạt nên Công ty chưa xây dựng hệ thống xử lý nước thải theo báo cáo đánh giá tác động môi trường. Công ty cam kết sẽ thực hiện các công trình bảo vệ môi trường theo đúng nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt và lập Hồ sơ đề xuất cấp Giấy phép môi trường theo quy định, hợp đồng với đơn vị chức năng để thu gom, xử lý chất thải nguy hại theo quy định, hoàn thành trước ngày 15/9/2024. Trong quá trình hoạt động sẽ nghiêm chỉnh chấp hành các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và không thải chất thải (nước thải, khí thải, rác thải) ra môi trường theo quy định.

4. Kết luận:

Qua kiểm tra, Đoàn kiểm tra yêu cầu Công ty thực hiện một số nội dung sau:

- Xây dựng các công trình xử lý chất thải (gồm: hệ thống xử lý nước thải, bể hấp thụ ướt cho hệ thống xử lý khí thải lò hơi) và thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường cho Nhà máy theo đúng quy định và nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

653
CÔNG
TY TNHH
NHÀ
MÁY LÒA

- Thu gom toàn bộ chất thải nguy hại phát sinh vào kho lưu giữ; hợp đồng với đơn vị chức năng để thu gom, xử lý chất thải phát sinh theo quy định.

- Trong quá trình hoạt động sản xuất, thu gom toàn bộ chất thải phát sinh và vận hành các công trình xử lý chất thải theo đúng quy trình, phải đảm bảo các chất thải được xử lý đạt quy chuẩn theo quy định.

- Thực hiện công tác quan trắc môi trường định kỳ theo nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt; lập Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ (kỳ báo cáo tính từ ngày 01/01 đến hết ngày 31/12) theo mẫu hướng dẫn tại Phụ lục VI của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 15/01 theo quy định.

- Lập Tờ khai nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp theo quy định tại Nghị định số 53/2020/NĐ-CP ngày 05/5/2020 của Chính phủ quy định phí bảo vệ môi trường đối với nước thải, gửi về Chi cục Bảo vệ môi trường và nộp phí vào Kho bạc Nhà nước tỉnh Bình Phước, Tài khoản số: 3511.0.1082021.00000 (đơn vị thụ hưởng: Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước).

- Lập Hồ sơ đề xuất cấp Giấy phép môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Trong quá trình hoạt động phải nghiêm chỉnh chấp hành các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

Biên bản kết thúc vào lúc 11 giờ 00 phút cùng ngày, được đọc lại cho mọi người tham dự cùng nghe thống nhất ký tên. Biên bản được lập thành 04 bản có giá trị ngang nhau./.

**ĐD CÔNG TY TNHH MTV
XNK HOÀNG LONG PHÁT**

Bùi Minh Toàn

ĐD SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Nguyễn Thị Ngọc
Nguyễn Thị Ngọc
Nguyễn Thị Ngọc

ĐD P TN&MT H HÓN QUẢN

Nguyễn Thái Hùng





CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH PHƯỚC

Mã số thuế (Tax Code): 0300942001-011

Địa chỉ (Address): Số 905 quốc lộ 14, Khu phố 1, Phường Tiến Thành, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước

Điện thoại (Phone Number): 19001006 - 19009000

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện lực Hớn Quản - Số TK: 5616201004157 - Tại NH: Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 08 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24TMA

Số (No): 190234

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty TNHH một thành viên xuất nhập khẩu Hoàng Long Phát

Mã số thuế (Tax code): 3800630038

Địa chỉ (Address): Tổ 2, thôn Tân Lực, xã Bù Nho, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước, VN.

Mã khách hàng (Customer's Code): PB01110049334

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 7 năm 2024 từ ngày 01/07/2024 đến ngày 31/07/2024	kWh	115.310	-	184.494.044
	(kèm theo bảng kê số 1415631677 ngày 02 tháng 08 năm 2024)				
Cộng tiền hàng (Total amount):					184.494.044
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			14.759.524
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			199.253.568
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Một trăm chín mươi chín triệu hai trăm năm mươi ba nghìn năm trăm sáu mươi tám đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH PHƯỚC
Ngày ký: 02/ 08/ 2024 14:29:04



CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH PHƯỚC

Mã số thuế (Tax Code): 0300942001-011

Địa chỉ (Address): Số 905 quốc lộ 14, Khu phố 1, Phường Tiến Thành, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước

Điện thoại (Phone Number): 19001006 - 19009000

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện lực Hớn Quản - Số TK: 5616201004157 - Tại NH: Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 16 tháng (month) 07 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24TMA

Số (No): 176347

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công Ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Hoàng Long Phát

Mã số thuế (Tax code): 3800630038

Địa chỉ (Address): tổ 2, thôn Tân Lực, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước, VN. (253/346/01 TBA III-320kVA TBA Hoàng Long Phát)

Mã khách hàng (Customer's Code): PB01110043283

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 1 tháng 7 năm 2024 từ ngày 01/07/2024 đến ngày 15/07/2024	kWh	26.300	-	51.391.200
	(kèm theo bảng kê số 1407189027 ngày 16 tháng 07 năm 2024)				
Cộng tiền hàng (Total amount):					51.391.200
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			4.111.296
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			55.502.496
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Năm mươi lăm triệu năm trăm linh hai nghìn bốn trăm chín mươi sáu đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH PHƯỚC
Ngày ký: 16/ 07/ 2024 13:28:58



CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH PHƯỚC

Mã số thuế (Tax Code): 0300942001-011

Địa chỉ (Address): Số 905 quốc lộ 14, Khu phố 1, Phường Tiến Thành, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước

Điện thoại (Phone Number): 19001006 - 19009000

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện lực Hớn Quản - Số TK: 5616201004157 - Tại NH: Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 08 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24TMA

Số (No): 203229

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công Ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Hoàng Long Phát

Mã số thuế (Tax code): 3800630038

Địa chỉ (Address): tổ 2, thôn Tân Lực, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước, VN. (253/346/01 TBA III-320kVA TBA Hoàng Long Phát)

Mã khách hàng (Customer's Code): PB01110043283

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 2 tháng 7 năm 2024 từ ngày 16/07/2024 đến ngày 31/07/2024	kWh	22.500	-	42.847.500
	(kèm theo bảng kê số 1416114017 ngày 02 tháng 08 năm 2024)				
Cộng tiền hàng (Total amount):					42.847.500
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			3.427.800
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			46.275.300
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Bốn mươi sáu triệu hai trăm bảy mươi lăm nghìn ba trăm đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH PHƯỚC
Ngày ký: 02/ 08/ 2024 14:52:00



CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH PHƯỚC

Mã số thuế (Tax Code): 0300942001-011

Địa chỉ (Address): Số 905 quốc lộ 14, Khu phố 1, Phường Tiến Thành, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước

Điện thoại (Phone Number): 19001006 - 19009000

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện lực Hớn Quản - Số TK: 5616201004157 - Tại NH: Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 16 tháng (month) 08 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24TMA

Số (No): 203426

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công Ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Hoàng Long Phát

Mã số thuế (Tax code): 3800630038

Địa chỉ (Address): tổ 2, thôn Tân Lực, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước, VN. (253/346/01 TBA III-320kVA TBA Hoàng Long Phát)

Mã khách hàng (Customer's Code): PB01110043283

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 1 tháng 8 năm 2024 từ ngày 01/08/2024 đến ngày 15/08/2024	kWh	22.800	-	43.966.700
	(kèm theo bảng kê số 1417808402 ngày 16 tháng 08 năm 2024)				
Cộng tiền hàng (Total amount):					43.966.700
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			3.517.336
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			47.484.036
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Bốn mươi bảy triệu bốn trăm tám mươi bốn nghìn không trăm ba mươi sáu đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH PHƯỚC
Ngày ký: 16/ 08/ 2024 15:15:54



CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH PHƯỚC

Mã số thuế (Tax Code): 0300942001-011

Địa chỉ (Address): Số 905 quốc lộ 14, Khu phố 1, Phường Tiến Thành, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước

Điện thoại (Phone Number): 19001006 - 19009000

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện lực Hớn Quản - Số TK: 5616201004157 - Tại NH: Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 09 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24TMA

Số (No): 230699

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công Ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Hoàng Long Phát

Mã số thuế (Tax code): 3800630038

Địa chỉ (Address): tổ 2, thôn Tân Lực, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước, VN. (253/346/01 TBA III-320kVA TBA Hoàng Long Phát)

Mã khách hàng (Customer's Code): PB01110043283

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 2 tháng 8 năm 2024 từ ngày 16/08/2024 đến ngày 31/08/2024	kWh	25.200	-	47.745.800
	(kèm theo bảng kê số 1426961014 ngày 02 tháng 09 năm 2024)				
Cộng tiền hàng (Total amount):					47.745.800
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			3.819.664
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			51.565.464
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Năm mươi một triệu năm trăm sáu mươi lăm nghìn bốn trăm sáu mươi bốn đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH PHƯỚC
Ngày ký: 02/ 09/ 2024 14:03:41



CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH PHƯỚC

Mã số thuế (Tax Code): 0300942001-011

Địa chỉ (Address): Số 905 quốc lộ 14, Khu phố 1, Phường Tiến Thành, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước

Điện thoại (Phone Number): 19001006 - 19009000

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện lực Hớn Quản - Số TK: 5616201004157 - Tại NH: Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 09 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24TMA

Số (No): 206982

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty TNHH một thành viên xuất nhập khẩu Hoàng Long Phát

Mã số thuế (Tax code): 3800630038

Địa chỉ (Address): Tổ 2, thôn Tân Lực, xã Bù Nho, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước, VN.

Mã khách hàng (Customer's Code): PB01110049334

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 8 năm 2024 từ ngày 01/08/2024 đến ngày 31/08/2024	kWh	129.865	-	208.696.018
	(kèm theo bảng kê số 1427131954 ngày 02 tháng 09 năm 2024)				
Cộng tiền hàng (Total amount):					208.696.018
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			16.695.681
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			225.391.699
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Hai trăm hai mươi lăm triệu ba trăm chín mươi mốt nghìn sáu trăm chín mươi chín đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH PHƯỚC
Ngày ký: 02/09/2024 13:55:36



CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH PHƯỚC

Mã số thuế (Tax Code): 0300942001-011

Địa chỉ (Address): Số 905 quốc lộ 14, Khu phố 1, Phường Tiến Thành, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước

Điện thoại (Phone Number): 19001006 - 19009000

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện lực Hớn Quản - Số TK: 5616201004157 - Tại NH: Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 16 tháng (month) 09 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24TMA

Số (No): 230754

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công Ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Hoàng Long Phát

Mã số thuế (Tax code): 3800630038

Địa chỉ (Address): tổ 2, thôn Tân Lực, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước, VN. (253/346/01 TBA III-320kVA TBA Hoàng Long Phát)

Mã khách hàng (Customer's Code): PB01110043283

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 1 tháng 9 năm 2024 từ ngày 01/09/2024 đến ngày 15/09/2024	kWh	22.100	-	42.223.400
	(kèm theo bảng kê số 1428395387 ngày 16 tháng 09 năm 2024)				
Cộng tiền hàng (Total amount):					42.223.400
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			3.377.872
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			45.601.272
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Bốn mươi lăm triệu sáu trăm linh một nghìn hai trăm bảy mươi hai đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH PHƯỚC
Ngày ký: 16/ 09/ 2024 14:13:39



CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH PHƯỚC

Mã số thuế (Tax Code): 0300942001-011

Địa chỉ (Address): Số 905 quốc lộ 14, Khu phố 1, Phường Tiến Thành, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước

Điện thoại (Phone Number): 19001006 - 19009000

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện lực Hớn Quản - Số TK: 5616201004157 - Tại NH: Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 10 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24TMA

Số (No): 257913

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công Ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Hoàng Long Phát

Mã số thuế (Tax code): 3800630038

Địa chỉ (Address): tổ 2, thôn Tân Lực, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước, VN. (253/346/01 TBA III-320kVA TBA Hoàng Long Phát)

Mã khách hàng (Customer's Code): PB01110043283

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 2 tháng 9 năm 2024 từ ngày 16/09/2024 đến ngày 30/09/2024	kWh	24.100	-	46.355.400
	(kèm theo bảng kê số 1437350933 ngày 02 tháng 10 năm 2024)				
Cộng tiền hàng (Total amount):					46.355.400
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			3.708.432
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			50.063.832
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Năm mươi triệu không trăm sáu mươi ba nghìn tám trăm ba mươi hai đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH
PHƯỚC
Ngày ký: 02/ 10/ 2024 15:02:54



CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH PHƯỚC

Mã số thuế (Tax Code): 0300942001-011

Địa chỉ (Address): Số 905 quốc lộ 14, Khu phố 1, Phường Tiến Thành, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước

Điện thoại (Phone Number): 19001006 - 19009000

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện lực Hớn Quản - Số TK: 5616201004157 - Tại NH: Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 10 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24TMA

Số (No): 234318

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty TNHH một thành viên xuất nhập khẩu Hoàng Long Phát

Mã số thuế (Tax code): 3800630038

Địa chỉ (Address): Tổ 2, thôn Tân Lực, xã Bù Nho, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước, VN.

Mã khách hàng (Customer's Code): PB01110049334

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 9 năm 2024 từ ngày 01/09/2024 đến ngày 30/09/2024	kWh	130.802	-	210.174.592
	(kèm theo bảng kê số 1437631163 ngày 02 tháng 10 năm 2024)				
Cộng tiền hàng (Total amount):					210.174.592
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			16.813.967
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			226.988.559
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Hai trăm hai mươi sáu triệu chín trăm tám mươi tám nghìn năm trăm năm mươi chín đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH PHƯỚC
Ngày ký: 02/ 10/ 2024 14:37:22

HỢP ĐỒNG THU GOM RÁC THẢI SINH HOẠT

HĐ số: 01/HDTGRT

V/v: Thu gom rác thải

- Căn cứ: Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13;
- Căn cứ: Bộ luật thương mại số 36/2005/QH11;
- Căn cứ: Bộ luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14;
- Căn cứ: Thỏa thuận của các bên

Hôm nay, ngày 10/11/2023 tại tổ 7, ấp Trung Sơn, xã Thanh An, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước chúng tôi gồm có:

BÊN A: CÔNG TY TNHH MTV XNK HOÀNG LONG PHÁT

Địa chỉ: Tổ 2, Thôn Tân Lục, xã Bù Nho, Huyện Phú Riềng, Tỉnh Bình Phước
Mã số thuế: 3800630038
Do ông/bà: **Lương Thị Mỹ Hạnh** - Giám đốc làm đại diện
CCCD Số: 070182010581 - Ngày cấp: 12/01/2022
Điện thoại: 0972 405 424

BÊN B: CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ PHẠM THỊNH

Địa chỉ: Tổ 1, ấp Trung Sơn, xã Thanh An, huyện Hớn Quản, Tỉnh Bình Phước
Mã số thuế: 3801258253
Do ông/bà: **Phạm Thịnh** - Giám đốc làm đại diện
CCCD Số: 070083002655 - Ngày cấp: 29/04/2021
Điện thoại: 0916 993 377

Sau khi trao đổi bản bạc, hai bên đồng ý ký kết hợp đồng số **01/HDTGRT** với những nội dung sau:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG CÔNG VIỆC

1. Hai bên thỏa thuận về việc bên A thuê dịch vụ thu gom rác thải sinh hoạt và sản xuất của bên B cho Công ty của bên A tại địa chỉ: tổ 7, ấp Trung Sơn, xã Thanh An, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước.
2. Thời hạn hợp đồng (5 năm): Từ ngày 10/11/2023 đến ngày 10/11/2028
3. Gia hạn hợp đồng: Khi hết hạn hợp đồng bên A tiếp tục ủy quyền cho bên B theo nội dung hợp đồng này với các điều kiện sau:
 - Hai bên tiếp tục có nhu cầu ký tiếp hợp đồng.
 - Bên B thực hiện tốt nội dung, nghĩa vụ, trách nhiệm trong hợp đồng này.

ĐIỀU 2: MÔ TẢ CÔNG VIỆC

1. Tần suất thu gom:

- Bên B thực hiện thu gom rác thải tại công ty với tần suất 02 ngày/ 1 tuần.
- Vào các ngày: Thứ 3 và thứ 6 hàng tuần.

2. Thời gian thu gom:

- Thu gom, vận chuyển trong ngày đến khi nào hết rác, cố định vào buổi sáng, bắt đầu từ 06 giờ 00 phút (Nếu vì lý do thời tiết bất khả kháng thì sẽ chuyển sang buổi chiều bắt đầu từ 16 giờ 30 phút) cụ thể:
- Tần suất và thời gian thu gom có thể thay đổi phụ thuộc vào khối lượng rác trên địa bàn và những vấn đề đột xuất do khách quan mang lại hoặc phục vụ nhiệm vụ theo kế hoạch của địa phương.

ĐIỀU 3: NHÂN LỰC VÀ PHƯƠNG TIỆN THU GOM RÁC

Nhân lực và phương tiện thu gom: Bên B chủ động bố trí nhân lực, trang phục, phương tiện cho người lao động đầy đủ, đảm bảo công tác thu gom, vận chuyển rác thải đạt hiệu quả cao nhất.

ĐIỀU 4: PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

1. Phí dịch vụ: 1.500.000 VND/ tháng (một triệu năm trăm nghìn đồng).
2. Phương thức thanh toán: Chuyển khoản
 - Số tài khoản: 833.79.8888
 - Tên tài khoản: CTY TNHH TMDV PHẠM THỊNH
 - Ngân hàng: A.C.B Chi nhánh: BÌNH LONG
3. Thời hạn thanh toán: Bên A thanh toán cho bên B theo định kỳ 1 tháng 1 lần, vào ngày 1 đến ngày 5 hàng tháng (sau khi nhận hóa đơn VAT).

ĐIỀU 5: TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN

1. Trách nhiệm của bên A:

- Chứa rác vào bao nylon cột kín miệng hoặc thùng chứa rác chuyên dụng, thực hiện đầy đủ các quy định về phân loại rác thải, không được đưa các loại rác thải nguy hại, rác thải không hợp pháp và rác thải có thể gây cháy.
- Giao rác đúng thời gian và đặt tại vị trí đúng thỏa thuận, nơi lưu chứa rác thải phải thuận tiện cho xe lấy rác vào thu gom.
- Thanh toán thêm các chi phí phát sinh khi thu gom, vận chuyển rác sinh hoạt có lẫn rác thải rắn công nghiệp theo đơn giá đã ký kết trong hợp đồng.
- Thông báo cho Bên B trong trường hợp khối lượng rác thải tăng lên để Bên B có kế hoạch điều động phương tiện xe, máy phù hợp.

063003
CÔNG TY
TNHH MT
T NHẬP I
NG LONG I
VN - 20

380125825
CÔNG TY
TNHH
MỘT THÀNH V
HƯƠNG MẠI DỊCH
PHẠM THỊ
V. QUẢN-T. BÌNH

2. Trách nhiệm của bên B:

- Bố trí nhân sự phù hợp, phương tiện đến nhận rác thải sinh hoạt theo đúng thời gian thỏa thuận và đảm bảo đúng các quy định về vệ sinh đô thị. Phương tiện vận chuyển phải được trang bị bảo đảm vệ sinh môi trường, bảo đảm thu dọn sạch sẽ rác thải rơi vãi ngay sau khi đã thu gom.
- Bên B sẽ từ chối thu gom hoặc có thể đơn phương chấm dứt hợp đồng này nếu có các loại rác thải không có trong quy định của hợp đồng và những rác thải vật liệu không hợp pháp dễ gây cháy, nổ hoặc chứa hóa chất độc hại trộn lẫn trong thành phần rác bên A đã giao cho bên B.
- Thực hiện đúng theo quy định về vệ sinh môi trường của tỉnh ủy. Vận chuyển rác thải về đúng nơi quy định.

ĐIỀU 6: CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

1. Hợp đồng có thể chấm dứt trong các trường hợp sau đây:
 - Theo thỏa thuận của hai Bên
 - Do bất khả kháng
 - Sau khi các Bên đã hoàn thành các nghĩa vụ của Hợp đồng
 - Theo quy định của pháp luật
2. Một Bên được quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng nhưng phải thông báo cho Bên còn lại trước ba mươi ngày. Nếu việc chấm dứt Hợp đồng của một Bên không do lỗi của Bên còn lại và hành vi đơn phương chấm dứt hợp đồng gây tổn thất, thiệt hại cho Bên còn lại thì Bên đơn phương chấm dứt Hợp đồng phải bồi thường thiệt hại cho bên kia.
3. Trường hợp một Bên đơn phương chấm dứt Hợp đồng do lỗi của Bên còn lại thì Bên còn lại phải bồi thường các thiệt hại do lỗi của mình gây ra cho Bên đơn phương chấm dứt Hợp đồng.
4. Trong trường hợp chấm dứt Hợp đồng trước hạn vì bất cứ lý do gì, hai Bên có nghĩa vụ tiến hành thanh lý hợp đồng bằng việc lập Biên bản thanh lý để xác nhận chấm dứt mọi quyền và nghĩa vụ của mỗi Bên quy định tại Hợp đồng này.

ĐIỀU 7: ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG

1. Hợp đồng này được ký kết tại tổ 7, ấp Trung Sơn, xã Thanh An, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước vào ngày 10 tháng 11 năm 2023
2. Hợp đồng được lập thành 02 bản, có giá trị pháp lý ngang nhau và có hiệu lực từ ngày 10 tháng 11 năm 2023.

ĐẠI DIỆN BÊN A



Lương Thị Mỹ Hạnh

ĐẠI DIỆN BÊN B



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

HỢP ĐỒNG MUA BÁN
Số : 00124/HLP-CT

*Căn cứ theo Luật Thương mại số 36/2005/QH11 được Quốc hội nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam khoá 11 thông qua ngày 14/06/2005 có hiệu lực từ ngày 01/01/2006.
Căn cứ vào nhu cầu và khả năng của hai bên.*

Hôm nay, ngày 28 tháng 02 năm 2024, hai bên gồm có:

BÊN A: CÔNG TY TNHH MTV XUẤT NHẬP KHẨU HOÀNG LONG PHÁT (BÊN BÁN)

Địa chỉ : Tổ 2, thôn Tân Lực, xã Bù Nho, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước
Tel : 097 2405424 Email: ctytnhhhoanglongphat@gmail.com
Địa chỉ: Tổ 2, thôn Tân Lực, xã Bù Nho, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước
MST: 3800630038

Tài khoản : 67896868 tại ngân hàng Techcombank

Đại diện : **Lương Thị Mỹ Hạnh** Chức vụ: Giám Đốc

BÊN B: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT DẦU ĐIỀU CƯỜNG THỊNH (BÊN MUA)

Địa chỉ : Đội 4, ấp 3, Xã Đồng Tiến, huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước
Tel : 0933504455
Mã số thuế : 3801238680
Đại diện : **Nguyễn Ngọc Cường** Chức vụ: Giám Đốc

Hai bên đã cùng nhau thoả thuận và ký kết hợp đồng kinh tế với những điều khoản sau

ĐIỀU I: SỐ LƯỢNG, GIÁ CẢ, QUY CÁCH, PHẨM CHẤT HÀNG HÓA

Bên A đồng ý bán cho bên B loại hàng: Vỏ Điều. Bên B đã đồng ý mua với số lượng và giá cả của hàng hóa như sau:

STT	Loại hàng	Số Lượng (kg)	Đơn giá (vnd/kg)	Thành tiền (VNĐ)
1	Vỏ Điều	200.000	2750	550.000.000
Tổng giá trị hàng hóa (+/-5%)				550.000.000

Số tiền bằng chữ: Năm trăm năm mươi triệu đồng chẵn

Số lượng tính tiền dựa trên số lượng hàng thực tế giao

ĐIỀU II: PHƯƠNG THỨC, THỜI GIAN THANH TOÁN

+ Thời gian giao hàng: Kể từ ngày ký hợp đồng đến khi giao đủ số lượng hàng.

+ Hàng được giao tại kho bên A, chi phí vận chuyển do bên B chịu

+ Bên B thanh toán cho bên A theo tiến độ giao hàng

ĐIỀU III : TRÁCH NHIỆM CỦA HAI BÊN

1. Bên A:

- Chịu trách nhiệm pháp lý, cung cấp cho bên B đầy đủ các chứng từ liên quan xác nhận nguồn gốc, quy cách, tiêu chuẩn chất lượng hàng hóa và các chứng từ liên quan theo đúng quy định của nhà nước.
- Giao hàng đúng chủng loại và số lượng theo đơn đặt hàng của bên B, cung cấp những chỉ dẫn cần thiết và hỗ trợ bên B trong bảo quản sử dụng sản phẩm
- Đảm bảo giao hàng theo đúng lịch của bên B. Khi có trục trặc xảy ra trong quá trình giao hàng bên A phải thông báo ngay cho bên B để hai bên có biện pháp giải quyết kịp thời.

2. Bên B

- Cử cán bộ kiểm tra và giao nhận hàng với bên A, nếu có phát hiện sai sót về chất lượng chủng loại thì phải báo ngay cho bên A để kịp thời khắc phục.
- Thanh toán tiền đầy đủ cho bên A .

ĐIỀU V: CAM KẾT CHUNG

- Hai bên cam kết thực hiện đầy đủ, đúng các điều khoản đã ghi trong hợp đồng. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn trở ngại hoặc có thay đổi thì hai Bên phải gặp nhau bàn bạc và tìm mọi biện pháp để thực hiện hợp đồng.
- Khi hai bên đã thực hiện xong các nhiệm vụ và quyền lợi thì hợp đồng mặc nhiên được thanh lý.
- Hợp đồng này có giá trị qua scan, fax, mail.
- Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký . Hợp đồng được lập thành 02 bản bằng Tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 01 bản.

ĐẠI DIỆN BÊN A
(Ký tên, đóng dấu)
TNHH MTV
XUẤT NHẬP KHẨU
HOÀNG LONG PHÁT
H. PHÚ RIÊNG - TỈNH PHÚC
LƯƠNG THỊ MỸ HẠNH

ĐẠI DIỆN BÊN B
(Ký tên, đóng dấu)
TNHH
SẢN XUẤT DÂY CHÉO
CƯỜNG THỊNH
H. PHÚ RIÊNG - TỈNH PHÚC
NGUYỄN NGỌC CƯỜNG



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM

Hot line : 0919797284 - 0919986829

E-mail : moitruongphuongnam@gmail.comWebsite : www.moitruongphuongnam.com

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & ISO/IEC 17025:2017

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 23.5848 - 23.5849

1. Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH MTV XUẤT NHẬP KHẨU HOÀNG LONG PHÁT - XƯỞNG CHẾ BIẾN VÀ XUẤT KHẨU HẠT ĐIỀU, CÔNG SUẤT 7.000 TẤN SẢN PHẨM/NĂM.

Địa chỉ: Ấp Trung Sơn, xã Thanh An, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước.

2. Phân loại mẫu : Môi trường không khí sản xuất3. Ngày lấy mẫu : 16/06/20234. Ngày trả kết quả : 23/06/2023

Chỉ tiêu	Độ ồn dBA	Bụi mg/m ³
Điểm đo		
K1: Tại nhà xưởng 01	65,1	0,268
K2: Tại nhà xưởng 02	67,2	0,239
Phương pháp đo, xác định	TCVN 7878-2:2018	TCVN 5067:1995
Tham khảo QCVN 24:2016/BYT	≤ 85	-
Tham khảo QCVN 02:2019/BYT		8

Trưởng phòng phân tích


 Ngô Thị Bích Thuận



Giám đốc


 Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú :

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- (-): Thông số không quy định giới hạn KPH: Không Phát Hiện LOD: Giới hạn phát hiện
- QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc.
- QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi amiăng, bụi chứa silic, bụi không chứa silic, bụi bông và bụi than



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM

Hot line : 0919797284 - 0919986829

E-mail : moitruongphuongnam@gmail.comWebsite : www.moitruongphuongnam.com

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & ISO/IEC 17025:2017

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 23.5850

1. Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH MTV XUẤT NHẬP KHẨU HOÀNG LONG PHÁT - XƯỞNG CHẾ BIẾN VÀ XUẤT KHẨU HẠT ĐIỀU, CÔNG SUẤT 7.000 TẤN SẢN PHẨM/NĂM.

Địa chỉ: Ấp Trung Sơn, xã Thanh An, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước.

2. Phân loại mẫu : Khí thải tại nguồn

3. Ngày lấy mẫu : 16/06/2023

4. Ngày trả kết quả : 23/06/2023

Chỉ tiêu	Lưu lượng m ³ /h	Bụi mg/Nm ³	SO ₂ mg/Nm ³	NO _x mg/Nm ³	CO mg/Nm ³
Điểm đo					
E1: Bên trong ống thoát khí hệ thống xử lý khí thải lò hơi	5.213	86	78	196	206
Phương pháp đo, xác định	US EPA Method 2	US EPA Method 5	HD NB - 05		
QCVN 19:2009/BTNMT, Cột B, Kp=1, Kv=1,2	-	240	600	1.020	1.200

Trưởng phòng phân tích

Ngô Thị Bích Thuận



Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú :

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM

Hot line : 0919797284 - 0919986829

E-mail : moitruongphuongnam@gmail.comWebsite : www.moitruongphuongnam.com

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & ISO/IEC 17025:2017

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 23.15002 - 23.15004

1. **Địa điểm lấy mẫu** : CÔNG TY TNHH MTV XUẤT NHẬP KHẨU HOÀNG LONG PHÁT - XƯỞNG CHẾ BIẾN VÀ XUẤT KHẨU HẠT ĐIỀU, CÔNG SUẤT 7.000 TẤN SẢN PHẨM/NĂM.

Địa chỉ: Ấp Trung Sơn, xã Thanh An, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước.

2. **Phân loại mẫu** : Môi trường không khí sản xuất3. **Ngày lấy mẫu** : 11/12/20234. **Ngày trả kết quả** : 18/12/2023

Chỉ tiêu	Độ ồn dBA	Bụi mg/m ³
Điểm đo		
K1: Tại nhà xưởng 01	62,4	0,242
K2: Tại nhà xưởng 02	65,9	0,225
Phương pháp đo, xác định	TCVN 7878-2:2018	TCVN 5067:1995
Tham khảo QCVN 24:2016/BYT	≤ 85	-
Tham khảo QCVN 02:2019/BYT	-	8

Trưởng phòng phân tích

Ngô Thị Bích Thuận



Giám đốc

Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú :

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- (-): Thông số không quy định giới hạn KPH: Không Phát Hiện LOD: Giới hạn phát hiện
- QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc.
- QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi amiăng, bụi chứa silic, bụi không chứa silic, bụi bông và bụi than



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM

Hot line : 0919797284 - 0919986829

E-mail : moitruongphuongnam@gmail.comWebsite : www.moitruongphuongnam.com

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & ISO/IEC 17025:2017

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 23.15005

1. Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH MTV XUẤT NHẬP KHẨU HOÀNG LONG PHÁT - XƯỞNG CHẾ BIẾN VÀ XUẤT KHẨU HẠT ĐIỀU, CÔNG SUẤT 7.000 TẤN SẢN PHẨM/NĂM.

Địa chỉ: Ấp Trung Sơn, xã Thanh An, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước.

2. Phân loại mẫu : Khí thải tại nguồn

3. Ngày lấy mẫu : 11/12/2023

4. Ngày trả kết quả : 18/12/2023

Chỉ tiêu Điểm đo	Lưu lượng m ³ /h	Bụi mg/Nm ³	SO ₂ mg/Nm ³	NO _x mg/Nm ³	CO mg/Nm ³
E1: Bên trong ống thoát khí hệ thống xử lý khí thải lò hơi	5.426	73	65	176	219
Phương pháp đo, xác định	US EPA Method 2	US EPA Method 5	HD NB - 05		
QCVN 19:2009/BTNMT, Cột B, Kp=1, Kv=1,2	-	240	600	1.020	1.200

Trưởng phòng phân tích

Ngô Thị Bích Thuận



Giám đốc

Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú :

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM

Hot line : 0919797284 - 0919986829

E-mail : moitruongphuongnam@gmail.comWebsite : www.moitruongphuongnam.com

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & ISO/IEC 17025:2017

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 2414793 - 2414794

1. Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH MTV XUẤT NHẬP KHẨU HOÀNG LONG PHÁT
- XƯỞNG CHẾ BIẾN VÀ XUẤT KHẨU HẠT ĐIỀU, CÔNG SUẤT 7.000 TẤN SẢN PHẨM/NĂM.
Địa chỉ: Ấp Trung Sơn, xã Thanh An, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước
2. Phân loại mẫu : Môi trường không khí sản xuất
3. Ngày lấy mẫu : 29/07/2024
4. Ngày trả kết quả : 05/08/2024

Điểm đo	Chỉ tiêu	Độ ồn dBA	Bụi mg/m ³
K1: Khu vực tại xưởng 01 (X: 1297390; Y: 555078)		81,4	0,482
K2: Khu vực tại xưởng 02 (X: 1297402; Y: 555016)		80,7	0,419
Phương pháp đo, xác định		TCVN 7878-2:2018	TCVN 5067:1995
Tham khảo QCVN 24:2016/BYT		≤ 85	-
Tham khảo QCVN 02:2019/BYT			8

Trưởng phòng phân tích

Ngô Thị Bích Thuận



Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú :

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- (-): Thông số không quy định giới hạn KPH: Không Phát Hiện LOD: Giới hạn phát hiện
- QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc
- QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi amiăng, bụi chứa silic, bụi không chứa silic, bụi bông và bụi than



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM

Hot line : 0919797284 - 0919986829

E-mail : moitruongphuongnam@gmail.comWebsite : www.moitruongphuongnam.com

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & ISO/IEC 17025:2017

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

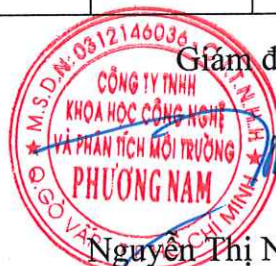
Mã số phiếu: 2414795

1. Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH MTV XUẤT NHẬP KHẨU HOÀNG LONG PHÁT
- XƯỞNG CHẾ BIẾN VÀ XUẤT KHẨU HẠT ĐIỀU, CÔNG SUẤT 7.000 TẤN SẢN PHẨM/NĂM.
Địa chỉ: Ấp Trung Sơn, xã Thanh An, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước
2. Phân loại mẫu : Khí thải tại nguồn
3. Ngày lấy mẫu : 29/07/2024
4. Ngày trả kết quả : 05/08/2024

Chỉ tiêu	Lưu lượng m ³ /h	Bụi mg/Nm ³	SO ₂ mg/Nm ³	NO _x mg/Nm ³	CO mg/Nm ³
Điểm đo					
E1: Bên trong ống thoát khí hệ thống xử lý khí thải lò hơi D = 450mm (X: 1297333; Y: 555075)	4.258	35	11	318	470
Phương pháp đo, xác định	US EPA Method 2	US EPA Method 5	HD NB - 05		
QCVN 19:2009/BTNMT, Cột B	-	200	500	850	1000

Trưởng phòng phân tích

Ngô Thị Bích Thuận



Giám đốc

Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú :

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- Giá trị tiêu chuẩn trên chưa tính đến hệ số K
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM

Hot line : 0919797284 - 0919986829

E-mail : moitruongphuongnam@gmail.comWebsite : www.moitruongphuongnam.com

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & ISO/IEC 17025:2017

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 2414795

1. Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH MTV XUẤT NHẬP KHẨU HOÀNG LONG PHÁT -
XUỞNG CHẾ BIẾN VÀ XUẤT KHẨU HẠT ĐIỀU, CÔNG SUẤT 7.000
TẤN SẢN PHẨM/NĂM.
Địa chỉ: Ấp Trung Sơn, xã Thanh An, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước
2. Phân loại mẫu : Khí thải tại nguồn
3. Ngày lấy mẫu : 29/07/2024
4. Ngày trả kết quả : 05/08/2024

Điểm đo	Chỉ tiêu	VOC	
		Toluen mg/Nm ³	Benzen mg/Nm ³
E1: Bên trong ống thoát khí hệ thống xử lý khí thải lò hơi D = 450mm (X: 1297333; Y: 555075)		KPH (LOD=0,05)	KPH (LOD=0,05)
Phương pháp đo, xác định		PD CEN/TS 13649:2014	
QCVN 20:2009/BTNMT		750	5

Trưởng phòng phân tích


Ngô Thị Bích Thuận

Giám đốc



Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú :

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- Giá trị tiêu chuẩn trên chưa tính đến hệ số K
- QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất hữu cơ



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM

Hot line : 0919797284 - 0919986829

E-mail : moitruongphuongnam@gmail.comWebsite : www.moitruongphuongnam.com

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & ISO/IEC 17025:2017

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 24.151166 – 24.151168

1. Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH MTV XUẤT NHẬP KHẨU HOÀNG LONG PHÁT - XƯỞNG CHẾ BIẾN VÀ XUẤT KHẨU HẠT ĐIỀU, CÔNG SUẤT 7.000 TẤN SẢN PHẨM/NĂM.
Địa chỉ: Ấp Trung Sơn, xã Thanh An, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước
2. Phân loại mẫu : Môi trường không khí sản xuất
3. Ngày lấy mẫu : 15/11/2024
4. Ngày trả kết quả : 25/11/2024

Điểm đo	Chỉ tiêu	Độ ồn dBA	Bụi mg/m ³
K1: Khu vực tại xưởng 01 (X: 1297390; Y: 555078)		79,2	0,439
K2: Khu vực tại xưởng 02 (X: 1297402; Y: 555016)		78,5	0,425
Phương pháp đo, xác định		TCVN 7878-2:2018	TCVN 5067:1995
Tham khảo QCVN 24:2016/BYT		≤ 85	-
Tham khảo QCVN 02:2019/BYT		-	8

Trưởng phòng phân tích

Ngô Thị Bích Thuận

Giám đốc

Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú :

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- (-): Thông số không quy định giới hạn KPH: Không Phát Hiện LOD: Giới hạn phát hiện
- QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc
- QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi amiăng, bụi chứa silic, bụi không chứa silic, bụi bông và bụi than



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM

Hot line : 0919797284 - 0919986829

E-mail : moitruongphuongnam@gmail.comWebsite : www.moitruongphuongnam.com

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & ISO/IEC 17025:2017

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 2427707

1. Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH MTV XUẤT NHẬP KHẨU HOÀNG LONG PHÁT
- XƯỞNG CHẾ BIẾN VÀ XUẤT KHẨU HẠT ĐIỀU, CÔNG SUẤT 7.000 TẤN SẢN PHẨM/NĂM.
Địa chỉ: Ấp Trung Sơn, xã Thanh An, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước
2. Phân loại mẫu : Khí thải tại nguồn
3. Ngày lấy mẫu : 15/11/2024
4. Ngày trả kết quả : 25/11/2024

Chỉ tiêu	Lưu lượng m ³ /h	Bụi mg/Nm ³	SO ₂ mg/Nm ³	NO _x mg/Nm ³	CO mg/Nm ³
Điểm đo					
E1: Bên trong ống thoát khí hệ thống xử lý khí thải lò hơi D = 450mm (X: 1297333; Y: 555075)	1.211	31	0	10	332
Phương pháp đo, xác định	US EPA Method 2	US EPA Method 5	HD NB - 05		
QCVN 19:2009/BTNMT, Cột B	-	200	500	850	1000
Chỉ tiêu	VOC				
	Toluen mg/Nm ³	Benzen mg/Nm ³			
Điểm đo					
E1: Bên trong ống thoát khí hệ thống xử lý khí thải lò hơi D = 450mm (X: 1297333; Y: 555075)	KPH (LOD=0,05)	KPH (LOD=0,05)			
Phương pháp đo, xác định	PD CEN/TS 13649:2014				
QCVN 20:2009/BTNMT	750	5			

Trưởng phòng phân tích

Ngô Thị Bích Thuận



Giám đốc

Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú :

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- Giá trị tiêu chuẩn trên chưa tính đến hệ số K
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ
- QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ

BẢN VẼ

TL 1/1000

CHỦ ĐẦU TƯ

**CÔNG TY TNHH MTV XUẤT NHẬP KHẨU
HOÀNG LONG PHÁT**

ĐỊA CHỈ: ẤP TRUNG SƠN, XÃ THANH AN, HUYỆN HÓN QUẢN,
TỈNH BÌNH PHƯỚC

GIÁM ĐỐC:



LƯƠNG THỊ MỸ HẠNH

TÊN DỰ ÁN:

XÂY DỰNG XƯỞNG CHẾ BIẾN VÀ
XUẤT KHẨU HẠT ĐIỀU, CÔNG SUẤT 7.000
TẤN SẢN PHẨM/ NĂM

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG: ẤP TRUNG SƠN, XÃ THANH AN,
HUYỆN HỐN QUẢN, TỈNH BÌNH PHƯỚC

HẠNG MỤC :

NHÀ XƯỞNG

TÊN BẢN VẼ :

MẶT BẰNG TỔNG THỂ

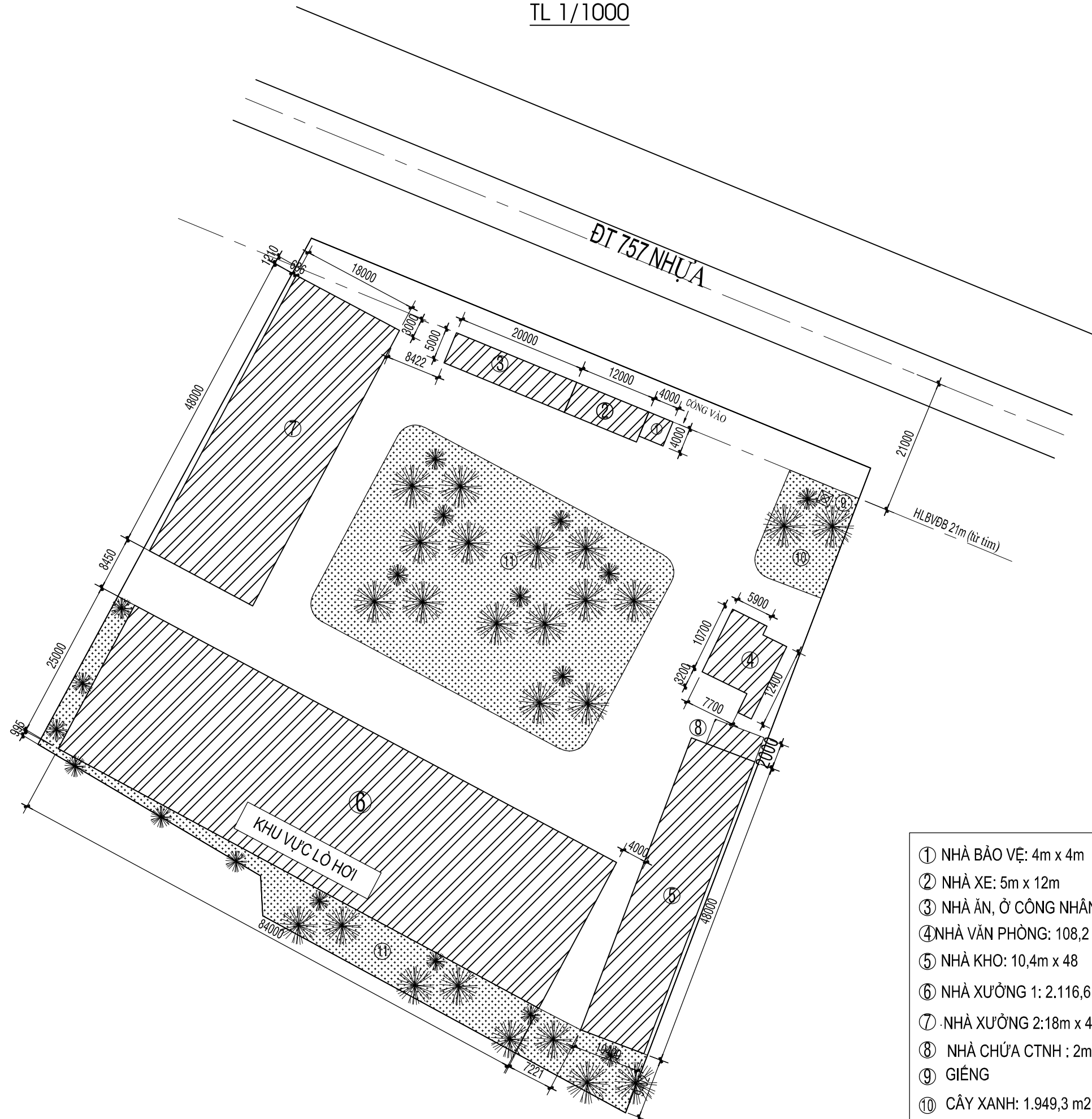
SỐ BẢN VẼ :
KIẾN TRÚC



HOÀN THÀNH :
NĂM 2024

HỒ SƠ:

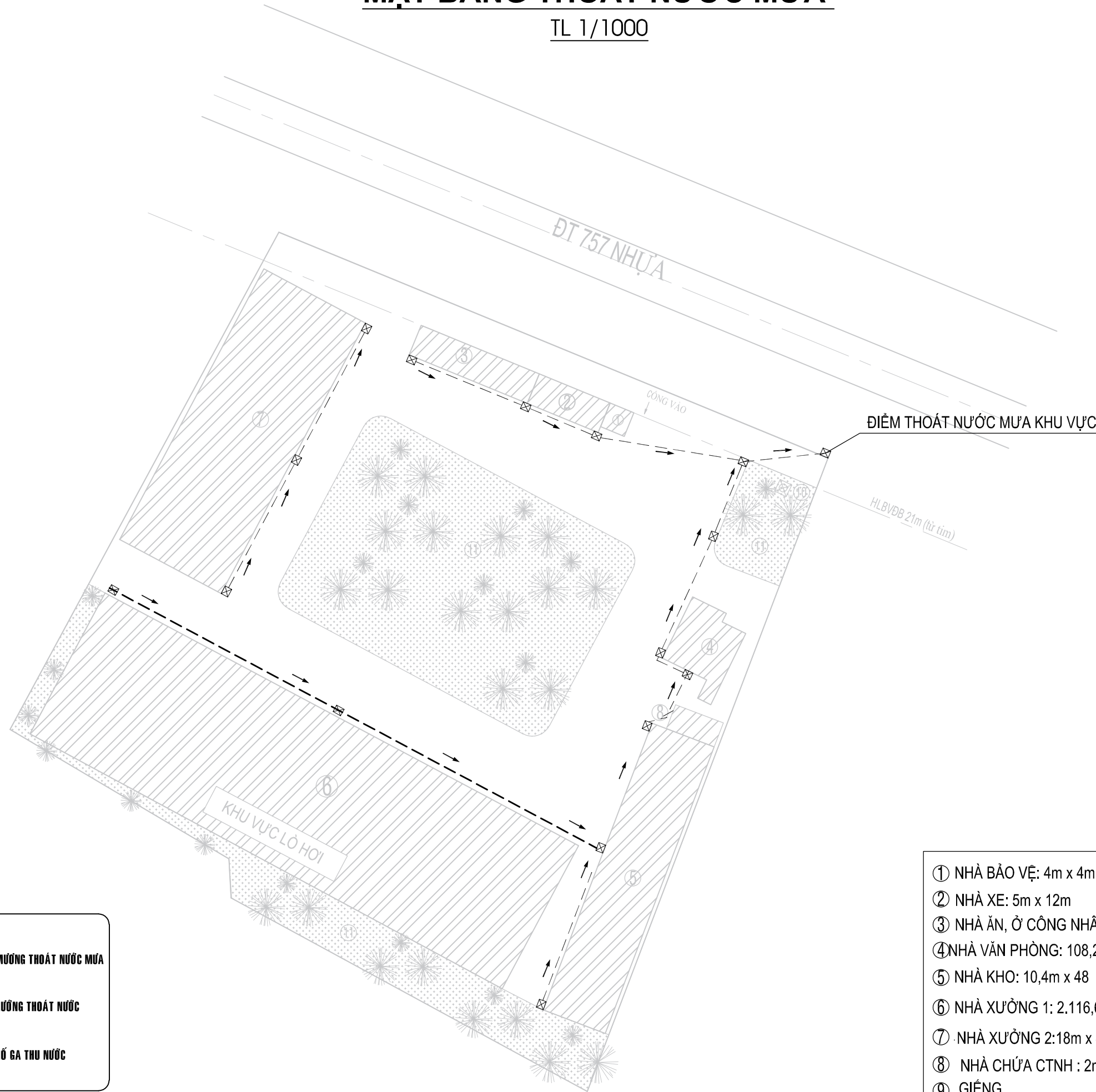
XIN CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG



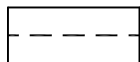
- ① NHÀ BẢO VỆ: 4m x 4m
- ② NHÀ XE: 5m x 12m
- ③ NHÀ ĂN, Ờ CÔNG NHÂN : 5m x 20m
- ④ NHÀ VĂN PHÒNG: 108,2 m²
- ⑤ NHÀ KHO: 10,4m x 48
- ⑥ NHÀ XƯỞNG 1: 2.116,6 m²
- ⑦ NHÀ XƯỞNG 2: 18m x 48m
- ⑧ NHÀ CHỨA CTNH : 2m x 4m
- ⑨ GIẾNG
- ⑩ CÂY XANH: 1.949,3 m²

MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC MƯA

TL 1/1000



KÍ HIỆU:



MƯƠNG THOÁT NƯỚC MƯA



HƯỚNG THOÁT NƯỚC



HỐ GÀ THU NƯỚC

- ① NHÀ BẢO VỆ: 4m x 4m
② NHÀ XE: 5m x 12m
③ NHÀ ĂN, Ở CÔNG NHÂN : 5m x 20m
④ NHÀ VẮN PHÒNG: 108,2 m²
⑤ NHÀ KHO: 10,4m x 48
⑥ NHÀ XƯỞNG 1: 2.116,6 m²
⑦ NHÀ XƯỞNG 2: 18m x 48m
⑧ NHÀ CHỨA CTNH : 2m x 4m
⑨ GIẾNG
⑩ CÂY XANH: 1.949,3 m²

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY TNHH MTV XUẤT NHẬP KHẨU
HOÀNG LONG PHÁT

ĐỊA CHỈ: ẤP TRUNG SƠN, XÃ THANH AN, HUYỆN HỚN QUẢN,
TỈNH BÌNH PHƯỚC

GIÁM ĐỐC:



LƯƠNG THỊ MỸ HẠNH

TÊN DỰ ÁN:

XÂY DỰNG XƯỞNG CHẾ BIẾN VÀ
XUẤT KHẨU HẠT ĐIỀU, CÔNG SUẤT 7.000
TẤN SẢN PHẨM/ NĂM

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG: ẤP TRUNG SƠN, XÃ THANH AN,
HUYỆN HỚN QUẢN, TỈNH BÌNH PHƯỚC

HẠNG MỤC:

NHÀ XƯỞNG

TÊN BẢN VẼ:

MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC MƯA

SỐ BẢN VẼ:

KIẾN TRÚC



HOÀN THÀNH:

NĂM 2024

HỒ SƠ:

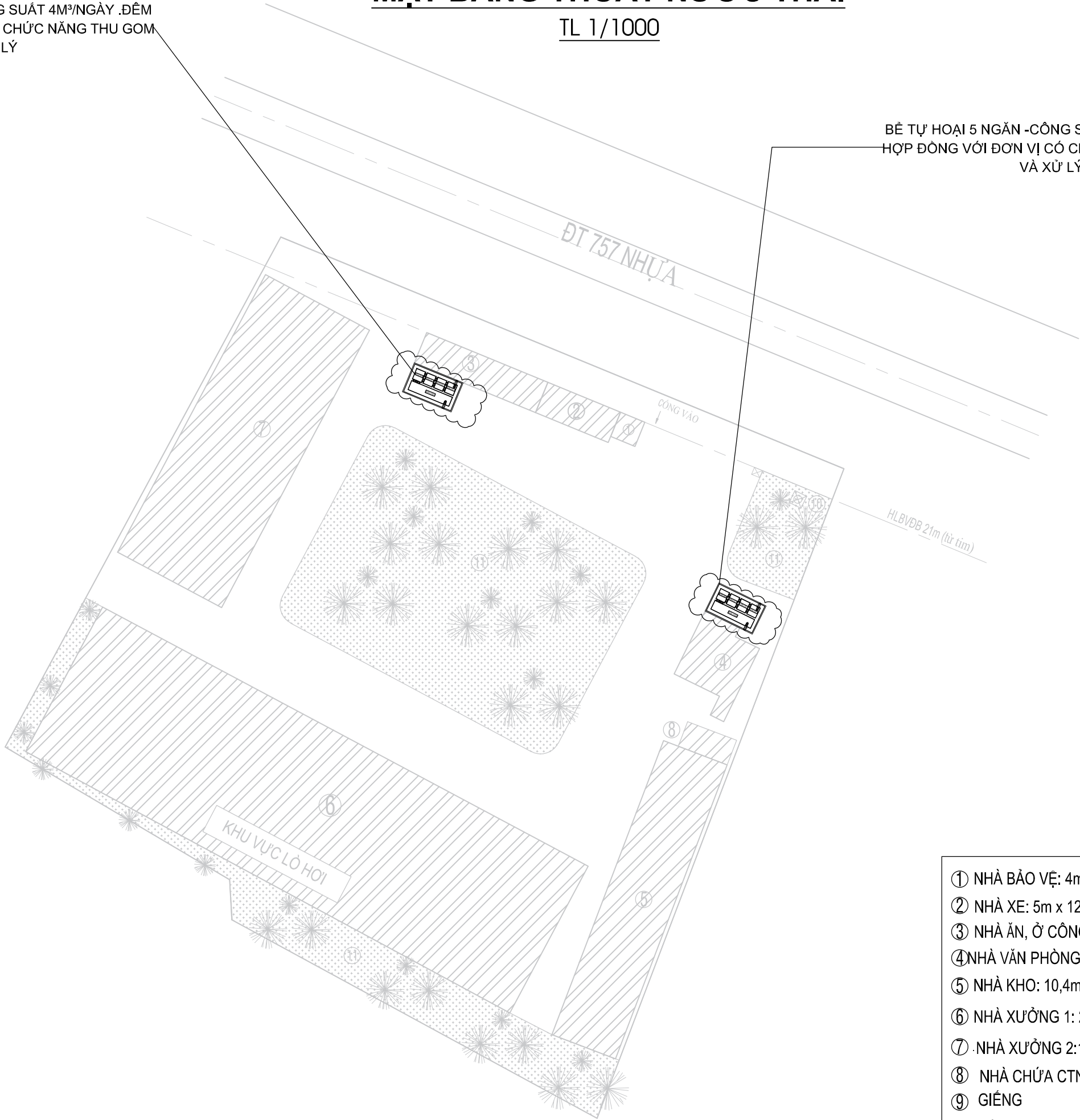
XIN CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

BỂ TỰ HOẠI 5 NGĂN -CÔNG SUẤT 4M³/NGÀY .ĐỀM
HỢP ĐỒNG VỚI ĐƠN VỊ CÓ CHỨC NĂNG THU GOM
VÀ XỬ LÝ

MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC THẢI

TL 1/1000

BỂ TỰ HOẠI 5 NGĂN -CÔNG SUẤT 4M³/NGÀY .ĐỀM
HỢP ĐỒNG VỚI ĐƠN VỊ CÓ CHỨC NĂNG THU GOM
VÀ XỬ LÝ



- ① NHÀ BẢO VỆ: 4m x 4m
- ② NHÀ XE: 5m x 12m
- ③ NHÀ ĂN, Ở CÔNG NHÂN : 5m x 20m
- ④NHÀ VĂN PHÒNG: 108,2 m2
- ⑤ NHÀ KHO: 10,4m x 48
- ⑥ NHÀ XỬỞNG 1: 2.116,6 m2
- ⑦ NHÀ XỬỞNG 2:18m x 48m
- ⑧ NHÀ CHỨA CTNH : 2m x 4m
- ⑨ GIẾNG
- ⑩ CÂY XANH: 1.949,3 m2

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY TNHH MTV XUẤT NHẬP KHẨU
HOÀNG LONG PHÁT

ĐỊA CHỈ: ẤP TRUNG SƠN, XÃ THANH AN, HUYỆN HỚN QUẢN,
TỈNH BÌNH PHƯỚC

GIÁM ĐỐC:



LƯƠNG THỊ MỸ HẠNH

TÊN DỰ ÁN:

XÂY DỰNG XỬỞNG CHẾ BIẾN VÀ
XUẤT KHẨU HẠT ĐIỀU, CÔNG SUẤT 7.000
TẤN SẢN PHẨM/ NĂM

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG: ẤP TRUNG SƠN, XÃ THANH AN,
HUYỆN HỚN QUẢN, TỈNH BÌNH PHƯỚC

HẠNG MỤC :

NHÀ XỬỞNG

TÊN BẢN VẼ :

MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC MƯA

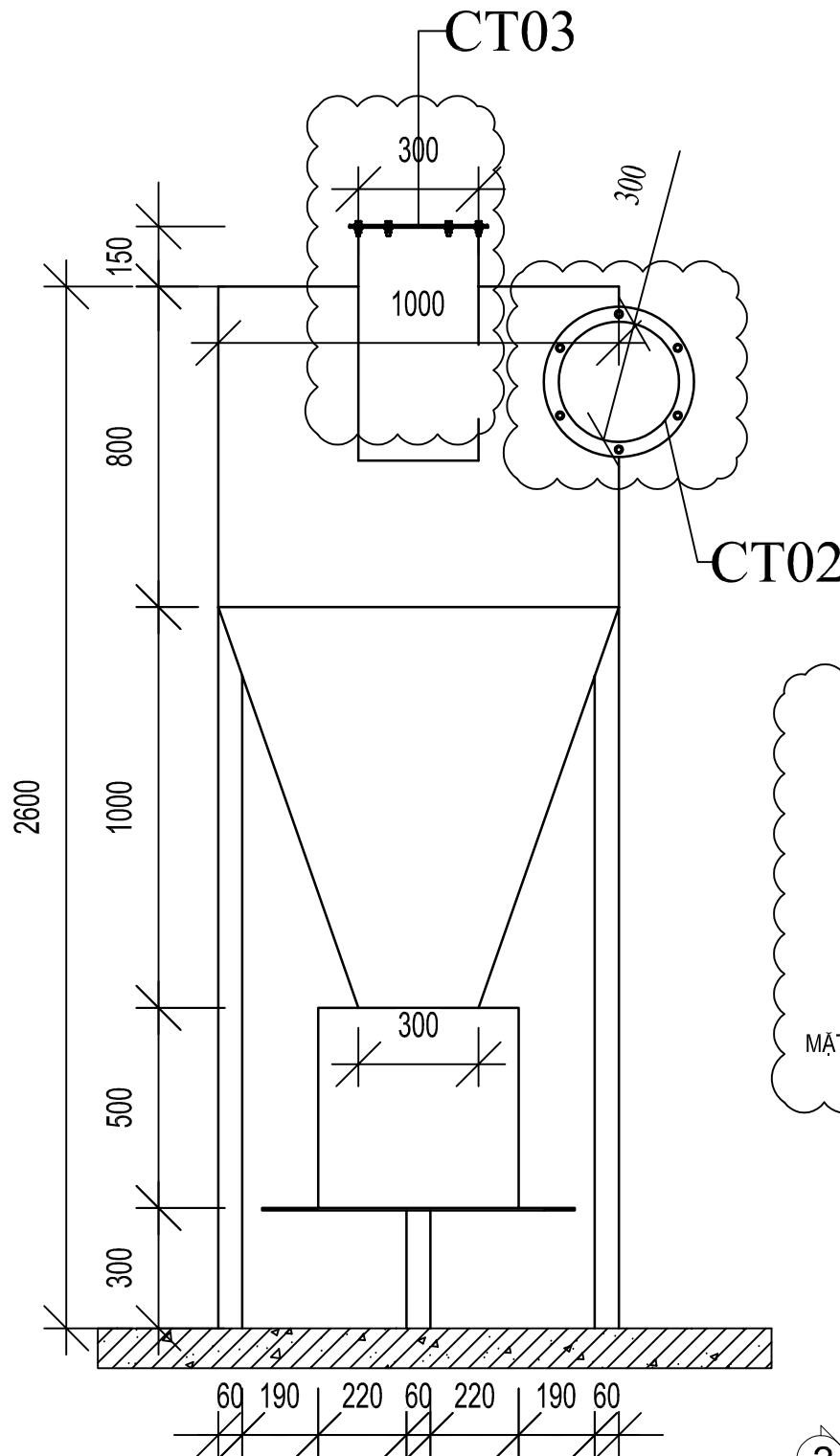
SỐ BẢN VẼ :
KIẾN TRÚC



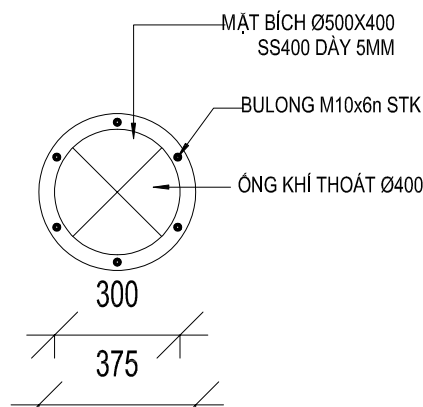
HOÀN THÀNH :
NĂM 2024

HỒ SƠ :

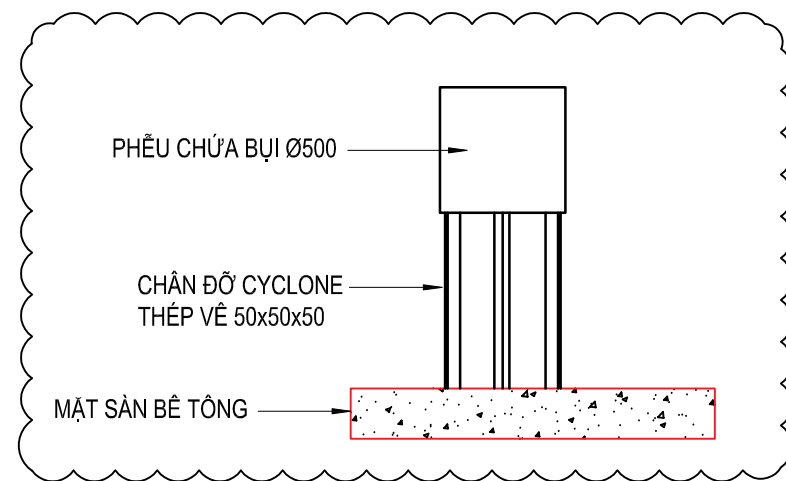
XIN CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG



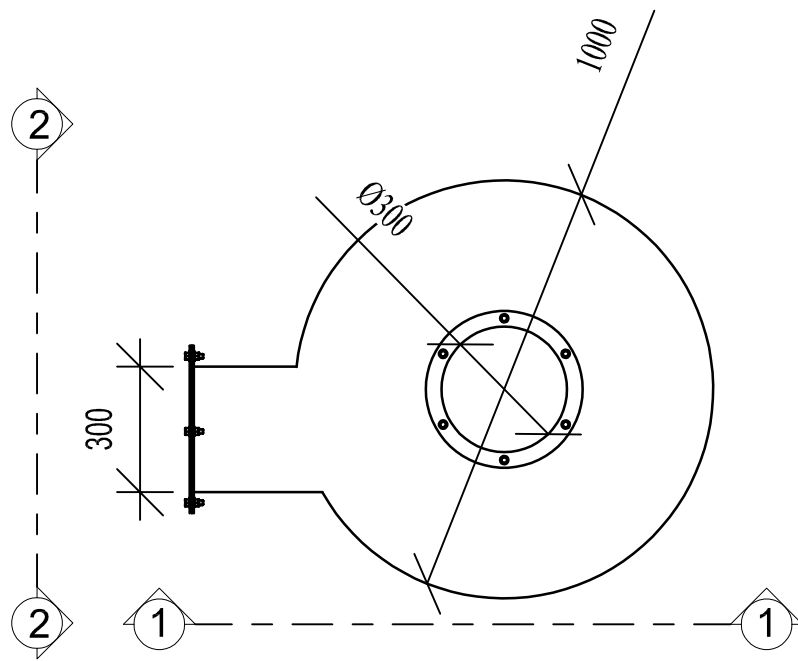
MẶT CẮT 2-2



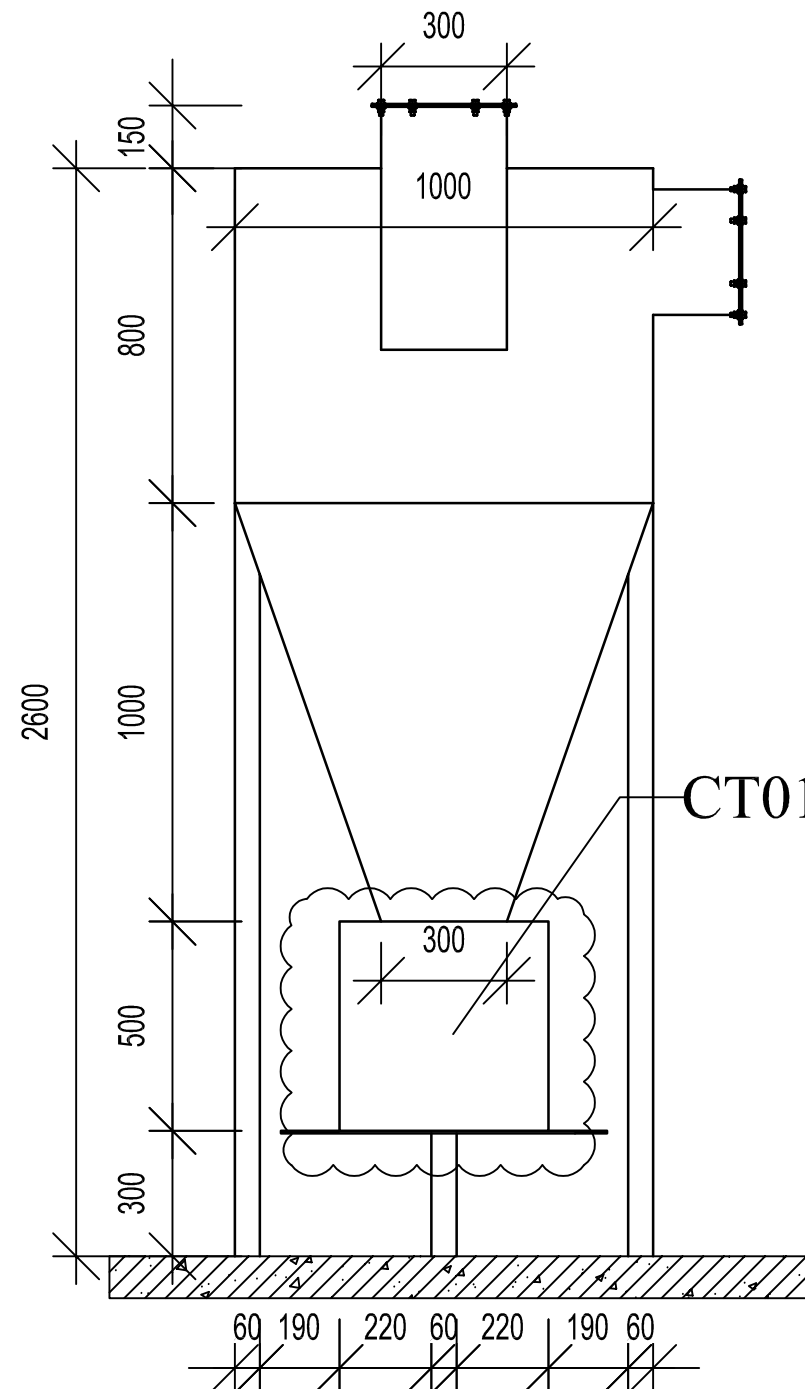
CHI TIẾT 2



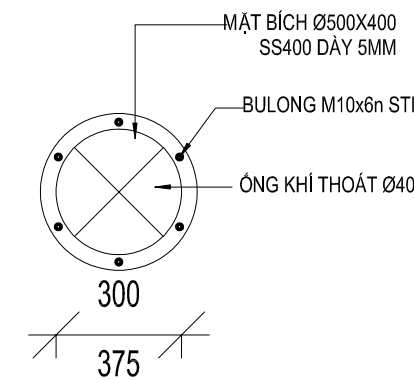
CHI TIẾT 1



MẶT BẰNG



MẶT CẮT 1-1



CHI TIẾT 2

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY TNHH MTV XUẤT NHẬP KHẨU
HOÀNG LONG PHÁT

ĐỊA CHỈ: ẤP TRUNG SƠN, XÃ THANH AN, HUYỆN HỚN QUẢN,
TỈNH BÌNH PHƯỚC

GIÁM ĐỐC:



LƯƠNG THỊ MỸ HẠNH

TÊN DỰ ÁN:

XÂY DỰNG XƯỞNG CHẾ BIẾN VÀ
XUẤT KHẨU HẠT ĐIỀU, CÔNG SUẤT 7.000
TẤN SẢN PHẨM/ NĂM

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG: ẤP TRUNG SƠN, XÃ THANH AN,
HUYỆN HỚN QUẢN, TỈNH BÌNH PHƯỚC

HẠNG MỤC:

NHÀ XƯỞNG

TÊN BẢN VẼ:

CHI TIẾT CYCLONE

SỐ BẢN VẼ:

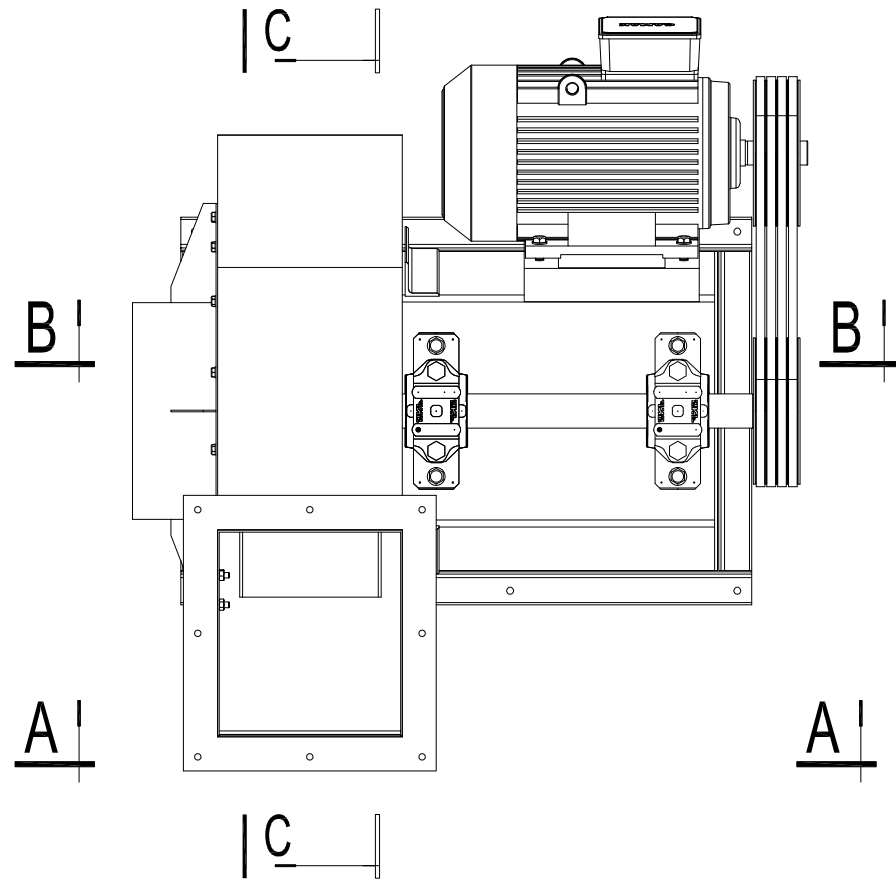
KIẾN TRÚC

HỒ SƠ:

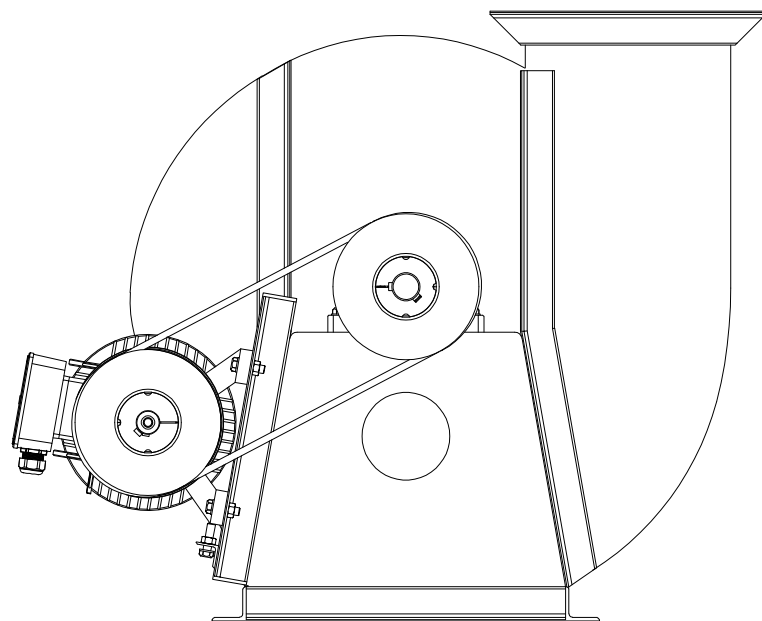
HOÀN THÀNH:

NĂM 2024

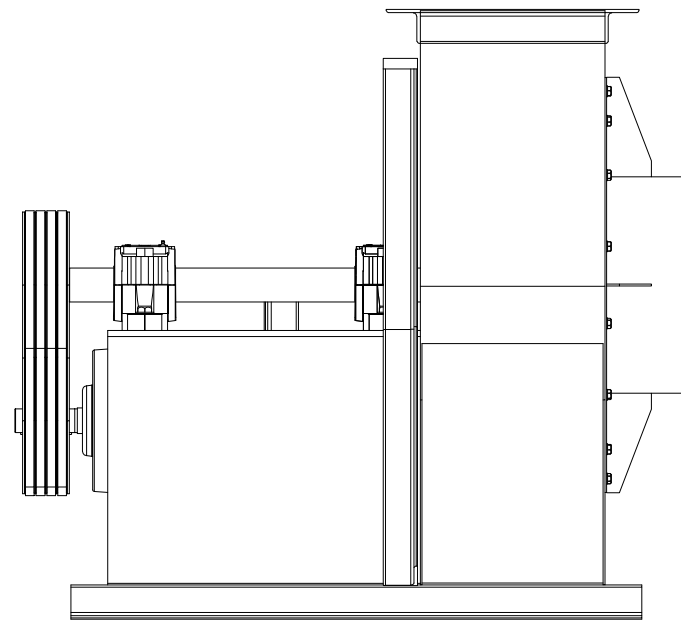
XIN CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG



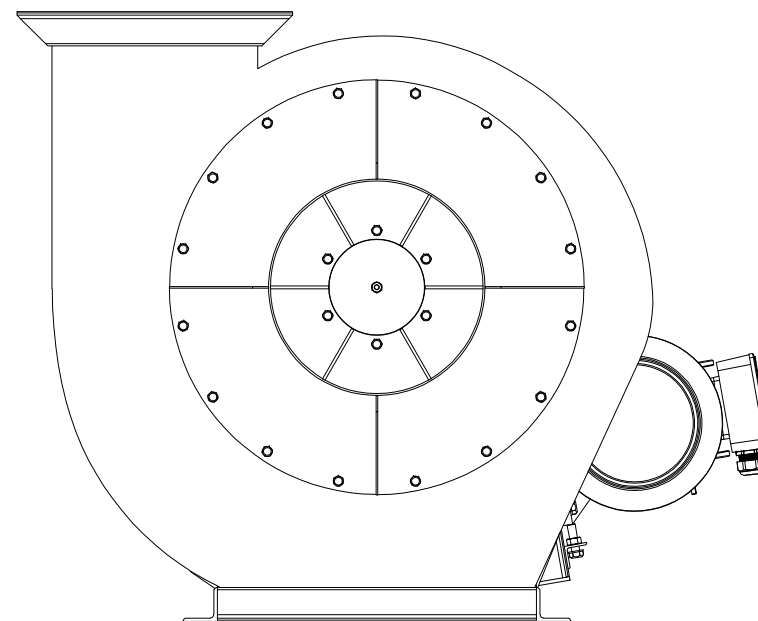
MẶT BẰNG



MẶT CẮT B-B



MẶT CẮT A-A



MẶT CẮT C-C

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY TNHH MTV XUẤT NHẬP KHẨU
HOÀNG LONG PHÁT

ĐỊA CHỈ: ẤP TRUNG SƠN, XÃ THANH AN, HUYỆN HỚN QUẢN,
TỈNH BÌNH PHƯỚC

GIÁM ĐỐC:



LƯƠNG THỊ MỸ HẠNH

TÊN DỰ ÁN:

XÂY DỰNG XƯỞNG CHẾ BIẾN VÀ
XUẤT KHẨU HẠT ĐIỀU, CÔNG SUẤT 7.000
TẤN SẢN PHẨM/ NĂM

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG: ẤP TRUNG SƠN, XÃ THANH AN,
HUYỆN HỚN QUẢN, TỈNH BÌNH PHƯỚC

HẠNG MỤC :

NHÀ XƯỞNG

TÊN BẢN VẼ :

CHI TIẾT QUẠT HÚT

SỐ BẢN VẼ :

KIẾN TRÚC

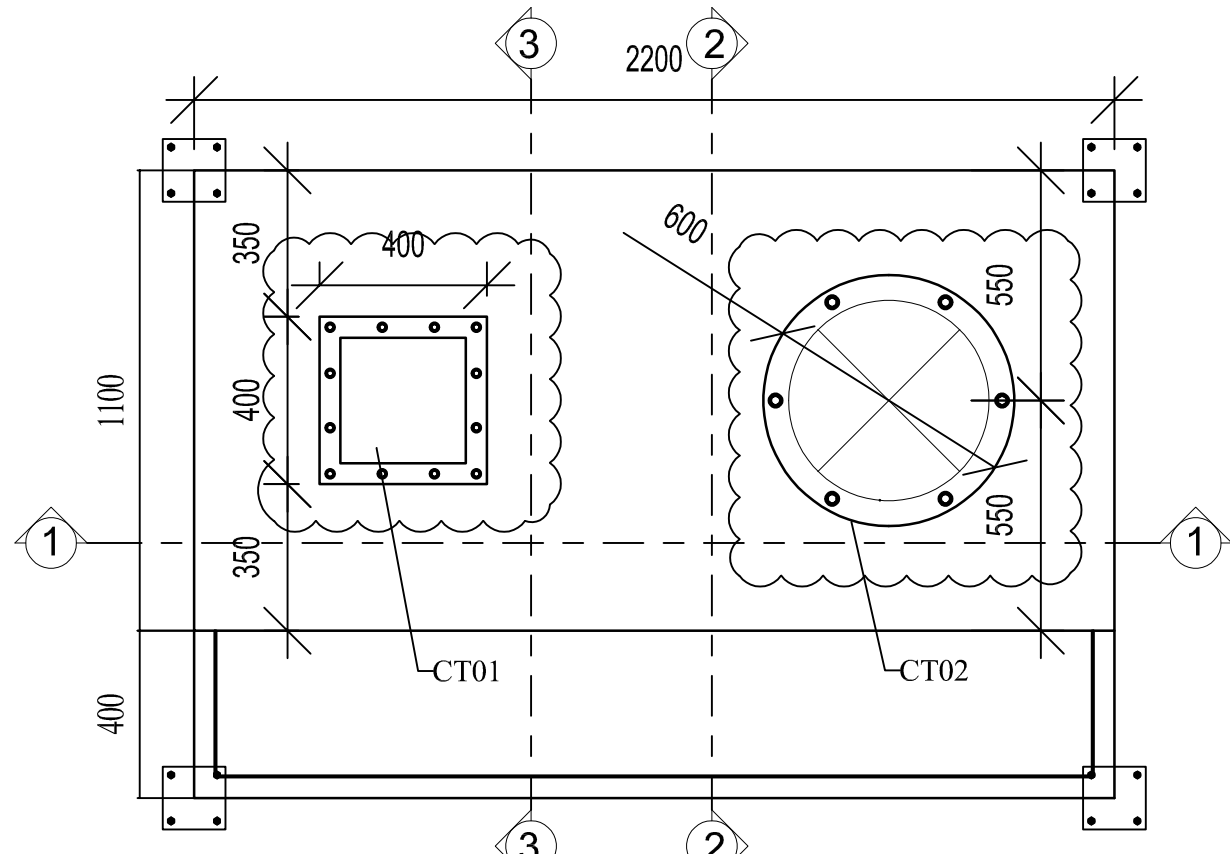


HOÀN THÀNH :

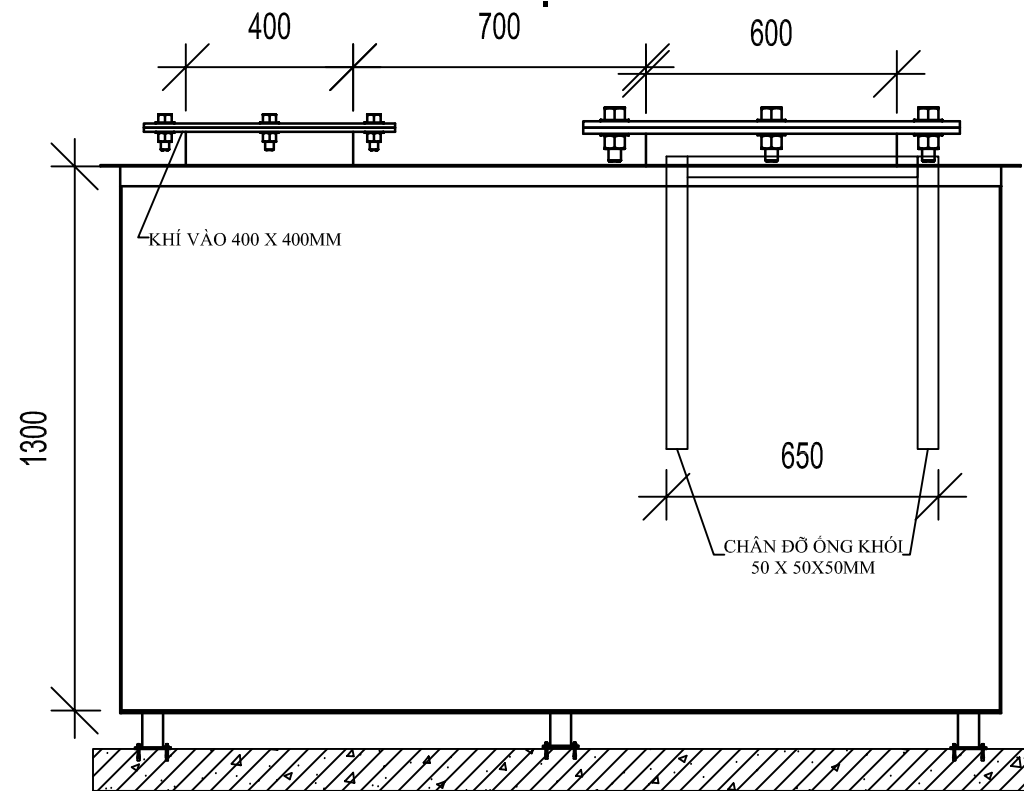
NĂM 2024

HỒ SƠ :

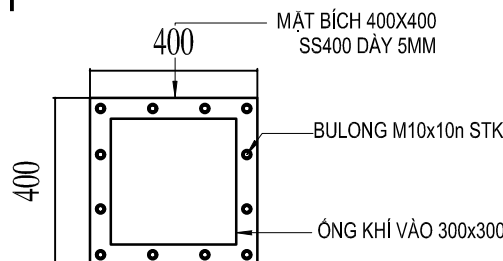
XIN CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG



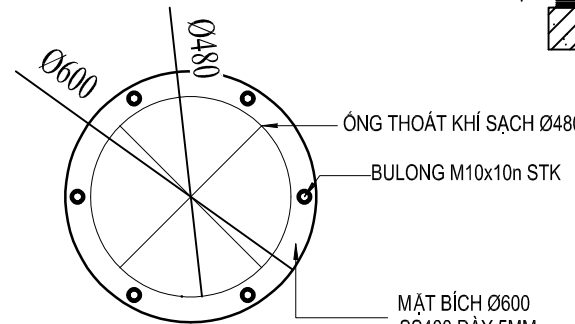
MẶT BẰNG



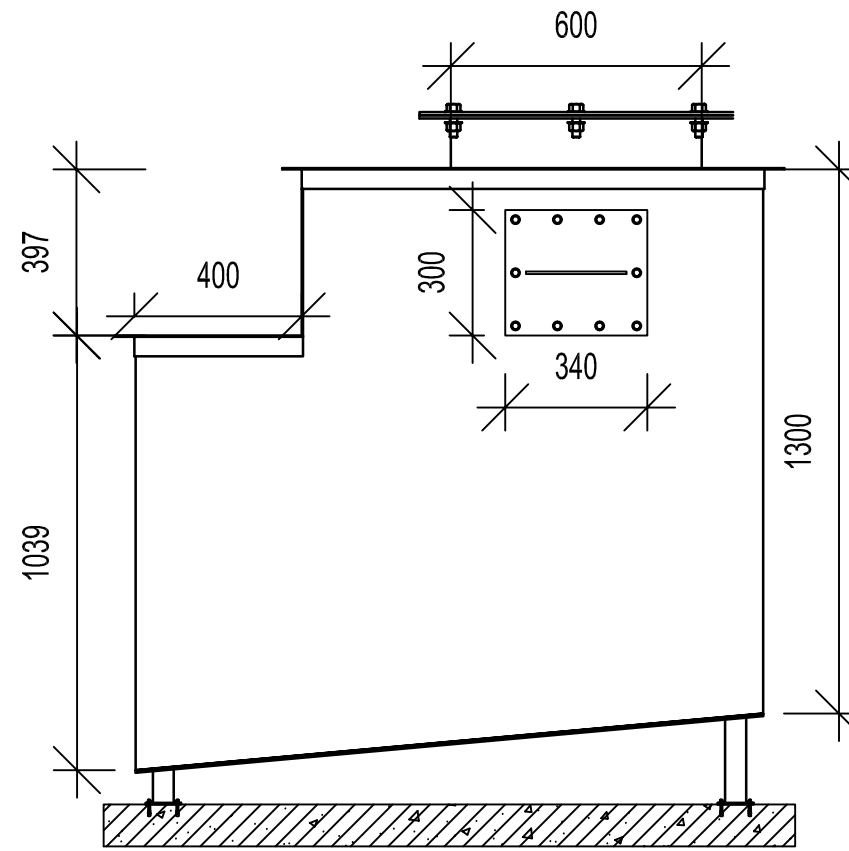
MẶT CẮT 1-1



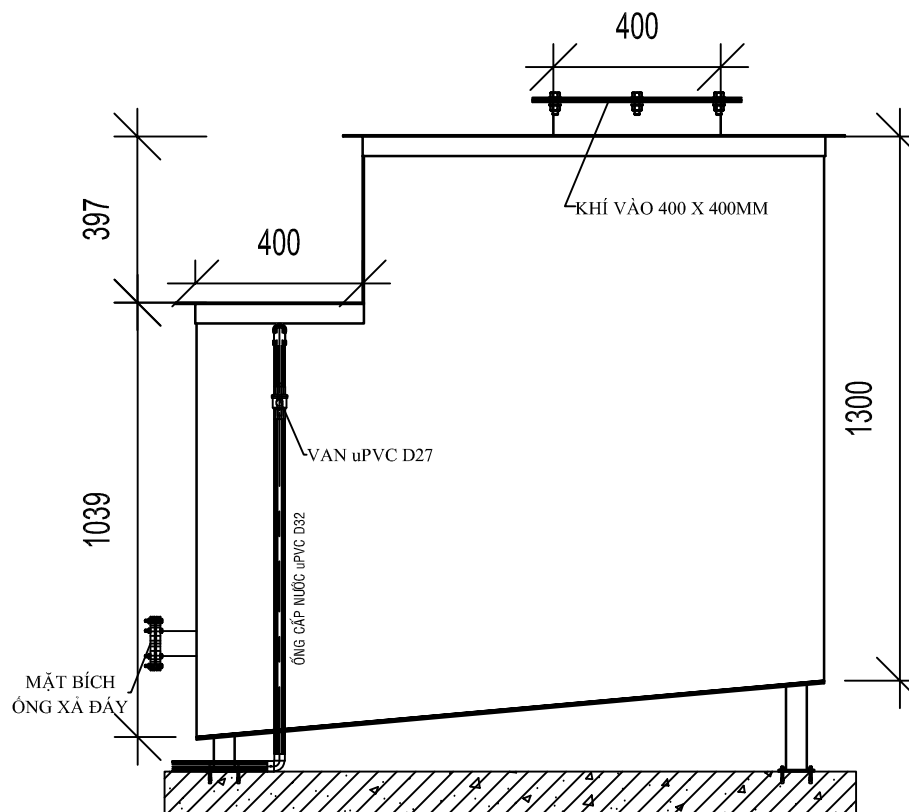
CHI TIẾT 1



CHI TIẾT 2



MẶT CẮT 2-2



MẶT CẮT 3-3

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY TNHH MTV XUẤT NHẬP KHẨU
HOÀNG LONG PHÁT

ĐỊA CHỈ: ẤP TRUNG SƠN, XÃ THANH AN, HUYỆN HỚN QUẢN,
TỈNH BÌNH PHƯỚC

GIÁM ĐỐC:



LƯƠNG THỊ MỸ HẠNH

TÊN DỰ ÁN:

XÂY DỰNG XƯỞNG CHẾ BIẾN VÀ
XUẤT KHẨU HẠT ĐIỀU, CÔNG SUẤT 7.000
TẤN SẢN PHẨM/ NĂM

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG: ẤP TRUNG SƠN, XÃ THANH AN,
HUYỆN HỚN QUẢN, TỈNH BÌNH PHƯỚC

HẠNG MỤC:

NHÀ XƯỞNG

TÊN BẢN VẼ:

BỂ HẤP THỤ BẰNG NƯỚC

SỐ BẢN VẼ:

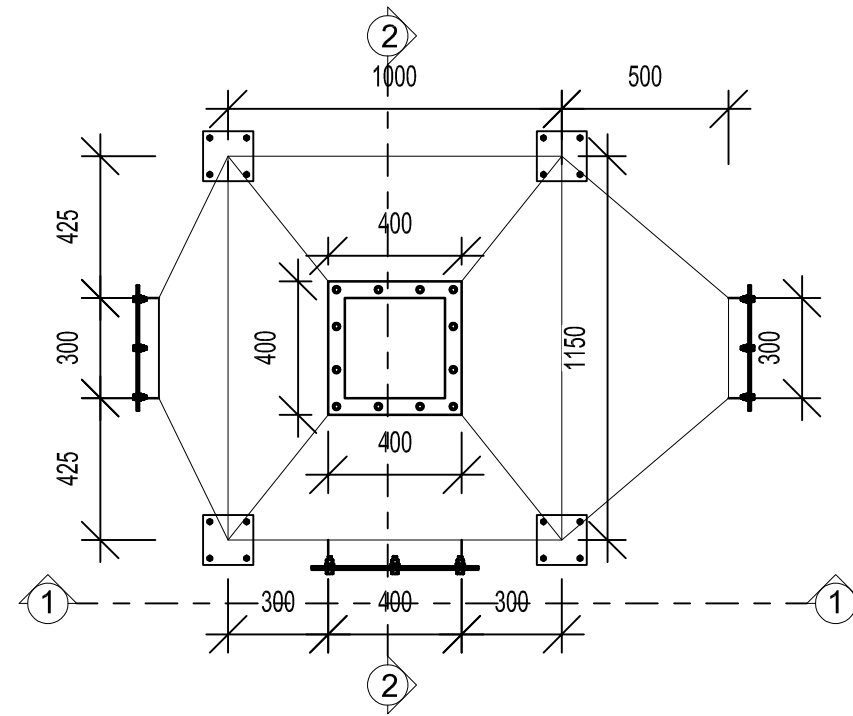
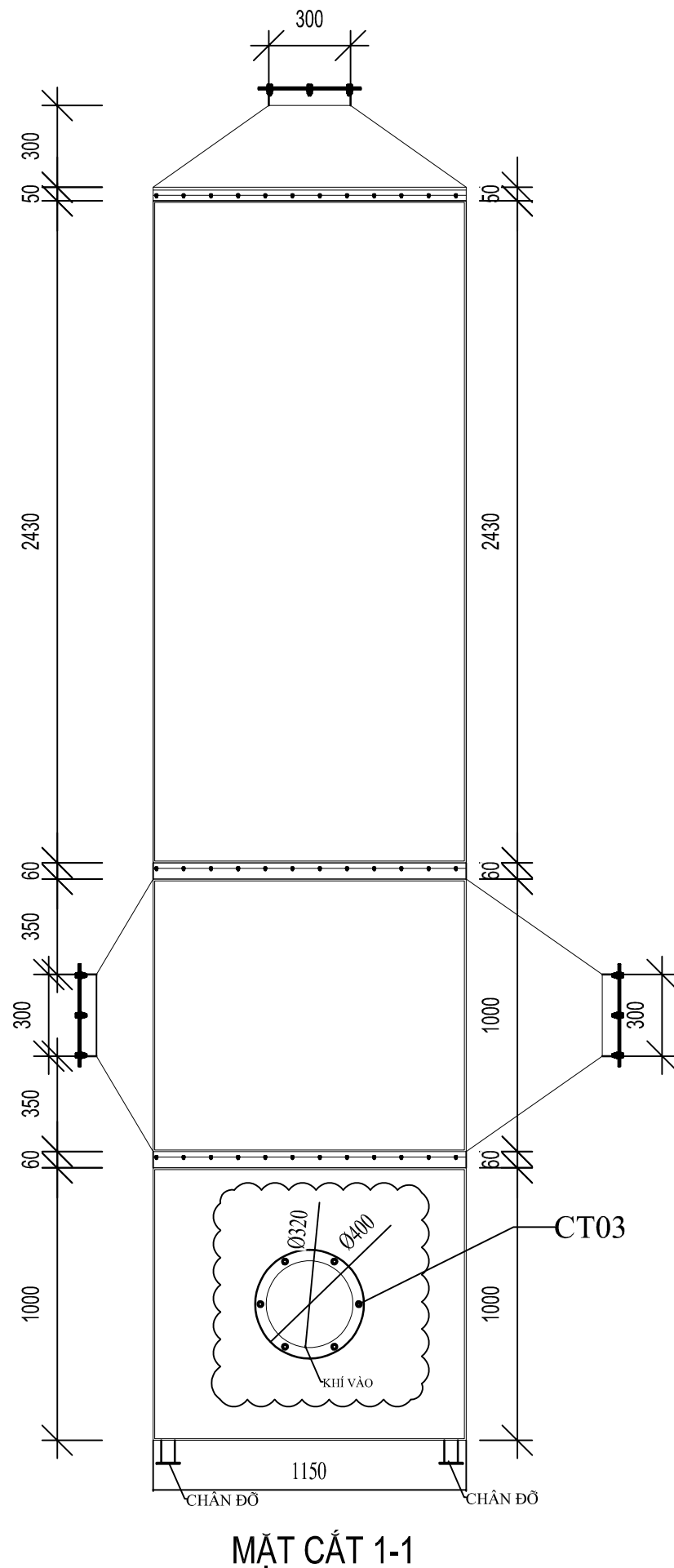
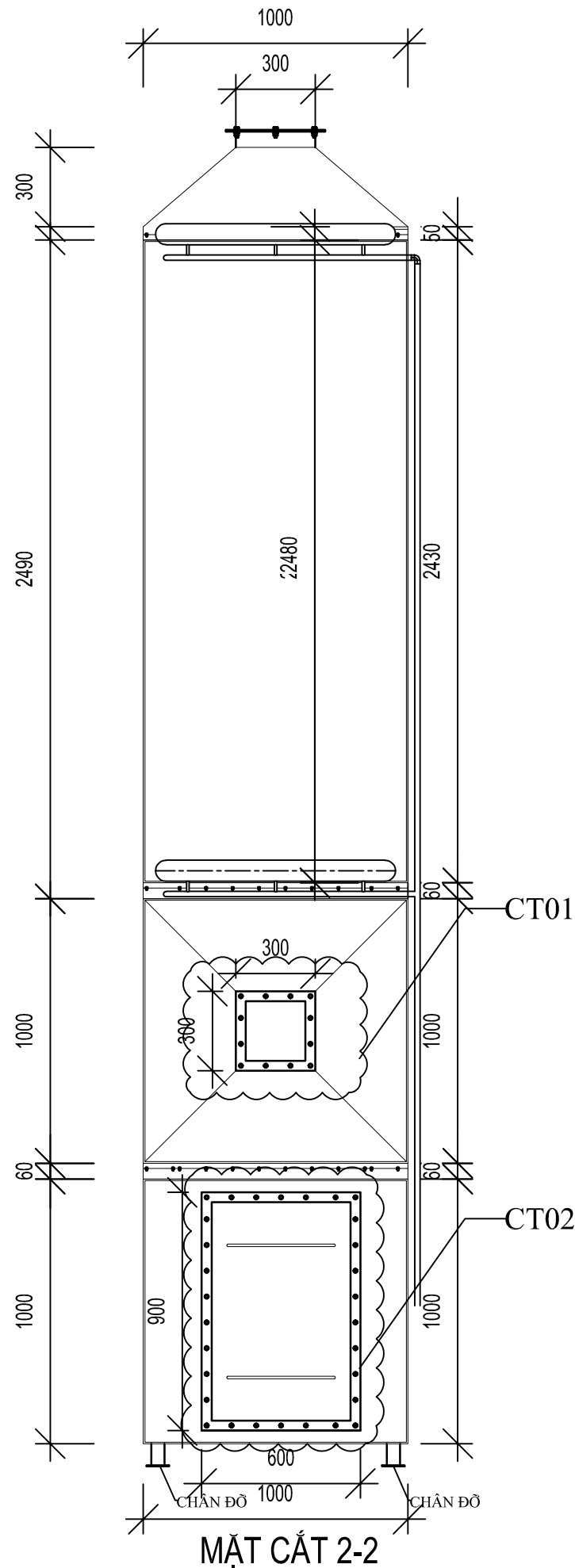
KIẾN TRÚC

HỒ SƠ:

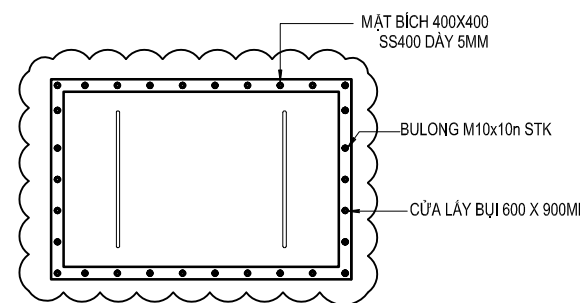


HOÀN THÀNH :
NĂM 2024

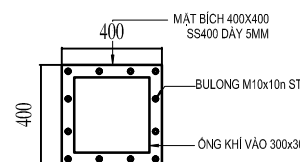
XIN CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG



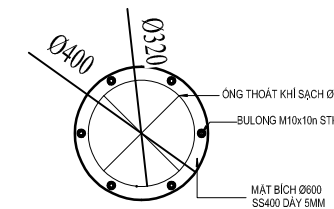
MẶT BẰNG



CHI TIẾT 2



CHI TIẾT 1



CHI TIẾT 3

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY TNHH MTV XUẤT NHẬP KHẨU
HOÀNG LONG PHÁT

ĐỊA CHỈ: ẤP TRUNG SƠN, XÃ THANH AN, HUYỆN HỚN QUẦN,
TỈNH BÌNH PHƯỚC

GIÁM ĐỐC:



LƯƠNG THỊ MỸ HẠNH

TÊN DỰ ÁN:

XÂY DỰNG XƯỞNG CHẾ BIẾN VÀ
XUẤT KHẨU HẠT ĐIỀU, CÔNG SUẤT 7.000
TẤN SẢN PHẨM/ NĂM

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG: ẤP TRUNG SƠN, XÃ THANH AN,
HUYỆN HỚN QUẦN, TỈNH BÌNH PHƯỚC

HẠNG MỤC:

NHÀ XƯỞNG

TÊN BẢN VẼ:

BỘ THU HỒI NHIỆT

SỐ BẢN VẼ:

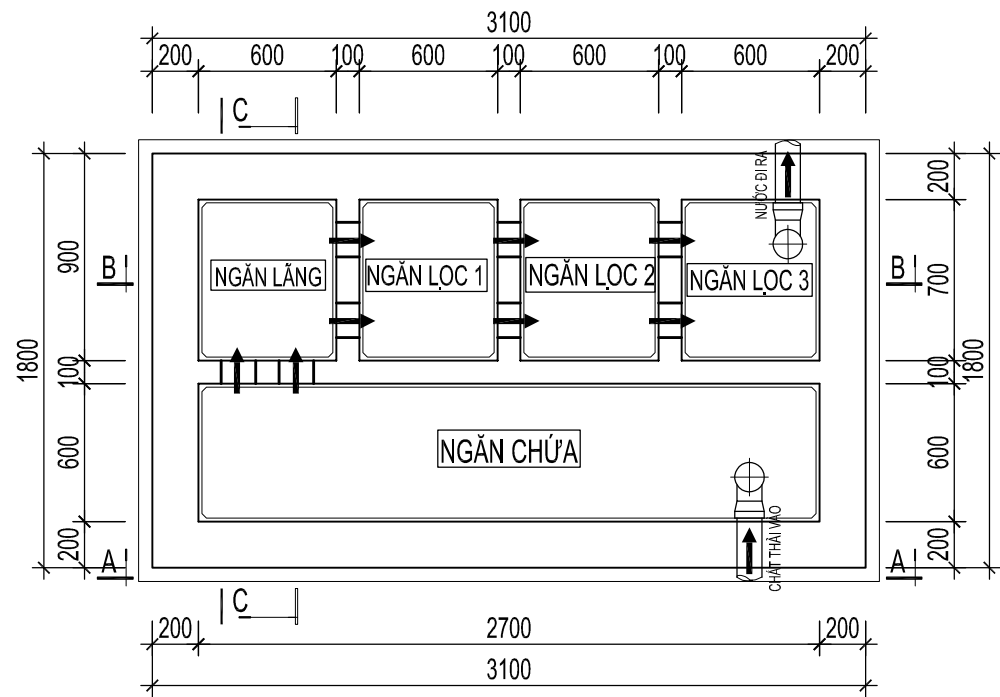
KIẾN TRÚC

HOÀN THÀNH:

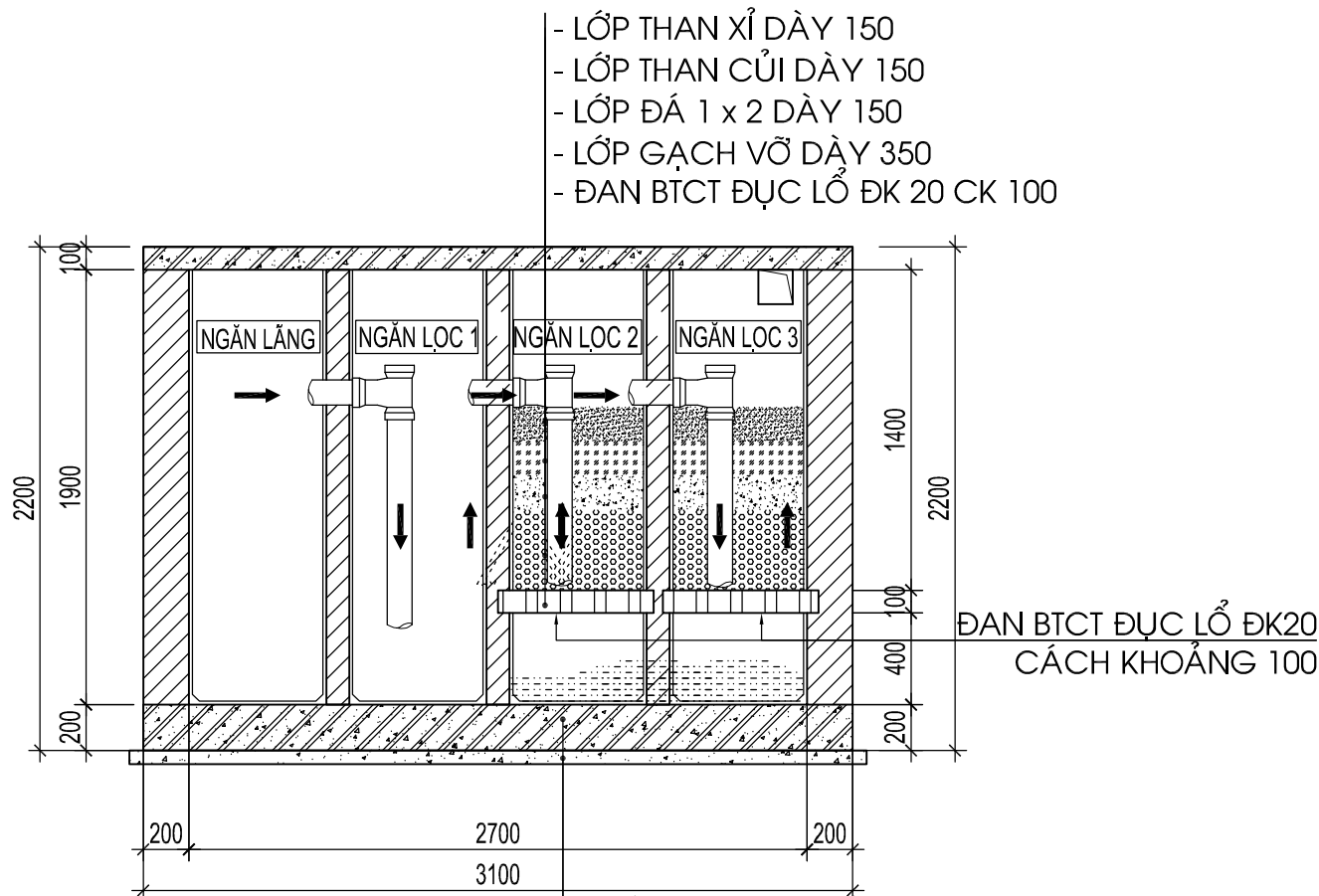
NĂM 2024

HỒ SƠ:

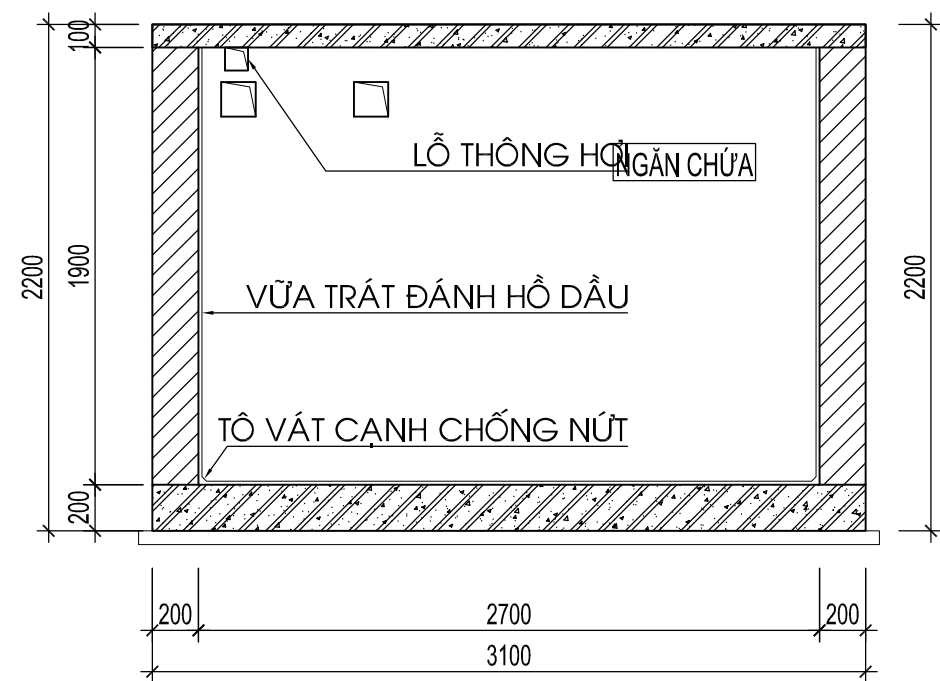
XIN CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG



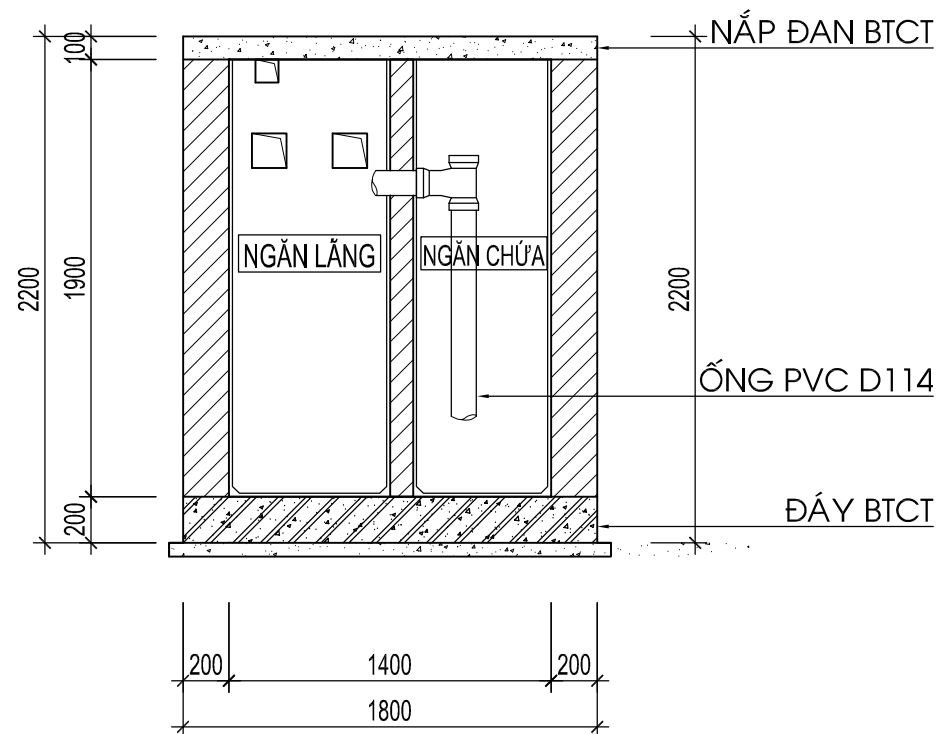
MẶT BẰNG BỂ PHỐT



MẶT CẮT B - B



MẶT CẮT A - A



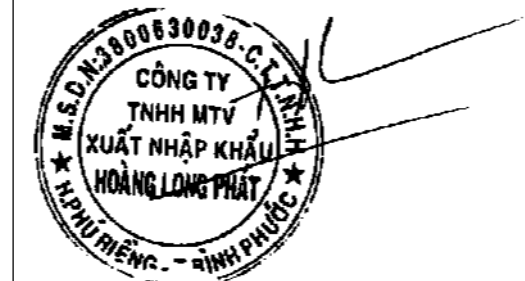
MẶT CẮT C - C

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY TNHH MTV XUẤT NHẬP KHẨU
HOÀNG LONG PHÁT

ĐỊA CHỈ: ẤP TRUNG SƠN, XÃ THANH AN, HUYỆN HỚN QUẢN,
TỈNH BÌNH PHƯỚC

GIÁM ĐỐC:



LƯƠNG THỊ MỸ HẠNH

TÊN DỰ ÁN:

XÂY DỰNG XƯỞNG CHẾ BIẾN VÀ
XUẤT KHẨU HẠT ĐIỀU, CÔNG SUẤT 7.000
TẤN SẢN PHẨM/ NĂM

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG: ẤP TRUNG SƠN, XÃ THANH AN,
HUYỆN HỚN QUẢN, TỈNH BÌNH PHƯỚC

HẠNG MỤC:

NHÀ XƯỞNG

TÊN BẢN VẼ:

CHI TIẾT BỂ TỰ HOẠI 5 NGĂN - CÔNG SUẤT 4M3/NGÀY.ĐÊM

SỐ BẢN VẼ:

KIẾN TRÚC

HOÀN THÀNH:

NĂM 2024

HỒ SƠ:

XIN CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG